

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN VĂN BÌNH

**VẬN DỤNG MÔ TÍP CÁC CON VẬT
TRONG TRANG TRÍ THỜI TRẦN VÀO DẠY HỌC MỸ THUẬT
TẠI TRƯỜNG THCS LƯƠNG NGỌC QUYẾN THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN MỸ THUẬT
Khóa 10 (2020 - 2022)**

Hà Nội, 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN VĂN BÌNH

VẬN DỤNG MÔ TÍP CÁC CON VẬT
TRONG TRANG TRÍ THỜI TRẦN VÀO DẠY HỌC MĨ THUẬT
TẠI TRƯỜNG THCS LƯƠNG NGỌC QUYẾN THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật

Mã số: 8140111

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trương Quốc Bình

Hà Nội, 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn thạc sĩ: *“Vận dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến TP. Thái Nguyên”* là công trình nghiên cứu của riêng học viên và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình khoa học nào.

Học viên xin chịu trách nhiệm về nội dung luận văn!

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2023

Tác giả

Nguyễn Văn Bình

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
ĐDDH	Đồ dùng dạy học
GD	Giáo dục
GS	Giáo sư
GT	Giáo trình
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
LLDH	Lý luận dạy học
Nxb	Nhà xuất bản
PPDH	Phương pháp dạy học
SGK	Sách giáo khoa
TH	Tiết học
TCHĐ	Tổ chức hoạt động
THCS	Trung học cơ sở
TP	Thành phố
Tr	Trang

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Khung chương trình môn Mĩ thuật cấp THCS	21
Bảng 1.2. Nội dung cấu trúc sách giáo khoa Mĩ thuật.....	25
Bảng 3.1. Vận dụng hình tượng con vật vào các bài học ở các khối lớp	58
Bảng 3.2. Định hướng hình thức bài tập thực hành vận dụng	70

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI.....	8
1.1. Một số khái niệm sử dụng trong đề tài.....	8
1.1.1. Mô típ.....	8
1.1.2. Trang trí truyền thống.....	9
1.1.3. Khái niệm về dạy học mỹ thuật.....	10
1.2. Khái quát về các con vật trong trang trí thời Trần.....	14
1.2.1. Con vật trên chất liệu đá.....	14
1.2.2. Con vật trên chất liệu gỗ.....	18
1.2.3. Con vật trên chất liệu đất nung/gốm.....	19
1.3. Chương trình giáo dục phổ thông 2018.....	19
1.4. Khái quát và Thực trạng dạy học bộ môn Mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyển TP. Thái Nguyên.....	26
1.4.1. Khái quát chung về trường THCS Lương Ngọc Quyển thành phố Thái Nguyên.....	26
1.4.2. Thực trạng dạy học Mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyển TP. Thái Nguyên.....	28
Tiểu kết.....	36
Chương 2: TẠO HÌNH MÔ TÍP CON VẬT TRONG TRANG TRÍ THỜI TRẦN VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC MỸ THUẬT TẠI TRƯỜNG THCS LƯƠNG NGỌC QUYỂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN.....	38
2.1. Đặc điểm tạo hình mô típ trang trí con vật thời Trần vận dụng vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyển thành phố Thái Nguyên.....	38
2.1.1. Đặc điểm về đường nét.....	38
2.1.2. Đặc điểm về khối.....	39
2.2. Ý nghĩa tạo hình các con vật trong trang trí thời Trần được vận dụng vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyển TP. Thái Nguyên.....	43
2.2.1. Ý nghĩa tạo hình rồng.....	43
2.2.2. Ý nghĩa tạo hình phượng.....	47

2.2.3. Ý nghĩa tạo hình kỳ lân.....	50
2.2.4. Ý nghĩa tạo hình cá	51
2.2.5. Ý nghĩa tạo hình hổ	53
2.2.6. Ý nghĩa tạo hình hươu.....	54
2.3. Giá trị nghệ thuật khi ứng dụng các con vật vào giảng dạy.....	56
Tiểu kết.....	57
Chương 3: VẬN DỤNG MÔ TÍP CÁC CON VẬT TRONG TRANG TRÍ THỜI TRẦN VÀO DẠY HỌC BỘ MÔN MỸ THUẬT TẠI TRƯỜNG THCS LƯƠNG NGỌC QUYÊN TP.THÁI NGUYÊN.....	58
3.1. Sử dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học mỹ thuật ..	58
3.1.1. Một số mô típ con vật có thể vận dụng vào dạy - học mỹ thuật.....	58
3.1.2. Một số kỹ thuật tổ chức dạy - học thông thường	61
3.1.3. Một số loại hình trang trí truyền thống	65
3.1.4. Định hướng hình thức bài tập thực hành vận dụng.....	70
3.2. Hình thức tổ chức vận dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học môn Mỹ thuật.....	71
3.2.1. Hình thức tổ chức hoạt động tiếp cận tìm hiểu mô típ các con vật trong trang trí thời Trần.....	71
3.2.2. Hình thức thực hành vận dụng các mô típ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần vào học mỹ thuật.....	72
3.3. Thực nghiệm	77
3.3.1. Địa điểm và đối tượng dạy thực nghiệm.....	77
3.3.2. Thời gian tiến hành	77
3.3.3. Nội dung dạy thực nghiệm.....	77
3.4. Đánh giá, nhận xét kết quả thực nghiệm.....	80
Tiểu kết chương 3.....	81
KẾT LUẬN	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85
PHỤ LỤC.....	89

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong các di tích mỹ thuật của người Việt, nhiều hoa văn trang trí được sử dụng nhằm làm tăng thêm cái đẹp cho công trình kiến trúc và các hiện vật. Bên cạnh đó là gắn với ý nghĩa biểu tượng không thể thiếu trong tư duy, tôn giáo tín ngưỡng từ nhiều năm qua của số đông nhân dân. Trang trí còn là sự đáp ứng những nhu cầu thị hiếu và lòng khao khát về cái đẹp của con người. Từ xa xưa con người đã biết làm đẹp, để rồi trên các công trình kiến trúc tôn giáo yếu tố trang trí được đề cao.

Các mô típ trang trí trên các thành phần kiến trúc truyền thống góp phần làm đẹp, duyên dáng và thêm vẻ đẹp cho nội thất kiến trúc tạo nên sự tinh tế, trang nhã cho toàn bộ công trình. Mặt khác, tùy vào từng hiện vật mà mô típ trang trí mang theo ý nghĩa biểu tượng làm tăng thêm vai trò và giá trị của từng thành phần kiến trúc cũng như công năng mà nó được trang trí.

Nghệ thuật trang trí được thể hiện từ những mô típ hoa văn đẹp mắt làm tô điểm thêm vẻ đẹp cho toàn bộ công trình kiến trúc như: Hoa lá, con người, mây nước, sóng núi và cả những hình tiên nữ, tứ linh, vật linh mang những ý nghĩa biểu tượng gắn bó với công trình kiến trúc tôn giáo. Không chỉ trên kiến trúc các di tích lịch sử hay các công trình kiến trúc tôn giáo đình, đền, chùa mà còn trên kiến trúc của những ngôi nhà dân sự hoặc kiến trúc công sở người ta cũng quan tâm đến việc trang hoàng cho thẩm mỹ, đó cũng là đề cao yếu tố trang trí. Trang trí nội thất công trình kiến trúc biểu hiện đầy đủ cái đẹp của một nền nghệ thuật. Những con vật, linh vật được chạm khắc trên chất liệu đá trở thành những đồ án trang trí trong chùa làng thời Trần còn mang nhiều ý nghĩa và giá trị nghệ thuật. Những con vật trên chạm khắc đá, gỗ trong chùa thời Trần thường thấy là: rồng, lân, hươu, sư tử, cá hóa rồng... trang trí trên các bàn thờ Phật bằng đá, cánh cửa, tháp và cũng phục vụ cho việc thờ cúng.

Việc vận dụng các mô típ trang trí hình con vật trong chùa thời Trần vào việc dạy học mỹ thuật nói chung, dạy trang trí nói riêng đều mang tính ứng dụng rất cao. Tuy nhiên, nhìn tổng thể chương trình - SGK trung học cơ sở hiện hành (chương trình - SGK cũ) việc mở rộng khai thác ứng dụng vào thực tiễn địa phương chưa nhiều. Xuất phát từ suy nghĩ như vậy học viên lựa chọn đề tài: “*Vận dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến - TP. Thái Nguyên*”. Thiết nghĩ, nghiên cứu đề tài sẽ đóng góp - cải thiện phần nào giờ học vẽ trang trí tại trường THCS Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên đáp ứng nh cầu đòi mới giáo dục mỹ thuật trong tình hình hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây có nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước đã quan tâm nghiên cứu và tìm hiểu về lĩnh vực văn hóa cổ truyền dân tộc. Trong đó có những nghiên cứu về lĩnh vực mỹ thuật dưới góc nhìn như: kiến trúc truyền thống, điêu khắc truyền thống, trang phục truyền thống... những công trình đã được công bố như:

Năm 2001, tác giả Trần Lâm Biên với cuốn *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, (2001) [2]. Phần linh vật trang trí trên di tích được nhắc đến bằng hình tượng rồng trên nhang án đá ở cuối thế kỷ XIV. Bằng niềm đam mê và nhận thức của mình, tác giả đã cung cấp cho người đọc không chỉ là mô tả sự biến đổi của con rồng qua các thời mà tác giả còn cho biết rồng thời Trần có đặc điểm tạo hình khác với thời Lý và nó chở theo những biểu tượng đáng quý.

Năm 2019, tác giả Trần Thị Biên đã xuất bản cuốn: *Nghệ thuật trang trí trên bàn thờ Phật bằng đá trong chùa của người Việt*, Nxb Đại học Quốc gia [4]. Cuốn sách có nội dung luận giải các vấn đề về ý nghĩa biểu tượng, đặc điểm tạo hình, kỹ thuật thể hiện, chất liệu trong trang trí một

hiện vật mỹ thuật là Bàn thờ Phật bằng đá. Đây cũng là nguồn tài liệu giúp ích cho học viên tham khảo vào phần nội dung của luận văn.

Nguyễn Phi Hoanh (1990), *Lược sử Mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội [15]. Tác giả đi sâu phân tích thành tựu của Mỹ thuật Việt Nam (Hội họa, điêu khắc, kiến trúc, trang trí) từ thời kỳ nguyên thủy đến hiện đại. Trong đó, Mỹ thuật thời Trần được tác giả đề cập đến ở chương 3 Mỹ thuật thời kỳ Phong kiến.

Năm 1979, Viện Mỹ thuật xuất bản cuốn *Bản rập những con vật trong nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam* [51]. Tài liệu giới thiệu nguyên bản các con vật có kích thước nhỏ được rập trên giấy dó (tỷ lệ 1/1) qua các chất liệu gỗ, đá, đất nung ở các thành phần kiến trúc của tượng thờ và bia ký... Tài liệu cho rằng: “Nghệ thuật chạm khắc Việt Nam có truyền thống lâu đời, song mới chỉ phát triển rõ nét từ khoảng đầu thiên niên kỷ thứ hai sau công nguyên”. Đó là những điều được nhắc tới sự hình thành của các trang trí trên các công trình kiến trúc và điêu khắc.

Năm 1977, Viện Nghệ thuật xuất bản cuốn *Mỹ thuật thời Trần* [50]. Nội dung tài liệu đề xuất nghiên cứu các vấn đề về kiến trúc, điêu khắc, hội họa, gốm của thời kỳ nhà Trần. Trong đó có đưa hình tượng các con vật trang trí trên kiến trúc và điêu khắc như một điều bắt buộc cần thiết trong đời sống tinh thần của người đương thời. Hình tượng các con vật được nhắc đến như là những biểu tượng ý nghĩa gắn với văn hóa Việt Nam truyền thống và có tác dụng trang trí làm đẹp cho các hiện vật mỹ thuật và các công trình kiến trúc.

Nguyễn Du Chi (2002), *Hoa văn Việt Nam*, Nxb Mỹ Thuật [6]. Nội dung công trình này được tác giả tiếp cận dưới góc nhìn lịch sử và mỹ thuật để luận giải các vấn đề về diễn biến hoa văn các giai đoạn lịch sử từ thời tiền sử đến nửa đầu thời phong kiến. Hình tượng những con vật trong trang trí thời Trần được tác giả nhắc đến như những diễn biến về tạo hình.

Năm 1989, năm 1991 cuốn *Mỹ thuật của người Việt* [31], do hai tác giả Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng chủ biên. Tác giả đề xuất khoảng 6 nhang án đá có niên đại và gọi là bộ tam thể, bên cạnh đó có mấy dòng ngắn ngủi về các nhang án cùng thời không ghi niên đại cụ thể và cho phép hình dung về tượng Phật thời Trần có kích thước tương đối lớn.

Năm 1997, tác giả Tống Trung Tín với *Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý và thời Trần (thế kỷ XI - XIV)* [41]. Trong phần nói về các mô típ trang trí trên bề thờ Phật tác giả có nhắc đến các con vật được đưa vào trang trí trở thành mô típ trang trí thuộc thời Trần. Các chủ đề trang trí trong điêu khắc thời Trần hầu hết được tiếp thu từ thời Lý nhưng lại mang phong cách tạo hình của thời Trần riêng biệt.

Nguyễn Thu Tuấn (2011), *Phương pháp dạy học Mỹ thuật (Tập 1 + Tập 2)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội [44]. Nội dung của cả 2 tập đều được tác giả cung cấp những nội dung về đổi mới phương pháp dạy học mỹ thuật. Qua đó, đề xuất các phương tiện dạy học phù hợp với tiêu chí đổi mới phù hợp với bối cảnh hiện nay.

Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Giáo trình phương pháp dạy - học Mỹ thuật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội [45]: Nội dung tài liệu có đề xuất phương pháp dạy học trong đó có dạy học mỹ thuật thông qua các vấn đề như trang trí, kỹ thuật xây dựng bài dạy và phương pháp dạy học. Giúp người dạy và người học chủ động trong việc thực hiện những sản phẩm mỹ thuật thông qua mỗi chủ đề học tập.

Tạ Phương Thảo (2003), *Giáo trình Trang trí*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội [36]. Đây là tài liệu được tác giả biên soạn dựa trên những đúc kết kinh nghiệm từ việc dạy học mỹ thuật, đặc biệt là dạy phần trang trí. Có thể vận dụng từ tài liệu này những kỹ năng, phương pháp và quan điểm dạy học trang trí khi áp dụng vào việc dạy học cho HS.

Từ tình hình nghiên cứu đã được trình bày ở trên học viên đã biết vận dụng những nguồn tài liệu này nhằm chọn lọc những thông tin cần thiết

để có thể triển khai trong nội dung nghiên cứu của mình đó là đề tài luận văn “*Vận dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến - TP. Thái Nguyên*”. Qua nghiên cứu này học viên sẽ làm rõ việc vận dụng mô típ con vật trong trang trí thời Trần vào dạy một số bài học trong chương trình Mỹ thuật THCS hiện nay. Đặc biệt là chương trình mới 2018 đang thực hiện cho các lớp đầu cấp.

3. Mục đích của luận văn

Với đề tài: “*Vận dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên*”. Học viên mong muốn:

- + Làm rõ đặc điểm nghệ thuật của hình tượng các con vật trang trí, chạm khắc trên các hiện vật bằng đá hiện bày trong các ngôi chùa thời Trần
- + Có những đóng góp từ kết quả nghiên cứu luận văn giúp các thầy/cô giáo dạy học Mỹ thuật ở phổ thông vận dụng mô típ con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học một số bài trang trí tại trường THCS nói chung, trường THCS Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên nói riêng.
- + Nêu rõ vai trò của việc dạy học mỹ thuật, mong muốn giờ học môn Mỹ thuật sẽ được sinh động hơn, học sinh sẽ hào hứng hơn trong học tập và vận dụng tốt những hiểu biết nhất định về các mô típ và các con vật trong trang trí thời Trần đã được học vào trong đời sống hàng ngày của các em.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hình tượng các con vật trang trí trong các di tích thời Trần vận dụng vào dạy học mỹ thuật.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Hình tượng con vật là tượng tròn và phù điêu trang trí trên đá, gỗ trong chùa làng thời Trần: Chùa Bối Khê, chùa Hương trai (Hà Nội), chùa Thái Lạc (Hưng Yên), chùa Xuân Lũng (Phú Thọ), chùa Phổ Minh (Nam Định).

Những hiện vật có trang trí hình con vật trong các ngôi chùa có niên đại thế kỷ XIV (thời kỳ nhà Trần). Những con vật trên chạm khắc đá, gỗ trong chùa thời Trần thường thấy là: rồng, lân, sấu, hươu, sư tử, cá hóa rồng...

Khảo sát thực nghiệm tại trường THCS Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: Phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá tư liệu thứ cấp và tài liệu đã xuất bản. Kết hợp phân tích, tổng hợp các nguồn tư liệu thành văn cũng như kết quả thực nghiệm sư phạm, sau đó so sánh để có được những nhận định và đánh giá mang tính khách quan, chính xác cho các luận điểm khoa học.

- Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Quan sát, điền dã, thực nghiệm, liên hệ thực tế. Thực hiện thực nghiệm sư phạm trên bài tập trang trí cơ bản, chuyên ngành Mĩ thuật, quan sát quá trình làm bài tập và liên hệ thực tế ứng dụng họa tiết trong tạo hình. Đó là những phương pháp quan trọng rất có ích với sinh viên chuyên ngành Mĩ thuật.

6. Đóng góp của luận văn

- Đóng góp về lý luận: Luận văn chỉ ra được vẻ đẹp tạo hình thông qua các đặc điểm về hình khối, mảng miếng, đường nét, màu sắc... mô típ con vật trong trang trí thời Trần. Đồng thời luận văn nêu ra một số hướng vận dụng vào dạy - học môn Mĩ thuật tại trường THCS.

- Đóng góp về thực tiễn: Luận văn còn góp phần làm tài liệu tham khảo cho giáo viên, các em sinh viên đang học ngành Sư phạm mĩ thuật.

7. Kết cấu của luận văn.

Ngoài phần mở đầu, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung gồm:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài (29 trang)

Chương 2: Tạo hình mô típ con vật trong trang trí thời Trần vận dụng vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên (29 trang)

Chương 3: Vận dụng các mô típ con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học bộ môn mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến TP.Thái Nguyên (24 trang)

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Một số khái niệm sử dụng trong đề tài

1.1.1. Mô típ

Đối với mỹ thuật, môtip trang trí được người xưa đưa vào các đồ án trang trí mang tính kết hợp nhiều môtip khác nhau. Nhằm làm tăng thêm vẻ đẹp cho tác phẩm nghệ thuật. Đồng thời môtip xuất hiện trong mỹ thuật tuy ở từng thời kỳ có khác nhau về hình thức thể hiện nhưng đều mang trong mình những dấu ấn dân tộc đặc sắc.

Theo tudienwiki.com quan niệm về mô típ là:

Mô típ (tiếng Pháp: motif) là từ Hán Việt là mẫu đề (do người Trung Quốc phiên âm chữ motif trong tiếng Pháp). Ví dụ: mô típ “người đội lốt cóc”, “lốt quả thị”, “lốt cọp” trong nhiều truyện cổ tích khác nhau, mô típ “quả bầu” hoặc “cục thị”, “bọc trứng” sinh ra người trong thần thoại của nhiều dân tộc, mô típ “đôi giày và việc thử giày” trong truyện Tấm Cám. Trong ca dao truyền thống cũng có nhiều mô típ quen thuộc lớn nhỏ như những “tám bê tông” đúc sẵn được sử dụng theo kiểu “lắp ghép” trong nhiều bài ca dao khác nhau...Những bài trong mỗi nhóm đều có phần giống nhau và khác nhau rõ rệt [53].

Việc sử dụng khái niệm mô típ trong nghiên cứu được xem là một công cụ rất cần thiết không chỉ để nghiên cứu, khảo sát mà còn thuận tiện cho việc luận giải vấn đề của một luận văn.

Mô típ (tiếng anh: motif) là một công thức có tính ước lệ, biểu trưng nghệ thuật của một cốt truyện và thường được lặp đi, lặp lại ghi nhận những ấn tượng về thực tại đặc biệt mạnh mẽ, quan trọng và lặp lại nhiều lần, nó là một đơn vị trần thuật đơn giản

nhất, bằng hình tượng và cũng là những mẫu khái quát sơ khởi có đặc điểm là tính đồng nhất và giống nhau [52].

Thuật ngữ mô típ trong mỹ thuật được dùng như các khái niệm về hoa văn, họa tiết gắn bó với thành phần hoặc bề mặt trang trí nào đó.

Theo Từ điển tiếng Việt thì khái niệm mô típ được viết ngắn gọn hơn: “Mô típ là yếu tố cơ bản trong cấu tạo đề tài của tác phẩm nghệ thuật. Ví dụ như vở kịch được xây dựng theo mô típ quen thuộc” [46, Tr.819].

Tựu trung ta có thể hiểu ngắn gọn mô típ là sự lặp lại nhiều lần, mang cá tính rõ rệt, trong nghệ thuật rất cần cái đó. Từ đề tài, cốt truyện có thể được coi là sự kết hợp của những mô típ. Cốt truyện với tính chất là một sơ đồ phức tạp được hình thành từ một loạt mô típ, nó có thể được lồng ghép trong cốt truyện và các thành phần của cốt truyện.

Hay hiểu một cách khác khi ta nhìn thấy một tác phẩm nghệ thuật, ta sẽ thấy một số mẫu và trình tự được lặp lại khá thường xuyên. Tương tự, trong một câu chuyện hoặc vở kịch, ta có thể thấy một số sự kiện được sử dụng lặp đi lặp lại. Điều này được thực hiện có chủ ý để củng cố một ý tưởng có thể là trọng tâm của câu chuyện. Hình ảnh, hình dạng, màu sắc, con số, âm thanh và các sự kiện được lặp đi lặp lại thường xuyên được gọi là mô típ và chúng phục vụ mục đích củng cố chủ đề của tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật.

Mô típ luôn có giá trị biểu tượng vì nó tượng trưng cho một thứ khác. Người nghệ sĩ sử dụng các biểu tượng này theo một trình tự đặc biệt để nhắc nhở người đọc hoặc khán giả về thông điệp mà anh ta muốn truyền tải.

1.1.2. Trang trí truyền thống

Từ xa xưa khái niệm trang trí luôn luôn được nhắc đến và khái niệm này gắn bó mật thiết với đời sống của con người tiêu biểu như những đồ vật xung quanh cuộc sống hàng ngày của con người.

Trang trí là một “Hình thái nghệ thuật đặc biệt” của con người, là một phạm trù thẩm mỹ phục vụ cuộc sống, là nghệ thuật làm ra

“cái đẹp” để thỏa mãn nhu cầu trước hết là thông tin, giao tiếp với những ký hiệu gắn liền với sự tiến bộ và phát triển tất yếu của đời sống vật chất và tinh thần của con người [20, Tr.2].

Trang trí được xem như là một nghệ thuật sắp đặt như trong mâm cỗ, trang trí ban thờ cúng... trong mỹ thuật trang trí còn là phương pháp hay nghệ thuật sắp xếp hình mảng, đường nét, màu sắc... để tạo nên một tác phẩm mỹ thuật. Tùy từng cấp học mà người dạy có thể triển khai cách sắp xếp hình, màu, nét, bố cục để tạo tính trang trí. Nhìn ở góc độ khác thì trang trí trên các hiện vật mỹ thuật truyền thống cũng được lựa chọn đề tài và kỹ thuật để trang trí như trang trí trên mái kiến trúc, trang trí trên phù điêu, trang trí trên đồ thờ...qua đó phản ánh phong cách thời đại và nhu cầu thẩm mỹ của con người. Trang trí hay nghệ thuật trang trí dùng để chỉ tới những tiến bộ của con người thông qua nhu cầu thẩm mỹ. Mỗi thời đại, mỗi xã hội, mỗi vùng miền con người đều mong muốn đời sống tiện ích và thẩm mỹ hơn. Chính vì vậy, trang trí không thể thiếu trong đời sống tinh thần của con người, nghệ thuật cũng tham gia đóng vai trò nâng cao thị hiếu thẩm mỹ ấy. Như vậy, có nhiều cách nhìn và cách biểu hiện khác nhau về trang trí. Điều đó phụ thuộc vào trình độ nhận thức, cách sống, văn hóa và khả năng nhận biết của mỗi người. Trang trí được gợi ý từ nhu cầu biết làm đẹp của con người, đời sống con người càng phát triển thì nhu cầu làm đẹp cũng như mong muốn đưa nghệ thuật trang trí tham gia vào đời sống tinh thần nhiều hơn.

1.1.3. Khái niệm về dạy học mỹ thuật

Nếu trước đây dạy học nói chung, dạy học mỹ thuật nói riêng thường lấy người dạy làm trung tâm thì nay việc dạy học không chỉ là sự tương tác giữa người dạy và người học mà còn lấy người học làm trung tâm. Vai trò của giáo viên quan trọng bởi chính là người hướng lái/người nhạc trưởng giúp các em biết định hướng, biết tư duy trong sáng tạo và liên hệ thực tế.

Nếu trước đây dạy học giáo viên ghi chép và hướng dẫn/thị phạm trên bảng thì nay giáo viên cần linh hoạt hơn trong phương pháp giảng dạy. Giáo viên phát hiện kịp thời và hướng dẫn học sinh trực tiếp và cho từng trường hợp cụ thể, nếu học sinh đó còn hạn chế hoặc vượt trội. Đó cũng là cách dạy học biết kết hợp những kỹ thuật dạy học phù hợp.

Mĩ thuật là môn học đặc thù, vì vậy việc dạy học mỹ thuật ở bậc phổ thông cũng cần được xác định phương pháp theo hướng tiếp cận năng lực giúp cho học sinh có được những kiến thức và sự hiểu biết về nguyên lý của nghệ thuật tạo hình thông qua những bài học cơ bản đúng theo trình độ và lứa tuổi. Mong muốn của việc dạy học môn Mỹ thuật là cung cấp cho học sinh cách tư duy và phát triển cho các em năng lực sáng tạo thẩm mỹ thông qua các thao tác trong quá trình học như: Khả năng quan sát, khả năng cảm thụ nghệ thuật, khả năng khám phá, từ đó có thể chủ động thể hiện các tác phẩm mỹ thuật. Trong định hướng giáo dục mới còn mong muốn dạy học môn Mỹ thuật còn giúp cho học sinh biết phân tích, đánh giá tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật do chính các em sáng tác hoặc sản phẩm của bạn. Thông qua những bài học về tìm hiểu tranh, tượng của các nghệ sĩ nổi tiếng trong nước và thế giới còn giúp học sinh biết kế thừa và phát huy thành tựu, dấu ấn văn hóa nghệ thuật dân tộc truyền thống phù hợp với sự phát triển công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Chính vì vậy, phương pháp dạy học hay là dạy học môn Mỹ thuật ở phổ thông phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của giáo viên. Bằng khả năng sư phạm và vốn hiểu biết kiến thức về mỹ thuật mà giáo viên có thể xây dựng bài dạy sao cho phù hợp.

Các giáo viên mỹ thuật cũng có thể tổ chức các hoạt động dạy học của mình cho học sinh một cách có hiệu quả nhất thông qua các kỹ thuật và phương pháp dạy học tích cực. Hiện nay phương pháp dạy học mỹ thuật được cập nhật, khuyến khích đội ngũ giáo viên tham khảo, lựa chọn sao cho phù hợp với trình độ lứa tuổi và khả năng tiếp nhận của học sinh được

ứng dụng với mỗi bước lên lớp, mỗi chủ đề bài học. Có thể thực hiện theo hướng dẫn, gợi ý của mỗi bộ sách nhưng về cơ bản vẫn cần đến quá trình vận dụng linh hoạt của giáo viên và sự kết hợp của học sinh. Sự logic về phương pháp sẽ giúp cho học sinh có điều kiện để lĩnh hội những kiến thức mới về nghệ thuật tạo hình. Đồng thời các em có thể tham khảo và nắm bắt được những kiến thức liên môn về văn hóa, xã hội, lịch sử ... làm giàu tâm hồn cho các em. Cũng từ việc giáo dục, dạy - học môn Mĩ thuật đã đóng góp những kiến thức, tri thức cho các thế hệ học sinh, định hình cho các em những nhân cách sống, lối sống và lối tư duy có văn hóa và thẩm mĩ. Hướng tới cuộc sống tương lai cho các em một cách nhân văn và thành công nhất. Điều đó không có nghĩa cứ dạy và được học mĩ thuật thì sau này các em đều hướng theo học và công tác trong ngành mĩ thuật mà việc dạy - học mĩ thuật giúp cho các em có được tri thức thẩm mĩ cũng như thị hiếu thẩm mĩ làm đẹp cho cuộc sống của các em và những người thân xung quan. Lan tỏa tình yêu đối với cái đẹp từ mĩ thuật hòa vào cuộc sống đời thường. Vì thế, dạy học mĩ thuật không chỉ giúp học sinh biết cảm nhận và sáng tạo cái đẹp mà còn giúp cho học sinh ở mỗi cấp học hình thành nhân cách sống đẹp, phát huy nhiều năng lực và kỹ năng sống, hòa nhập với thế giới và quá trình toàn cầu hóa.

Cũng chính từ phương pháp dạy học mĩ thuật giáo viên đã giúp các em có được hành trang kiến thức và kỹ thuật làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm. Thông qua các quy trình thao tác từ các các hoạt động: Quan sát, thể hiện, thảo luận và vận dụng ở mỗi cấp học hay mỗi chủ đề bài học còn giúp học sinh có hứng thú với môn học và phát huy được năng khiếu, khả năng thẩm mĩ của các em.

Theo chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành năm 2018 thì việc dạy học mĩ thuật đã có hướng mở, giúp người dạy và người học linh hoạt, chủ động xử lý tình huống ở mọi lúc mọi nơi, sao cho phù hợp với

điều kiện và hoàn cảnh của vùng, miền, của nhà trường và của đặc thù học sinh, khả năng tiếp nhận của học sinh. Và như vậy cũng là việc mong muốn giáo viên cần trau dồi và chủ động dựa theo từng nội dung, chủ đề tiết dạy mà vận dụng kỹ thuật trong một bài dạy với nhiều phương pháp hoặc kỹ thuật dạy học hoặc ngược lại.

Cũng chính từ quan điểm dạy học *Lấy người học làm trung tâm*, thì giáo viên cần kịp thời hỗ trợ cũng như khuyến khích kích thích tư duy sáng tạo của học sinh, kích thích quá trình phát triển nhận thức của các em khi có sự tương tác.

Dạy học mỹ thuật ở phổ thông cũng cần được vận dụng từ mỗi giáo viên và trình độ của học sinh không chỉ ở mỗi vùng miền mà còn thấy cả trong mỗi lớp học. Bởi vì, trong mỗi lớp học sẽ có những trình độ và khả năng khác nhau. Sẽ có những học sinh có năng khiếu, yêu thích học mỹ thuật, nhưng cũng có học sinh còn hạn chế chưa thực sự yêu thích môn Mỹ thuật. Chính vì vậy, rất cần đến sự linh hoạt của giáo viên, để tránh việc sao chép hoặc lệ thuộc vào sách giáo khoa hoặc chép bài của bạn. Giáo viên có thể linh hoạt trong phương pháp dạy học, đặc biệt là kỹ thuật dạy học thị phạm. Tùy vào đặc thù của chủ đề bài học mà có thể sử dụng phương pháp thị phạm lên bảng hoặc thao tác, hướng dẫn, sao cho mỗi học sinh đều phát huy khả năng sáng tạo của mình thông qua năng lực của các em.

Để có được sự dạy học bài bản hơn đòi hỏi chất lượng giáo viên mỹ thuật và phương pháp dạy - học phải phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của mỗi một cấp học. Theo chương trình mới 2018, mỹ thuật sẽ được giảng dạy từ mầm non đến cấp trung học phổ thông. Điều này quả thực rất đáng mừng vì như vậy việc học mỹ thuật sẽ được thống nhất và liên tục qua các cấp học, hơn nữa được chú trọng hơn từ đó nâng cao thẩm mỹ cho các em.

1.2. Khái quát về các con vật trong trang trí thời Trần

1.2.1. Con vật trên chất liệu đá

Hổ đá: Tượng hổ ở lăng Trần Thủ Độ có niên đại thời Trần (1264), hiện được xem là tác phẩm điêu khắc lăng mộ đại diện cho phong cách tạo hình thời Trần mạch lạc về tạo khối, đơn giản trong trang trí. Tượng có kích thước chiều dài 143cm, cao 75cm, rộng 64cm. Tượng được tạo dáng trong tư thế nằm phủ phục như đang chồm dậy. Tạo hình phần thân, đầu, lưng, đuôi của hổ đều được thể hiện bằng những mảng khối căng lộ cả cơ bắp, bộ ức nở nang với cấu trúc vững chãi, uy nghi. Nét đặc sắc của hình tượng hổ này là cấu trúc chiếc đuôi dài được vuốt ngược về sống lưng, được thấy có nét tương tự với phù điêu hình hổ chạm trên bàn thờ Phật bằng đá hiện lưu giữ tại chùa Đại Bi, chùa Cát Quế thuộc tỉnh Hà Tây cũ. Tượng được thiết kế tại lăng thái sư Trần Thủ Độ nhằm ca ngợi vị thế của vị thái sư thời Trần.

Đối với phù điêu đá chạm hình hổ tại bàn thờ Phật bằng đá được bày trong chùa Đại Bi (Hà Nội) [PL4, H4.6, tr.127] và chùa Phổ Quang (Phú Thọ), chùa Chân Nguyên (Hà Nội), hình hổ ở hai chùa này được chạm khá bé nhỏ nằm nép dưới đường gờ của bàn thờ Phật. Hình hổ trên phù điêu đá chùa Đại Bi là bức chạm hình hổ khối nổi cao vừa có cảm giác mảng, bẹt hình dáng hổ được tạo hình đầu hướng vào trong, hai chân sau khuyu xuống, đuôi vắt ngược dọc theo sống lưng (kích thước 41cm x 21cm), cách chạm khối nổi nhẹ làm toát lên khuôn hình của một con hổ khỏe mạnh, dũng mãnh đang bước đi, mặt hướng phía trước, mắt tròn, tai to, mõm rộng đuôi dài lượn dọc theo sống lưng, thống nhất với lối tạo hình của tượng hổ ở lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình). Có lẽ hình tượng con hổ chạm khắc thời Trần là mô típ tạo hình đẹp mắt và biểu trưng cho sức mạnh rõ nét nhất.

Hình tượng rồng: Tạo hình rồng thời Trần không mềm mại uyển chuyển chi tiết như hình tượng con rồng thời Lý, mà là hình ảnh của con

rồng được tạo hình khối khúc triết, mạnh mẽ tượng trưng cho vương quyền, cho ông vua cùng đất nước trải qua 3 lần chiến thắng Nguyên - Mông. Hình tượng con rồng gắn bó chặt chẽ với mô típ trang trí rồng ở các chùa, tháp Phật giáo thời Lý, Trần là hình ảnh hạt châu, hạt ngọc đang xoay tròn, chúng làm nền cho rồng hoạt động và lấp kín những khoảng trống trong đồ án và mang thêm ý nghĩa. Đế bia đá chạm ổ rồng trên sóng chùa Đọi (Nam Hà). Theo công trình nghiên cứu *Mỹ thuật thời Trần* của Viện Nghệ thuật thuộc Bộ Văn hóa thì trên các viên gạch tháp chùa Phổ Minh đời Trần có chạm hình rồng. Ngoài ra, ở trước cửa nhà bái đường, ở các bậc tam cấp có chạm khắc nhiều hình rồng. Đầu bẩy gỗ của tòa thượng điện chùa Bối Khê (Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Tây) cũng chạm hình rồng. Cũng ở chùa Bối Khê, một bệ đá tam thế chạm hình rồng đang phun lửa, đạp trên mây. Hình rồng và hoa trên một viên gạch chùa Hoa Yên, núi Yên Tử (Quảng Ninh); hình rồng trên cột gỗ, chùa Dâu (Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh); hình rồng trên bệ đá chùa Ngọc Khánh (Gia Đông, Thuận Thành, Hà Bắc) v.v.. nghệ nhân dân gian thời Trần đã lấy biểu tượng rồng tượng trưng cho nền văn hóa nông nghiệp. Trong mỹ thuật truyền thống biểu tượng rồng là linh vật được xếp hàng đầu trong tứ linh. Dưới thời nhà Trần rồng cũng là hiện thân của mọi nguồn hạnh phúc, đại diện cho vương quyền, thần quyền nhưng vẫn lấy tư tưởng dân gian làm gốc.

Về tạo dáng hình rồng thời Trần có sự tiếp thu từ thời Lý, nhưng cấu trúc hình rồng phong phú, đa dạng trong cách tạo hình và kiểu dáng. Vì hình rồng được biến đổi tự do trong bố cục khuôn hình định sẵn, nên chúng được tạo ra cùng phong cách phóng khoáng, mạnh mẽ, cương hoạc mang nét riêng cho hình tượng rồng trong mỹ thuật thời Trần. Hình rồng trang trí trên đá được tạo dáng thon nhỏ, uốn lượn nhiều khúc hình sin nhưng không

chau chuốt và đều đặn như hình rồng thời Lý, về cơ bản thì thân rồng để trơn không chạm vảy. Đầu rồng có mào hình ngọn lửa thon dài, sừng hai nhánh, má dài, mang xoáy, trên lưng có hình răng cưa [PL4. H4.1; tr.126]. Tính đăng đối được sáng tạo phụ thuộc vào cấu trúc thân rồng, có con uốn đầu hướng về bên phải hoặc bên trái là để cùng chầu vào phía trung tâm của nhang án, đôi khi là hai hình rồng đơn lẻ được tạo dáng cùng chầu vào hình lá đề lớn có chạm đôi rồng như ở nhang án chùa Bối Khê, chùa Dương Liễu, [PL4.H.4.2; PL4.H.4.3; tr.126] cũng có khi hai hình rồng tạo dáng cùng chầu vào hình hoa như chùa Ngọc Đình, tạo ra không gian vừa huyền bí vừa linh thiêng nhưng khá linh hoạt trong lối thể hiện. Nếu tách riêng từng mảng chạm hình rồng trên các nhang án đá cho thấy yếu tố độc lập được xác nhận, bởi hình rồng luôn trở thành điểm nhấn, độ nổi của khối như tách khỏi không gian phẳng của phiến đá ghi xám. Chất liệu đá xanh vừa bảo đảm được độ bền chắc, vừa được xem là chứa đựng tính *thiên* nên được sử dụng cho các hiện vật thờ cúng, tôn giáo của người Việt, trong đó có nhang án đá.

Về bố cục hình rồng thời Trần được thể hiện dưới hai kiểu cơ bản, đó là rồng đơn và rồng đôi trên một đồ án trang trí. Tuy nhiên, trong bố cục chữ nhật chạm rồng dù là chạm đơn hay chạm đôi vẫn dễ nhận thấy những mô típ phụ được trang trí đan xen quanh hình rồng, như mây, lửa có chính và phụ nhưng thưa thoáng chứ không dày đặc như trang trí thời Lý. Tiêu biểu cho những mô típ trang trí phụ họa cạnh hình tượng rồng là mô típ mây, lửa, ngọc, lá đề, cùng nhiều biến thể khác nhau như mây lửa, mây dải, mây cụm, mây đơn... Hình rồng trên đá chùa Bối Khê được chạm đan xen quanh hình rồng là các cụm mây hình khánh có các dải lượn. Hình mây đơn vừa như đang bay lơ lửng trên không trung vừa như đùa rờn với động thái của rồng, đồng thời làm chặt thêm cho bố cục của từng bức chạm. Đồ án hình rồng thời Trần trang trí trong khung chữ nhật có đường văn nổi

hình bầu dục trong một số bàn thờ Phật ở chùa làng khu vực Hà Tây cũ. Trong đó có hai hình rồng nằm hai bên hình mặt trời gần như đối xứng nhau theo bố cục ngang, đuôi rồng vất ngược lên trên về phía trước, thân rồng uốn lượn, chân rồng có ba móng sắc nhọn quặp chặt, lưng rồng có nhiều mây lửa, ở những nhang án khác cũng có bố cục rồng với dáng sinh động. Cách bố cục ở hình hai rồng châu lá đề chạm trên gỗ còn thấy ở chùa Bối Khê đó là sự thống nhất phong cách với hai hình rồng nói trên và cũng có nét tương đồng với hình rồng chạm trên cột gỗ ở vì kèo thượng điện cũng ở ngôi chùa này, mang phong cách nghệ thuật thế kỷ 14 rõ nét.

Đi tìm ý nghĩa của những biểu tượng các đồ án trang trí hình rồng để thấy rồng thường được chạm khắc trong không gian thiêng liêng chốn u thiên huyền hoặc, khác hẳn với đời sống thế tục. Mô típ rồng, mây khi được đặt trong bố cục hình chữ nhật trên chất liệu đá còn gọi đến tinh thần, tư tưởng của xã hội và con người Đại Việt thế kỷ 14, đó là đề cao tư tưởng Phật giáo. Bố cục các mô típ trang trí chứa đựng tinh thần nghệ thuật dân gian mộc mạc gần gũi với con người đương thời. Hình rồng chạm trên đá được đặt trong những bố cục chữ nhật với ranh giới là những đường viền nổi gờ như chia các ô vuông, chữ nhật làm tăng thêm yếu tố trang trí. Mặt khác hình rồng bao giờ cũng được chạm nổi khối cao hơn so với các mô típ khác, vây rồng chạm kiểu răng cưa có khi đều đặn, khi có sự thay đổi ẩn hiện trong bố cục chia ô. Điều đặc biệt trong cách sắp xếp bố cục hình rồng trên đá thời Trần đó là cách tạo hình sinh động, đặt trong những bố cục chữ nhật thưa thoáng, luôn nhấn mạnh hình khối, cấu trúc chính của rồng. Những biểu tượng hình rồng nói riêng, các mô típ trang trí trên đá nói chung đều được cách điệu về tạo hình và được thiêng hóa làm cho rồng nổi bật và tăng yếu tố thẩm mỹ hơn. Việc sắp đặt những mô típ trong từng ô trang trí hình rồng còn cho thấy sự tài tình trong kỹ thuật xử lý chất liệu và

xây dựng hình tượng nghệ thuật có bố cục hài hòa, cân đối, các khối hình trang trí rỗng như đang chuyển động trong không gian linh thiêng.

1.2.2. Con vật trên chất liệu gỗ

Dưới thời Trần những công trình kiến trúc Phật giáo đã lưu giữ nhiều mô típ trang trí trên các hiện vật mỹ thuật, trong đó có hình tượng con rồng chạm trên cánh cửa chùa Phổ Minh. Gồm 4 cánh chạm rồng, sóng nước, hoa lá và văn hoa hình học, cánh cửa chùa Phổ Minh. Hai cánh ở giữa chạm đôi rồng lớn châu Mặt trời trong khuôn hình lá đề, được coi là một tác phẩm điêu khắc khá hoàn mỹ. Hình tượng đôi rồng đang cuộn khúc hai hình rồng đặt trong hai cánh khi khép lại tạo thành chiếc lá đề khổng lồ. Đi cùng hình tượng rồng là những chạm khắc trên cánh cửa gỗ như: Hoa văn sóng nước, hoa văn hình hoa lá, hình mây... tất cả làm nền cho hình tượng rồng tạo ra lối bố cục đăng đối, cân xứng khi khép lại tạo thành bức tranh sinh động, trọn vẹn mang ý nghĩa thờ Phật.

Trên chất liệu gỗ hình rồng cũng được đặt ở nhiều dạng bố cục, với bố cục hình chữ nhật thường được điểm xuyết vài hình mây hình khánh kết hợp với mây cuộn có dải uốn lượn, như các bức chạm trên gỗ ở chùa Thái Lạc (Hưng Yên) và trên vì kèo chùa Bối Khê (Hà Tây cũ). Hình tượng rồng được trang trí trên đá thời Trần chứng tỏ sự sáng tạo không ngừng để ghi lại phong cách riêng, đó là sự mập mạp, chắc khỏe, đề cao tính giản lược, khẳng định phong cách mỹ thuật thời Trần riêng biệt. Cùng trên chất liệu gỗ những con vật còn được trang trí trên kiến trúc chùa Thái Lạc (Hưng Yên). Đó là những hình nhạc công như những chú chim phượng đang hoan ca cái đẹp trên tầng trời. Những hình rồng được chạm trong nhiều tư thế và nhiều kiểu dáng bố cục khác nhau. Từ những trang trí này cho thấy có sự thống nhất về phong cách tạo hình và chất liệu gỗ đã tạo ra nét độc đáo cho nghệ thuật chạm khắc thời Trần nói chung, chạm khắc trên chất liệu gỗ nói riêng.

1.2.3. Con vật trên chất liệu đất nung/gốm

Dưới thời Trần tạo hình trên chất liệu đất nung hay gọi là làm gốm đã đạt đến trình độ cao về xử lý kỹ thuật. Đặc biệt là gốm trên kiến trúc, đất nung thành gốm và có tráng men và đồ gốm gia dụng cung đình. Hình tượng rồng, phượng được thể hiện ở nhiều kiểu dáng phong phú, đa dạng. Những hình còn vật này thường được tìm thấy gắn trên trang trí bờ nóc hoặc đầu đao kiến trúc tập trung khu di tích nhà Trần tại Nam Định. Hình đầu rồng, phượng tại các di tích này thường được chạm thành khối tròn và bẹt, đã được hình thành bởi bàn tay khéo léo của những người thợ nặn gốm đương thời.

Trên những đồ gốm men ngọc, hoa nâu thời Trần có thể hiện nhiều hoa văn về hoa, lá cùng các sinh hoạt và các con vật trên các ấm, đĩa, chậu là các hình chim, thú như hình voi, hổ, tôm cá. Vẫn thống nhất với cách tạo hình trên các con vật trên gỗ đá đó là sự phóng khoáng, chắc khỏe. Hình rồng chạm trên mặt khiên cũng có hình khối, đường nét theo nét khúc thân rồng khỏe, mập, uốn khúc khá thoải mái có sự khác nhau với tạo hình rồng thời kỳ nhà Lý. Tại Bảo tàng Lịch sử còn lưu giữ chiếc liễn có vẽ hình voi và hổ như đang chạy đua nhau tạo hình bằng những nét khá chắc khỏe, mập mang nét đặc trưng của phong cách tạo hình thời Trần.

1.3. Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 với các nội dung về đổi mới giáo dục

Hướng giáo dục tới việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục đảm bảo chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo con người, đặc biệt là học sinh giai đoạn phổ thông tương xứng với thực tiễn phát triển đất nước. Chính vì vậy cần nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục và đào tạo nâng cao các trình độ và các phương pháp giáo dục; Cân bằng chất lượng, số

lượng kiến thức giữa lí thuyết và thực hành. Khuyến khích công việc đào tạo gắn kết với nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng kiến, tăng cường giáo dục lối sống, đạo đức và kĩ năng làm việc, tư duy sáng tạo. Phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả cần được quan tâm hơn.

Đối với môn Mĩ thuật, *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* cũng hướng đến việc hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực sáng tạo mĩ thuật. Với vai trò và tiêu chí dạy học hướng tới sự kích thích năng lực thẩm mĩ cho người học trong lĩnh vực mĩ thuật được thể hiện qua các hoạt động sau: Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mĩ; Nhận thức các yếu tố thẩm mĩ; Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mĩ, Từ đó có thể giúp học sinh hình thành, phát triển ở học sinh khả năng quan sát, sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật. Thông qua môn Mĩ thuật còn giúp học sinh biết nhận thức và biểu đạt thể giới; Cùng khả năng cảm nhận và tìm hiểu, thể nghiệm các giá trị văn hóa, lịch sử cũng như thị hiếu thẩm mĩ.

Dạy - học mĩ thuật theo chương trình mới là định hướng khối lượng kiến thức phù hợp với lĩnh vực giáo dục nghệ thuật. Bên cạnh đó là đảm bảo sự dạy - học phù hợp với việc dạy ở diện rộng, các vùng miền khác nhau. Phù hợp và thích nghi với nhiều thành phần học sinh, và lớp học có số lượng cần được sắp xếp cho phù hợp. Nếu trước đây công việc dạy - học mĩ thuật theo phương pháp Đan Mạch cho người dạy và người học cảm nhận sự đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, sẽ dễ dàng tạo được sự hứng khởi cho người học. Từ những hoạt động sinh động đã khuyến khích sự sáng tạo trong các bài thực hành của học sinh. Tuy nhiên, xét về tổng thể thì chương trình dạy học này đã đưa ra những hạn chế nhất định về phương pháp tổ chức tiết học, bài học thường diễn ra trong nhiều tuần. Ít mang tính phù hợp với lớp học còn nhiều học sinh và chưa có phòng học chuyên biệt. Bên cạnh đó, theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

chương trình mỹ thuật đã đưa ra những yêu cầu cần đạt cụ thể, chi tiết về năng lực chung, năng lực đặc thù của môn học Mỹ thuật.

Cùng với nội dung giáo dục hướng đến việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa yếu tố tạo hình và nguyên lí tạo hình theo 2 lĩnh vực, đó là mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng. Đặc biệt, ở chương trình mỹ thuật cũng đưa ra những định hướng về chủ đề, bài học, do đó, phương pháp dạy - học mỹ thuật cũng cần có những kế hoạch phù hợp để đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

Chương trình đề ra mạch nội dung cho cả 3 cấp học (Tiểu học, THCS, THPT) cụ thể cấp THCS thực hiện các lĩnh vực sau:

Bảng 1.1. Khung chương trình môn Mỹ thuật cấp THCS

T T	MẠCH NỘI DUNG	LỚP				GHI CHÚ
		6	7	8	9	
1	Thủ công	Nội dung của cấp học TH				
2	Lí luận và lịch sử mỹ thuật	+	+	+	+	GD độc lập
3	Hội hoạ	x	x	X	x	GD lòng ghép
4	Đồ hoạ (tranh in)	x	x	X	x	
5	Điều khắc	x	x	X	x	
6	Thiết kế công nghiệp	x	x	X	x	
7	Thiết kế đồ hoạ	x	x	X	x	
8	Thiết kế thời trang	x	x	X	x	
9	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Nội dung của cấp học THPT				
10	Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện					
11	Kiến trúc					

Nguồn: Chương trình SGK mới theo thông tư 33/2018, Bộ GD & ĐT

Phương pháp giáo dục được điều chỉnh trong Chương trình môn Mỹ thuật mang tính cập nhật, nhằm chỉ ra tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và phát huy năng lực thẩm mỹ của học sinh. Những kỹ năng như: Tích

hợp, lồng ghép các nội dung dạy học từ lí thuyết và thực hành, thảo luận giúp người học kết hợp và có thể liên hệ kiến thức, kĩ năng, đặc thù của môn Mĩ thuật các môn học khác một cách phù hợp nhất.

Môn học Mĩ thuật là môn học đặc thù nên cần chú trọng dạy học trải nghiệm; Giáo viên có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức, không gian hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích trí tưởng tượng, tư duy về hình ảnh mang tính thẩm mĩ của học sinh. Tạo cơ hội để học sinh được vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thể nghiệm ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống thực tế. Để hòa cùng sự tiến bộ của công nghệ thông tin, dạy - học môn Mĩ thuật cần vận dụng hợp lý kết quả các thiết bị dạy học, hệ thống mạng Internet. Đặc biệt là biết tận dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương để sáng tạo thành sản phẩm mĩ mang dấu ấn riêng.

- Định hướng về phát triển năng lực:

Trên thực tế, các hình thức dạy học mĩ thuật thì việc chú ý phát triển năng lực riêng của từng học sinh, đó cũng là điều rất quan trọng, nhằm khuyến khích học sinh yêu thích và có hứng thú với môn học. Từ đó mỗi học sinh có điều kiện để hình thành khả năng tự học một cách độc lập. Đối với dạy - học môn mĩ thuật thường được biểu hiện dưới nhiều hình thức như : Xé dán, vẽ tranh, vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, xem các tập vựng tranh, tập nặn - tạo dáng. Tham khảo việc sưu tầm tranh ảnh có liên quan đến bài học như bước tìm hiểu về chủ đề, giúp học sinh có ý thức trong việc quan sát và rèn luyện kỹ năng liên tưởng, tưởng tượng giữa hiện thực với khả năng sáng tạo nghệ thuật... Bên cạnh việc triển khai dạy học mĩ thuật trên lớp thì cần đến việc khuyến khích học sinh tự học mĩ thuật tại nhà. Bởi thực tế số lượng tiết học môn Mĩ thuật là 35 tiết/ cả năm học là khá ít so với các môn học khác. Vì vậy, học sinh cũng rất cần có sự hướng lái của

giáo viên hướng dẫn học sinh lập thời gian biểu tự học ở nhà, ghi rõ từng công việc cụ thể với với thời gian cụ thể. Có thể phát huy các phong trào học theo nhóm nhỏ (những em nhà ở gần nhau), phương pháp này thích hợp với những gia đình các em sống cạnh nhau và học cùng lớp. Những nội dung tự học trong môn mỹ thuật phải được thiết kế hấp dẫn theo dạng trò chơi phù hợp với lứa tuổi. Nếu như mỗi tiết dạy được tổ chức khoa học, kết hợp giữa học trên lớp và tự học ở nhà sẽ có hiệu quả cao, tạo nên sự hứng thú của môn học và dần hình thành thói quen tự học của học sinh trong môn học Mỹ thuật. Điều này sẽ có tác động nhất định đến việc học sinh học tập một cách tích cực, tự giác, độc lập và sáng tạo. Chắc chắn kết quả của việc kết hợp phương pháp dạy học như vậy sẽ rất khả quan; bởi sẽ tránh được các tình trạng nhiều em rụt rè sẽ có cơ hội hăng hái phát biểu xây dựng bài, làm cho lớp học sôi nổi, học sinh hứng thú, tiếp thu kiến thức nhanh chóng và hiệu quả.

Trong dạy học môn Mỹ thuật nói chung chương trình phổ thông nói riêng, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập như: Quan sát, thực hành/ thực hiện, trải nghiệm, sáng tạo một cách đa dạng với sự tham gia tích cực, chủ động của học sinh. Đặc biệt, cần khích lệ học sinh nhiệt tình tham gia các bước: Thực hành, sáng tạo và thảo luận trên cơ sở các sản phẩm mỹ thuật đã thực hiện thông qua việc chuẩn bị, xây dựng mục tiêu học tập, thiết kế nội dung học tập, kế hoạch, dự án học tập,... và thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ học tập của cá nhân học sinh, của nhóm, góp phần nâng cao năng lực tự chủ và tự học cho học sinh vững vàng đón nhận những kiến thức mới về mỹ thuật. Thông qua các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật, giúp học sinh ở mỗi lứa tuổi đều được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ về ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình, của các phong cách sáng tác mỹ thuật

từ các tác giả, các nghệ sĩ, về tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật, di sản văn hóa nghệ thuật Việt Nam và thế giới. Qua đó, học sinh có thể giới thiệu kết quả học tập, thực hành của cá nhân, của bạn bè và bày tỏ cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm về thẩm mỹ, sự hiểu biết của mình về mỹ thuật.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học sao cho thích hợp, nhằm giúp học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu về chủ đề, nội dung bài học. Kích thích sự khám phá, tìm hiểu và thực hành, trải nghiệm, tìm ra những yếu tố thẩm mỹ trong nghệ thuật và đời sống; khích lệ học sinh chia sẻ những vấn đề, ý tưởng thẩm mỹ và lựa chọn giải pháp thể hiện.

- Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật

Nhằm phát triển hoạt động sáng tạo và phát huy năng lực thẩm mỹ ở học sinh với môn học mỹ thuật thì giáo viên cần quan tâm trong tổ chức dạy học, đó là vận dụng các phương pháp, kỹ năng dạy học nhằm kích thích khả năng thực hành, sáng tạo của học sinh bằng những cách thức khác nhau. Mỹ thuật là môn học đặc thù vì vậy, trong quá trình dạy học giáo viên có thể khuyến khích học sinh thử nghiệm và đổi mới dưới nhiều phương pháp dạy, học tích cực. Giáo viên cũng có thể vận dụng các phương pháp dạy học nhằm giúp người học có tư duy, khả năng thể hiện các tác phẩm mỹ thuật một cách chủ động và sáng tạo.

Nhằm phát triển tối ưu các hoạt động dạy học mỹ thuật bậc phổ thông vai trò của giáo viên được đánh giá cao bởi khả năng phân tích và đánh giá nhận xét học sinh thông qua các hình thức tổ chức dạy học. Giáo viên có thể lựa chọn phương pháp dạy học, đánh giá học sinh nhằm khích lệ học sinh tích cực tham gia hoạt động học tập; vận dụng đa dạng các phương pháp. Dưới nhiều hình thức tổ chức dạy học tích cực nhằm tạo điều kiện để học sinh được tiếp cận và khám phá nghệ thuật bằng nhiều cách khác nhau.

Có thể kết hợp với kiến thức liên môn: Văn học, lịch sử, âm nhạc, giáo dục công dân... kết hợp phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và môi trường học tập của các em. Qua đó giúp các em có được sự tự tin trong học tập và kỹ năng vận dụng yếu tố chân - thiện - mỹ của mỹ thuật vào cuộc sống hàng ngày.

Bảng 1.2. Nội dung cấu trúc sách giáo khoa Mỹ thuật
(Bộ sách Chân trời sáng tạo)

Lớp 6:

STT	Chủ đề	Bài
1	Biểu cảm của màu sắc	Bài 1: Tranh vẽ theo giai điệu âm nhạc Bài 2: Tranh tĩnh vật màu Bài 3: Tranh in hoa lá Bài 4: Thiệp chúc mừng
2	Nghệ thuật tiền sử thế giới và Việt Nam	Bài 1: Những hình vẽ trong hang động Bài 2: Thời trang và hình vẽ thời Tiền sử Bài 3: Túi giấy đựng quà tặng
3	Lễ hội quê hương	Bài 1: Nhân vật 3D từ dây thép Bài 2: Trang phục trong lễ hội Bài 3: Hoạt cảnh ngày hội Bài 4: Hội xuân quê hương
4	Nghệ thuật cổ đại thế giới và Việt Nam	Bài 1: Ai Cập cổ đại trong mắt em Bài 2: Họa tiết trống đồng Bài 3: Thảm trang trí với họa tiết trống đồng
5	Vật liệu hữu ích	Bài 1: Sản phẩm từ vật liệu đã qua sử dụng Bài 2: Mô hình ngôi nhà 3D Bài 3: Khu nhà tương lai

Lớp 7:

STT	Chủ đề	Bài
1	Chữ cách điệu trong đời sống	Bài 1: Nhịp điệu và sắc màu của chữ Bài 2: Logo dạng chữ

2	Nghệ thuật trung đại Việt Nam	Bài 3: Đường diềm trang trí với họa tiết thời Lý Bài 4: Trang phục áo dài với họa tiết dân tộc Bài 5: Bìa sách với di sản kiến trúc Việt nam
3	Hình khối trong không gian	Bài 6: Mẫu vật dạng khối trụ, khối cầu Bài 7: Ngôi nhà trong tranh Bài 8: Chao đèn trong trang trí kiến trúc

Nguồn: Bộ sách Chân trời sáng tạo

1.4. Khái quát và Thực trạng dạy học bộ môn Mĩ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến TP. Thái Nguyên

1.4.1. Khái quát chung về trường THCS Lương Ngọc Quyến thành phố Thái Nguyên

Theo tư liệu mà học viên được cung cấp từ trường THCS Lương Ngọc Quyến: Trường nằm ở phía Tây, thuộc phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên. Trường THCS Lương Ngọc Quyến được thành lập từ năm 1990 trên cơ sở sáp nhập hai trường cấp II Lương Ngọc Quyến và cấp II Tân Thịnh. Đến ngày 31/03/1997 theo Quyết định số: 194/TCCB của Giám đốc Sở GDĐ tỉnh Thái Nguyên, trường được đổi tên thành trường THCS Tân Thịnh và tiếp nhận lại cơ sở trường Đoàn Huyện Đồng Hỷ (tức địa điểm nhà trường bây giờ).

Ở thời điểm này cơ sở vật chất nhà trường còn rất đơn sơ, thiếu phòng học, trường có tổng số 20 lớp với 639 học sinh và 46 cán bộ giáo viên do thầy giáo Nguyễn Văn Quỳnh làm Hiệu trưởng. Đến ngày 11/10/2004 theo Quyết định số: 1712/QĐ-UB của UBND thành phố Thái Nguyên, trường được đổi tên thành trường THCS Lương Ngọc Quyến cho đến nay.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng, trưởng thành và qua nhiều thế hệ lãnh đạo kế tiếp nhau, nhà trường đã nhận được nhiều sự quan tâm của lãnh đạo các cấp và chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực, cố gắng của

thầy và trò, đến nay nhà trường đã có một cơ sở vật chất khang trang, khuôn viên Xanh- Sạch - Đẹp với đầy đủ các trang thiết bị và các phòng chức năng phục vụ tốt cho việc dạy và học. Nhà trường có đủ các tổ chức Chi bộ Đảng, Ban giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Đội TNTP Hồ Chí Minh, hoạt động theo Điều lệ trường Trung học.

Về đội ngũ giáo viên: 100% Cán bộ, giáo viên và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn cao và trình độ đạt chuẩn, trong đó có 95% cán bộ, giáo viên trên chuẩn. Tập thể Hội đồng sư phạm luôn đoàn kết nhất trí cao, biết khắc phục mọi khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Về chất lượng giáo dục:

- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng hàng năm đạt 98% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS luôn đạt 100%.
- Tỷ lệ học sinh giỏi hàng năm đạt trên 20% trong đó có nhiều em đạt giải cao qua các kỳ thi cấp Thành, cấp Tỉnh và cấp Quốc gia.

Về danh hiệu thi đua:

- Trường luôn đạt danh hiệu: Tập thể LĐTT, LĐXS
- Chi bộ liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.
- Công đoàn liên tục đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc.
- Đoàn Thanh niên liên tục đạt đơn vị vững mạnh xuất sắc.
- Liên đội liên tục đạt Liên đội mạnh xuất sắc cấp thành phố, cấp tỉnh
- Danh hiệu Lao động tiên tiến luôn đạt tỷ lệ 85%, CSTĐ hàng năm luôn đạt 15%.

Vinh dự và tự hào tháng 11 năm 2009 trường được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp bằng công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001-2010. Trên hai mươi năm qua, nhà trường đã giáo dục, đào tạo được biết bao lớp học sinh trưởng thành, đóng góp công sức xây dựng và bảo vệ

quê hương đất nước. Đến nay trường THCS Lương Ngọc Quyến luôn là địa chỉ tin cậy đối với các bậc phụ huynh để gửi gắm tương lai của con em mình.

1.4.2. Thực trạng dạy học Mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến TP. Thái Nguyên

a) Môn mỹ thuật trong trường THCS

** Mục tiêu cần đạt được:*

Thực hiện theo hướng giáo dục của chương trình mới, giáo viên mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến đã đặt ra kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật cấp Trung học cơ sở với mong muốn giúp cho học sinh khi theo học môn Mỹ thuật sẽ đạt được các mục tiêu chủ yếu như: Luôn kết nối với kiến thức của các lớp trước đã học, đồng thời tiếp tục giúp HS hình thành và phát triển các năng lực thẩm mỹ. Xây dựng cho HS những kiến thức, kỹ năng cơ bản, nâng cao với 2 góc độ; Mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng. Từ những sản phẩm, tác phẩm mà các em có được giúp các em biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng và hình thành khả năng nhận thức, tư duy sáng tạo các tác phẩm mỹ thuật cho riêng mình thông qua bài học. Qua đó, giáo dục các em biết trân trọng, giữ gìn và tự hào về các di sản lịch sử văn hoá, nghệ thuật của Việt Nam. Cũng từ quan điểm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 về định hướng nội dung giáo dục đối với môn Mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến yêu cầu GV cũng nắm rõ được vai trò, mục đích, yêu cầu, nội dung chương trình học cụ thể từng lớp học môn Mỹ thuật ở cấp tiểu học để từ đó đưa ra kế hoạch dạy học cho phù hợp với lứa tuổi cũng như đặc điểm vùng miền. Chính vì vậy đội ngũ giáo viên Mỹ thuật cũng đã được trang bị bằng những buổi tập huấn, học ngoại khóa và sinh hoạt chuyên môn.

** Nội dung chương trình:*

- **LỚP 6** : Năm học 2020 - 2021 thực hiện theo chương trình và sách giáo khoa mới.

HỌC KÌ 1

Tuần	Tiết	Tên bài học
1	2	Bài 1. Một số thể loại Mĩ thuật
2	4	Bài 2. Xây dựng ý tưởng trong sáng tác theo chủ đề (T. 1)
3	6	Bài 2. Xây dựng ý tưởng trong sáng tác theo chủ đề (T.2)
4	8	Bài 3. Tạo hình ngôi nhà (tiết 1)
5	10	Bài 3. Tạo hình ngôi nhà (tiết 2)
6	12	Bài 4. Thiết kế quà lưu niệm (tiết 1)
7	14	Bài 4. Thiết kế quà lưu niệm (tiết 2)
9	15	Kiểm tra, đánh giá giữa kì I (1/2 Âm nhạc + 1/2 M.thuật)
8	16	Ôn tập giữa kì I
10	19	Bài 5. Tạo hình hoạt động trong nhà trường (tiết1)
11	21	Bài 5. Tạo hình hoạt động trong nhà trường (tiết 2)
12	23	Bài 6. Thiết kế đồ chơi (tiết 1)
13	25	Bài 6. Thiết kế đồ chơi (tiết 2)
14	27	Bài 7. Mĩ thuật thế giới thời kỳ tiền sử
15	29	Bài 8. Mĩ thuật Việt Nam thời kỳ tiền sử (tiết 1)
16	31	Bài 8. Mĩ thuật Việt Nam thời kỳ tiền sử (tiết 2)
17	33	Ôn tập
18	35	Ôn tập
	36	Kiểm tra, đánh giá giữa kì I (1/2 Âm nhạc + 1/2 Mĩ thuật)
19	38	Bài 9: Sáng tạo mĩ thuật với trò chơi dân gian (tiết1)
20	40	Bài 9: Sáng tạo mĩ thuật với trò chơi dân gian (tiết 2)
21	42	Bài 10. Thiết kế thiệp chúc mừng (tiết 1)
22	44	Bài 10. Thiết kế thiệp chúc mừng (tiết 2)
23	46	Bài 11. Hòa sắc trong tranh chủ đề lễ hội

24	48	Bài 12. Màu sắc lễ hội trong thiết kế lịch treo tường (T. 1)
25	50	Bài 12. Màu sắc lễ hội trong thiết kế lịch treo tường (T. 2)
	52	Ôn tập giữa kì II
28	55	Bài 13. Sáng tạo mỹ thuật với hình ảnh trong cuộc sống (tiết 1)
29	57	Bài 13. Sáng tạo mỹ thuật với hình ảnh trong cuộc sống (tiết 2)
30	59	Bài 14. Thiết kế thời gian biểu
31	61	Bài 15. Mỹ thuật thế giới thời kỳ cổ đại
32	63	Bài 16. Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ cổ đại (tiết 1)
33	65	Bài 16. Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ cổ đại (tiết 2)
34	67	Ôn tập
35	69	Ôn tập
	70	Kiểm tra, đánh giá cuối kì II (1/2 Âm nhạc + 1/2 Mỹ thuật)

- LỚP 7

BÀI	TIẾT	TÊN BÀI
1	1	Thường thức Mỹ thuật - Sơ lược về Mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400) - Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)
2	2	Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (tiết 1)
3	3	Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (tiết 2))
4	4	Vẽ Trang trí - Tạo họa tiết trang trí
5	5	Vẽ Trang trí - Tạo dáng và trang trí lọ hoa
6	6	Vẽ tranh - Tranh phong cảnh (tiết 1)
7	7	Vẽ tranh - Tranh phong cảnh (tiết 2)
8	8	Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (tiết 1)
9	9	Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (tiết 2))
10	10	<i>Kiểm tra 1 tiết</i> : Vẽ Trang trí - Trang trí đồ vật có dạng

		HCN (tiết 1)
11	11	<i>Kiểm tra 1 tiết</i> : Vẽ Trang trí - Trang trí đồ vật có dạng HCN (tiết 2)
12	12	Vẽ tranh - Đề tài Cuộc sống quanh em (tiết 1)
13	13	Vẽ tranh - Đề tài Cuộc sống quanh em (tiết 2)
14	14	Vẽ Theo mẫu - Âm tích và cái bát (tiết 1)
15	15	Vẽ Theo mẫu - Âm tích và cái bát (tiết 2)
16	16	Vẽ Trang trí - Chữ trang trí
17	17	<i>Kiểm tra học kỳ I</i> : Vẽ tranh - Đề tài tự chọn (tiết 1)
18	18	<i>Kiểm tra học kỳ I</i> : Vẽ tranh - Đề tài tự chọn (tiết 2)
19	19	Vẽ theo mẫu - Ký họa
20	20	Vẽ theo mẫu - Ký họa ngoài trời
21	21	Thường thức mỹ thuật - Mỹ thuật Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1954 - Một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu
22	22	Vẽ theo mẫu - Lọ, hoa và quả (tiết 1)
23	23	Vẽ theo mẫu - Lọ, hoa và quả (tiết 2)
24	24	<i>Kiểm tra 1 tiết</i> : Vẽ Trang trí - Trang trí đĩa tròn (tiết 1)
25	25	<i>Kiểm tra 1 tiết</i> : Vẽ Trang trí - Trang trí đĩa tròn (tiết 2)
26	26	Thường thức mỹ thuật - Vài nét về mỹ thuật Ý thời kỳ Phục hưng - Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Ý thời kỳ Phục Hưng
27	27	Vẽ trang trí - Trang trí đầu báo tường
28	28	Vẽ tranh - Đề tài An toàn giao thông (tiết 1)
29	29	Vẽ tranh - Đề tài An toàn giao thông (tiết 2)
30	30	Vẽ Trang trí - Trang trí tự do
31	31	Vẽ tranh - Đề tài Hoạt động trong những ngày hè (tiết 1)
32	32	Vẽ tranh - Đề tài Hoạt động trong những ngày hè (tiết 2)

33	33	Kiểm tra học kì II : <i>Vẽ tranh đề tài: Trò chơi dân gian (tiết 1)</i>
34	34	<i>Kiểm tra học kì II:</i> <i>Vẽ tranh đề tài: Trò chơi dân gian (tiết 2)</i>
35	35	Trung bày kết quả học tập trong năm học

LỚP 8

BÀI	TIẾT	TÊN BÀI
1	1	Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật thời Lê (từ thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVIII) - Một số công trình tiêu biểu của mỹ thuật thời Lê
2	2	Vẽ trang trí - Trang trí quạt giấy (tiết 1)
3	3	Vẽ trang trí - Trang trí quạt giấy (tiết 2)
4	4	Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
5	5	Vẽ Trang trí - Trình bày khẩu hiệu
6	6	Vẽ theo mẫu - Lọ và quả (tiết 1)
7	7	Vẽ theo mẫu - Lọ và quả (tiết 2)
8	8	Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật Việt Nam giai đoạn từ 1954-1975 - Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975
9	9	<i>Kiểm tra 1 tiết :</i> Vẽ tranh - Đề tài ngày Nhà giáo Việt Nam (tiết 1)
10	10	<i>Kiểm tra 1 tiết :</i> Vẽ tranh - Đề tài ngày Nhà giáo Việt Nam (tiết 2)
11	11	Vẽ tranh - Đề tài Gia đình (tiết 1)
12	12	Vẽ tranh - Đề tài Gia đình (tiết 2)
13	13	Vẽ Trang trí - Trình bày bìa sách (tiết 1)
14	14	Vẽ Trang trí - Trình bày bìa sách (tiết 2)
15	15	Vẽ tranh - Đề tài Tự chọn (tiết 1)
16	16	Vẽ tranh - Đề tài Tự chọn (tiết 2)

17	17	Kiểm tra học kì I : Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí mặt nạ (tiết 1)
18	18	Kiểm tra học kì I : Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí mặt nạ (tiết 2)
19	19	Vẽ theo mẫu - Vẽ chân dung (tiết 1)
20	20	Vẽ theo mẫu - Vẽ chân dung (tiết 2)
21	21	Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật hiện đại phương tây từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX - Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của trường phái hội họa Ấn tượng
22	22	Vẽ trang trí - Vẽ tranh cổ động (tiết 1)
23	23	Vẽ trang trí - Vẽ tranh cổ động (tiết 2)
24	24	<i>Kiểm tra 1 tiết</i> : Vẽ Trang trí - Trang trí lều trại (tiết 1)
25	25	<i>Kiểm tra 1 tiết</i> : Vẽ Trang trí - Trang trí lều trại (tiết 2)
26	26	Vẽ theo mẫu Giới thiệu tỷ lệ cơ thể người và tập vẽ dáng người (T.1)
27	27	Vẽ theo mẫu Giới thiệu tỷ lệ cơ thể người và tập vẽ dáng người (T.2)
28	28	Vẽ Tranh - Minh họa truyện cổ tích (tiết 1)
29	29	Vẽ Tranh - Minh họa truyện cổ tích (tiết 2)
30	30	Vẽ Tranh - Minh họa truyện cổ tích (tiết 3)
31	31	Vẽ theo mẫu - Xé dán tĩnh vật lọ hoa và quả (tiết 1)
32	32	Vẽ theo mẫu - Xé dán tĩnh vật lọ hoa và quả (tiết 2)
33	33	Kiểm tra học kì II: <i>Vẽ tranh - Đề tài tự chọn (tiết 1)</i>
34	34	Kiểm tra học kì II: <i>Vẽ tranh - Đề tài tự chọn (tiết 2)</i>
35	35	Trung bày kết quả học tập trong năm học

LỚP 9

BÀI	TIẾT	TÊN BÀI
1	1	Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật thời Nguyễn (1802-1945)
2	2	Vẽ theo mẫu: Tĩnh vật (tiết 1)
3	3	Vẽ theo mẫu: Tĩnh vật (tiết 2)
4	4	Vẽ trang trí -Tạo dáng và trang trí túi sách
5	5	Vẽ tranh - Đề tài phong cảnh quê hương (tiết 1)
6	6	Vẽ tranh - Đề tài phong cảnh quê hương (tiết 2)
7	7	Thường thức Mỹ thuật - Chạm khắc gỗ đình làng Việt Nam
8	8	Vẽ trang trí - Tập phóng tranh ảnh
9	9	<i>Kiểm tra 1 tiết</i> : Vẽ tranh - Đề tài Lễ hội (tiết 1)
10	10	<i>Kiểm tra 1 tiết</i> : Vẽ tranh - Đề tài Lễ hội (tiết 2)
11	11	Vẽ trang trí - Trang trí hội trường (tiết 1)
12	12	Vẽ trang trí - Trang trí hội trường (tiết 2)
13	13	Thường thức Mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật các dân tộc ít người ở VN
14	14	Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí thời trang (tiết 1)
15	15	Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí thời trang (tiết 2)
16	16	<i>Kiểm tra học kì: Vẽ tranh - Đề tài tự chọn (tiết 1)</i>
17	17	<i>Kiểm tra học kì: Vẽ tranh - Đề tài tự chọn (tiết 2)</i>

Nguồn: Bộ sách Chân trời sáng tạo

** Thông qua môn Mỹ thuật, học sinh có được những phẩm chất sau:*

HS biết vận dụng vào bài học và một số cảm nhận về sự rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Biết đánh giá, nhận xét các giá trị thẩm mỹ trong thực tế đời sống, đồng thời biết yêu mến và tự hào về truyền thống văn hoá nghệ thuật. Biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước, từ

việc yêu thích cái đẹp và biết trân trọng, giữ gìn vẻ đẹp của di sản văn hoá, nghệ thuật của quê hương, đất nước, sáng tạo vào bài học thành tác phẩm nghệ thuật.

Học môn Mĩ thuật còn giúp HS biết biểu lộ cảm xúc trước những tấm gương về những hành động đẹp của con người trong đời sống và biểu hiện trong tác phẩm nghệ thuật. Với mỗi nội dung bài học còn giúp HS biết sử dụng hình ảnh thẩm mĩ để biểu đạt trong sáng tạo mĩ thuật. Đó chính là tính giáo dục thông qua môn học được vận dụng vào chính đời sống và cách nghĩ của học sinh.

Nhờ vào khả năng sư phạm cũng như kiến thức mĩ thuật mà giáo viên có thể giúp cho mỗi HS có hứng thú với hoạt động học tập, sáng tạo, có ý thức tìm hiểu nội dung, chủ đề bài học. HS biết chủ động sưu tầm, chuẩn bị các nội dung gắn với chủ đề bài học và dụng cụ học tập phù hợp với điều kiện thực tế của môi trường cũng như yêu cầu, gợi ý của thầy cô. Giáo viên khích lệ HS tham gia các hoạt động nghệ thuật trong và ngoài nhà trường, giúp HS hoàn thiện bản thân cũng như sớm nhận biết trách nhiệm gia đình và người thân.

- Từ những điều trên, bài học mĩ thuật còn giúp HS có thể áp dụng những điều tích cực vào đời sống thực tế của các em cũng như sự trung thực. Vì vậy giáo viên sẽ là người khách quan chính xác khi nhận xét, đánh giá kết quả học tập của HS thông qua các bước: thảo luận, thực hành, sáng tạo... GV giúp HS biết bảo quản, sử dụng đồ dùng học tập, nguyên liệu tạo hình hợp lí. Đồng thời có ý thức bảo vệ, gìn giữ vẻ đẹp của ngôi trường mình học tập hay các di sản văn hoá, nghệ thuật ở những nơi các em được tham quan, trải nghiệm học tập.

Như vậy, mặc dù nội dung chương trình đang đổi mới nhưng khối lớp 7,8 và 9 vẫn sử dụng SGK cũ. Về cơ bản, việc dạy học mĩ thuật nhằm giúp HS có những biện pháp học tập, phát huy nâng cao kỹ năng thực hành

từ môn mỹ thuật ở mỗi bậc học. Góp phần thực hiện dạy học mỹ thuật đạt hiệu quả ngày càng tiến bộ.

Từ những định hướng và kết quả dạy học mỹ thuật học viên cho rằng dạy - học Mỹ thuật ở trường THCS hiện nay đã có những thay đổi và đạt kết quả cao. Vai trò của GV đã được quan tâm chú ý, phần nhiều HS cũng đã yêu thích môn học mỹ thuật. Sự quan tâm từ việc đổi mới chương trình dạy học và môn học đặc thù, không còn cảm giác mỹ thuật là môn phụ nữa. Đội ngũ GV cũng đã phấn đấu để có nhiều tiết dạy tốt, tự nâng cao trình độ chuyên môn. Biết vận dụng các kỹ năng dạy học hiện đại, tăng cường phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn Mỹ thuật. Vận dụng phương tiện dạy học hiện đại công nghệ thông tin tiện ích như: Internet, đèn chiếu, máy chiếu đa năng, sử dụng chương trình bài giảng điện tử power point, violet.... để phát huy tính tích cực tư duy của học sinh.

Như chúng ta đã biết “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, đó là mục tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra, nhằm để đáp ứng được mục đích yêu cầu của giáo dục nước nhà. Đưa nền giáo dục nước nhà xứng tầm với quốc tế, thì việc đầu tiên là phải tìm ra những biện pháp, giải pháp cụ thể về Chân - Thiện - Mỹ giúp học sinh có cái nhìn bao quát chung và học tốt hơn, hiểu hơn và biết vận dụng cái đẹp trong Mỹ thuật và ngoài cuộc sống hằng ngày.

Tiểu kết

Qua nghiên cứu chương 1, luận văn làm rõ một số khái niệm liên quan đến dạy học mỹ thuật, những hoa văn, họa tiết, mô típ con vật trong trang trí thời Trần. Đó chính là công cụ để có thể tìm hiểu về đặc điểm và giá trị nghệ thuật, ý nghĩa biểu tượng của các con vật trong trang trí trên gốm, chạm khắc trên các chất liệu tạo sự phong phú, có tính khái quát cao, sinh động và đậm đà bản sắc dân tộc. Thông qua đề tài, kỹ thuật thể hiện,

phong cách và ngôn ngữ tạo hình để thấy vai trò của nó đối với nền văn hóa dân tộc.

Những nét khái quát về trường THCS Lương Ngọc Quyến, TP Thái Nguyên, qua lịch sử từ khi được thành lập, trưởng thành, đến nay. Nhiệm vụ và thành tích mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua, cũng như hướng phát triển trong tương lai. Tầm quan trọng của môn Mỹ thuật đối với giáo dục thẩm mỹ trong nhà trường. Nội dung chương 1 của luận văn nêu đặc điểm tiêu biểu của chương trình Mỹ thuật đổi mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Nêu được thực trạng diễn ra những thuận lợi và hạn chế trong quá trình dạy - học, cũng như ứng dụng chuyên ngành của môn Mỹ thuật trên thực tế. Đó cũng là cơ sở lý luận là tiền đề để thấy rõ tính ứng dụng của mô típ con vật, hoa văn trên gốm, chạm khắc và các pho tượng thời Trần trong các bài tập thực hành mỹ thuật.

Chương 2

TẠO HÌNH MÔ TÍP CON VẬT TRONG TRANG TRÍ THỜI TRẦN VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC MĨ THUẬT TẠI TRƯỜNG THCS LƯƠNG NGỌC QUYẾN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

2.1. Đặc điểm tạo hình mô típ trang trí con vật thời Trần vận dụng vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến thành phố Thái Nguyên

2.1.1. Đặc điểm về đường nét

Những con vật được chạm khắc trên kiến trúc và điêu khắc thời Trần đã thể hiện rõ vai trò của đường nét, mang nhiều ý nghĩa biểu tượng Phật giáo. Những hình hươu chạm trên bệ đá chùa Bối Khê, bệ đá chùa Ngọc Đình (Hà Tây cũ), bệ đá chùa Xuân Lũng (Phú Thọ), vẫn là cách đưa nét chạm vào tác phẩm bên yếu tố chủ đạo là khoảng không với tỷ lệ, kích thước to, nhỏ cùng những nhịp điệu như cung bậc nhịp điệu của nét khiến cho các họa tiết xuất hiện hài hòa, táo bạo. Những nét chạm trên hình con sấu ở tháp chùa Phổ Minh (Nam Định) cũng mang tính tả thực bằng nét chạm trên đá khá mạch lạc.

Hươu trên bệ thờ chùa Thắng Phúc dáng lảo, mình điểm các đốm sao đang luôn chạy giữa các diềm hoa cúc lượn hình sin. Hình hươu ở chùa Phổ Quang có thân hơi mập, đầu có cặp sừng hai nhánh, mồm ngậm cành hoa, điệu nhảy có phần vui nhộn. Còn hình hươu ở chùa Bối Khê có dáng vẻ hiền lành, tư thế đứng tĩnh lặng. Cành lá của hươu Bối Khê khá rậm rạp, trong khi cành lá của hươu Cát Quế rất đơn sơ [41, tr. 94].

Tất cả, như đều được chạm bằng những nét chạm tài tình, dưới bút pháp điêu luyện, dưới bàn tay tinh xảo của nghề nghiệp, tinh tế mà không tunn munn mềm mại mà vẫn chắc khỏe, không đơn điệu, phong phú từ mô típ đến bố cục kiểu dáng của các con vật. Các nét chạm được sử dụng trong trang trí các con vật đó là những nét cong thẳng, gãy, xoắn vuông, tròn, chữ

nhật, tam giác thể hiện trên các đồ án trang trí thường có tính kết hợp, ít khi đứng đơn lẻ. Vì vậy, luôn tạo cảm giác hài hòa giữa chi tiết chính, phụ được giới hạn trong các chia ô trên bàn thờ Phật bằng đá hay trên các phù điêu chạm khắc gỗ.

Về cơ bản những trang trí hình con vật trên điêu khắc và kiến trúc thời Trần cho thấy thể hiện rõ sự tài tình của các nghệ nhân. Những nét chạm cơ bản đã thể hiện rõ yếu tố chân thật và bình dị mang đậm phong cách điêu khắc Phật giáo thời Trần. Những hình tượng con vật như hổ, hươu, được thể hiện hết sức dân gian gắn bó chặt chẽ với hiện vật và không gian thờ cúng. Những hình con vật như rồng chạm trên đá khá thống nhất với hình tượng rồng chạm trên cánh cửa gỗ chùa Phổ Minh (Nam Định), còn thấy cả sự tương đồng với hình chạm khắc hình rồng trên kiến trúc gỗ chùa Thái Lạc (Hung Yên). Như vậy, đặc điểm về đường nét trên chạm khắc hình các con vật trong mỹ thuật thời Trần đã toát lên tinh thần điêu khắc và hơi thở thời đại. Yếu tố nét đóng vai trò không thể thiếu trong nghệ thuật chạm khắc thế kỷ XIV (thời Trần).

2.1.2. Đặc điểm về khối

Qua những hiện vật tìm thấy trên các tác phẩm điêu khắc bằng đá thời Trần cho thấy. Nếu hình rồng được tạo khối mạnh bằng những đường gờ uốn lượn của thân rồng, thì các hình dùng trong trang trí khác như hình tượng hươu chùa Bôi Khê (Hà Tây cũ), hình hoa lá, hay hình hươu chùa Ngọc Đình (Hà Tây cũ), được chạm khá nông rất gần với ngôn ngữ của nghệ thuật đồ họa. Đó là sử dụng nhiều đường nét nhỏ khắc chìm hiện rõ trên bề mặt của không gian tạo hình. Tạo hình của hổ và sư tử tại chùa Đại Bi (Cát Quế) được chạm ở hai ô với độ khối nổi thấp, bẹt. Phần thân được tạo hình đơn giản, khối mắt tròn, mũi nở cùng tạo dáng oai phong. Hình hổ như đang bước đi đầu ngoái lại được tạo dáng rất động, bằng kỹ thuật chạm nổi và chạm bằng cách chạm theo mảng. Phần đuôi như vất lên lưng tạo

dáng dung mãnh, hài hòa với khối nổi của phần trán, mắt, mũi, miệng cùng cái cằm bạnh ra theo lối nhìn và tư duy của người nghệ nhân dân gian.

Với hình tượng cá còn thấy trang trí trên bàn thờ Phật chùa Phổ Quang với tạo hình kiểu cá hóa long cùng kích thước khá nhỏ nằm lọt ở phần diềm dưới cùng của mặt ngoài của bàn thờ Phật nhưng các nét trang trí trên tạo hình khác cho thấy khá khúc triết trong từng chi tiết như thân hình cá to, bẹt, mắt lồi có hình đao lửa xuất hiện trên lưng. Trên bàn thờ Phật chùa Phổ Quang có hai mô típ trang trí cá hóa rồng, một hình ở chiều cạnh bên phải và một hình ở bề mặt ngoài của nhang án. Hình ở đầu hồi phải của bàn thờ Phật được chạm bằng nhiều mảng bẹt còn giữ nguyên phần đuôi các hình chữ V với các nét khắc gợi thực, thân phía đuôi còn khắc vẩy cá. Phần đầu của cá đang chuyển hóa thành rồng với miệng há rộng mắt lồi to, vây thành hình răng cưa sắc nhọn cùng gợi ý của đao rồng sẽ được chuyển hóa. Hình còn lại không thấy đuôi chữ V nữa nổi bật với hình rồng nhiều hơn hình cá, bởi đầu rồng đã xuất hiện há rộng đang đớp ngọc tròn cùng những đao rồng xuất hiện. Tạo hình cá ở đầu hồi phải của bàn thờ Phật đã được chạm bằng nhiều mảng bẹt còn nguyên đuôi các hình chữ V với các nét khắc/khắc gợi thực, thân phía đuôi còn khắc vẩy cá. Hình còn lại không thấy đuôi chữ V nữa nổi bật với hình rồng nhiều hơn hình cá, bởi đầu rồng há rộng đang đớp ngọc tròn cùng những đao rồng xuất hiện.

Kỹ thuật chạm nổi bẹt thấy trên hình hổ và hình sư tử chạm ở phía sau bàn thờ Phật chùa Đại Bi. Kỹ thuật chạm này cho thấy nghệ nhân đã vận dụng cách khắc đá từ chiều phẳng bề mặt theo chu vi của hình thể nhân vật để tạo ra những độ nổi vừa trong hình chạm. Vậy nên độ nổi của khối cao vừa thuận tiện cho việc mô tả chi tiết trên bộ phận của hình hổ để như thấy vừa cường điệu vừa sơ sài, đúng với phong cách tạo hình phóng khoáng của mỹ thuật thời Trần. Các nghệ nhân đã tạo ra khả năng của khối được phát huy với những mảng chạm nông, bẹt nhưng lại gây sự liên tưởng đến mặt phẳng của màu sắc hội họa. Những chi tiết được nổi cao gây cảm

giác về khối là những túm tóc xoắn, mắt tròn, mũi nở, vệt nhô lên của những túm lông ở đuôi và khuỷu chân của các con vật. Đó là khả năng xử lý kỹ thuật chạm khắc bằng kỹ thuật đục chạm thành mảng làm cho hình tượng hồ, sư tử trở nên sinh động. Kỹ thuật chạm khắc đã cho thấy rõ cách nhấn mạnh đến cường điệu những phần cần thiết của hình tượng con vật nhằm mô tả vẻ đẹp cũng như đặc điểm riêng của hình hồ, sư tử phù hợp với thẩm mỹ dân gian.

Nhìn những nét chạm bật ra một cách khoát đạt từ trong đá rắn, ta phải cảm phục sự vững tay cao độ của nghệ sĩ, họ đục đâu là được đấy không cần tia gọt lại, từng nhát đều rất dứt khoát. Chắc hẳn trước khi bắt tay vào dụng cụ và nguyên liệu, nghệ sĩ điêu khắc đã ghi đầy đủ trong mắt và trang trí những hình ảnh mình định chạm khắc; chẳng những ghi nhớ đầy đủ mà còn lĩnh hội rõ rệt cái dáng điệu chung cũng như từng chi tiết nhỏ, sau đó lại phải luôn giữ toàn thể cái ý ấy trong vùng ánh sáng của ý thức [39, tr.31].

Người nghệ nhân đã sử dụng kỹ thuật chạm, đục vừa tinh xảo vừa dứt khoát, mạnh bạo được thể hiện trên đồ án trang trí hình rồng và garuda. Phù điêu chạm với độ nổi cao có lớp giãn thoáng hơn, hình rồng trong đồ án trang trí nên được chạm khắc bằng khối cao, chủ yếu là chạm rồng nhìn nghiêng với 7- 9 khúc uốn, có hình chạm có 3 khúc hình chữ U như trên bàn thờ Phật chùa Phổ Quang.

Từ kỹ thuật đục chạm cho thấy các nghệ sĩ xưa đã dày công nghiên cứu, thể hiện sáng tạo với nguyên liệu để chủ động biến chất liệu đá tạo hình thành các con vật có ý nghĩa gắn bó chặt chẽ với tín ngưỡng và như câu thờ Phật của nhân dân đương thời. Nhìn những nét chạm như vừa được bật ra một cách dứt khoát từ trong đá cứng để chúng ta có thể cảm phục sự vững tay cao độ của nghệ sĩ. Họ đã sáng tạo ra các mẫu hình trang trí với

vẻ đẹp nổi bật là phóng khoáng, hiện thực pha chút huyền thoại. So với chạm khắc trên đá thời Lý (thế kỷ XI, XII) trước đó dễ thấy:

Nếu ở thời Trần hình các con vật được tạo khối phóng khoáng, hình con vật trên bề mặt đá thời Trần được làm nổi bật hơn. Các tiên nữ cưỡi phượng được tách riêng trong từng ô vuông đồng thời nhắc lại trong cái tổng hoà về không gian trên kiến trúc chùa Thái Lạc, Hưng Yên. Đó là hình tiên nữ cưỡi phượng thống nhất với hình tiên nữ dâng hoa, dâng ngọc cũng trang trí tại ngôi chùa này là những phù điêu độc lập gắn với kiến trúc gợi lên sự mạnh mẽ cho mỹ thuật ở làng sau này. Từ đây học viên có thể so sánh với hình tượng tiên nữ trên phù điêu đá thời Lý về kỹ thuật tạo khối thì điêu khắc Lý đã phản ánh sức sống mãnh liệt của văn hoá Việt Nam. *Phù điêu chạm khắc hình tiên nữ là vũ nữ đầu người mình chim (Kinnari)*, tại chùa Phật Tích (Bắc Ninh) mang phong cách thời Lý. Với chất liệu đá đã có thể mạnh mẽ còn để lại duy nhất một tác phẩm được xem là trên kết cấu của một thành phần kiến trúc nhưng lại là phế tích đào được tại chùa Phật Tích, Bắc Ninh. Với hình hai tiên nữ trong một bố cục đăng đối châu vào nhau đang dâng hoa cúng phật. Từ trên đầu hiện ra đôi cánh như cánh chim bắt đầu bay lên, lông đuôi chạm tủa dài theo hình sóng uốn lượn cuộn ngược về phía sau. Cả hai hình chim này được tạo dáng trong tư thế đứng trên đài sen, một tay đưa ra trước ngực tay còn lại đang nâng cao chùm hoa như đang dâng hiến lên Phật pháp. Với hình tiên nữ là vũ nữ ở đây là sự gợi ý và kế thừa cho việc chạm khắc hình tiên nữ trên kiến trúc chùa Thái Lạc - thời Trần sau này. Nó cũng thật thống nhất cho việc chuyển giao chính quyền êm đẹp giữa nhà Lý và nhà Trần. Cũng dễ thấy những nét cơ bản và là sự thống nhất các mô típ trang trí trên kiến trúc, điêu khắc thời Trần đều có điểm xuất phát hay mô phỏng từ thời Lý chuyển sang. Mặc dù ở thời Trần hình tiên nữ cũng được cho rằng chúng thoát ly từ huyền thoại Ấn Độ

nhưng không thể không ảnh hưởng, kế thừa từ thời Lý để phát triển thành phong cách phóng khoáng, đơn giản, khoẻ khoắn, dung dị. Biết kế thừa từ trang trí thời Lý để đạt tới phong cách riêng, hình người hay hình tiên nữ thời Trần đã giảm đi sự chau chuốt, bớt đi sự uốn lượn mà thay vào đó là hình tiên nữ đầy đặn khoẻ mạnh trên các chất liệu gỗ gạch là chủ yếu.

Những phù điêu chạm khắc trên gỗ còn cho thấy trên nhiều ngôi chùa thế kỷ XVI, XVII, XVIII đã tiếp thu phong cách tạo khối cũng như chạm khắc từ thời kỳ Lý, Trần.

2.2. Ý nghĩa tạo hình các con vật trong trang trí thời Trần được vận dụng vào dạy học mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến TP. Thái Nguyên

2.2.1. Ý nghĩa tạo hình rồng

Biểu tượng rồng được quan niệm được hình thành từ sự giao lưu văn hóa Ấn Độ, Champa và vào đất Việt. Tuy nhiên, hình tượng rồng được tổng hợp từ nhiều nguồn gốc, nhiều yếu tố mạnh của nhiều con vật khác trong tự nhiên, vì không phải là con vật có thật. Mặt khác, hình tượng con rồng khi hình thành trong tâm thức văn hóa và nghệ thuật của người Việt đã trải qua quá trình giao lưu văn hóa để chuyển từ con rắn Ấn Độ sang hình rồng trong văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng và nghệ thuật tạo hình Việt. Hình tượng rồng con được trang trí trên áo bào, ngai vàng của các vị Vua và hoàng tử dưới triều đại nhà Trần. Từ đó, hình tượng rồng được trang trí trên kiến trúc và hiện vật mỹ thuật như: Trong điêu khắc trang trí đình làng, hình tượng rồng là mô típ được sử dụng làm trang trí chủ đạo trong những ngôi đình từ kiến trúc ngoại thất và nội thất. Biểu tượng hình rồng mang ý nghĩa gắn với quan niệm của người Việt chứ không như trong văn hóa Ấn Độ và rồng Trung Hoa. Khi biểu tượng rồng sang Việt Nam thường được quan niệm là một quá trình chuyển từ rồng có gốc tích từ con rắn bản địa, con rắn thần Ấn Độ nhanh chóng hóa thân vào con rồng Việt. Và như thế

con rồng Việt vốn đã mang nhiều biểu trưng, ngoài biểu trưng cho vua, biểu trưng cho nguồn gốc dân tộc, biểu trưng cho nguồn nước và sự phồn thịnh quốc gia cũng đã nhanh chóng thay thế cho con rắn thần Ấn Độ, luôn luôn gắn bó và trở thành biểu trưng cho Phật pháp trong các chùa tháp Việt Nam. Trong văn hóa Việt Nam, hình rồng trang trí trên các công trình kiến trúc tôn giáo Việt là biểu tượng của sự cao quý. Vì vậy, hình rồng được sử dụng nhiều trong kiến trúc cung đình, chùa và trên trang phục vua chúa dưới thời Trần. Tạo hình hình tượng con rồng trong mỹ thuật cũng thay đổi theo diễn biến lịch sử qua các triều đại chuyên chế phong kiến. Việc tạo hình con rồng thời Trần gắn với các công trình kiến trúc chùa thờ Phật còn mang tính gắn bó mật thiết với kiến trúc tôn giáo đương thời. Xuất phát từ quan điểm rồng là con vật không có thật, được dân gian hư cấu hình dáng như loài bò sát, gần gũi với rắn, có vẩy như cá. Khi áp dụng vào dạy học cho học sinh khối 6,7 tại trường THCS Lương Ngọc Quyến TP. Thái Nguyên được giáo viên hướng dẫn khá tỉ mỉ. Thông qua bước quan sát đó cũng là bước giúp các em tiếp cận ở góc độ lý thuyết, lý luận và lịch sử. Từ đó giúp các em thấy được tạo hình rồng ở khá nhiều dáng vẻ và cấu trúc khác nhau. Rồng còn là con vật đứng đầu trong Tứ linh, rồng là con vật huyền thoại, khi bước vào văn hóa Việt Nam đã được thiêng hóa ở thời Lý - Trần, nó cũng đầy quyền uy, được gắn với trời, vua, với tín ngưỡng cầu nước gắn với đời sống dân gian.

Dưới thời Trần hình tượng rồng còn tượng trưng cho linh vật trang trí trong nghệ thuật trang trí bệ đá thờ Phật. Tuy nhiên ở mỗi bàn thờ Phật bằng đá chạm rồng cho thấy rõ diễn biến tạo hình rồng khác nhau về chi tiết nhưng khá giống nhau về sự tương đồng như: Tạo dáng khỏe, chắc, mập mạp, uốn khúc không đều, không chín chu mềm mại uyển chuyển hình sin như rồng thời Lý. Rồng trên bàn thờ Phật chùa Bối Khê, chùa Đại Bi (Hà Nội) cấu trúc dáng như chữ S có sừng vươn thẳng về phía sau. Giúp

học sinh hiểu được những dạng biến thể dù ở dạng nào thì mô típ rồng ở thời kỳ nhà Trần vẫn mang biểu tượng cho sự cao quý, linh thiêng. Đồng thời giúp học sinh hiểu được rồng mang biểu cho quyền lực của nhà vua (Vương quyền) lại vừa mang ý nghĩa cho cư dân nông nghiệp đó là ước mơ mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Rồng còn mang nặng tinh thần Phật giáo dưới đương thời, nên có còn là sự linh thiêng (Thần quyền).

Dưới thời Trần hình tượng rồng được thể hiện trên các chất liệu đá, đất nung, gỗ trên các di tích gắn với triều đình và các di tích tôn giáo/chùa thờ Phật. Cho đến cuối thế kỷ 14 hình rồng xuất hiện không chỉ trên công trình kiến trúc chùa làng mà trên cả đồ thờ. Trong đó có trang trí trên bàn thờ Phật bằng đá, nó hòa cùng các mô típ trang trí hoa lá, mây, sóng và các linh vật khác mang tư cách đề cao đạo Phật. Ở thời kỳ nhà Trần hình rồng được biến đổi ở nhiều dáng chứ không cố định ở một dáng nào, cũng là những chi tiết hướng dẫn các em học sinh biết nhận diện đặc điểm nghệ thuật và có thể thực hành áp dụng vào bài học của các em. Thông qua những bài học như vậy giáo viên còn giúp cho HS vận dụng cấu trúc tạo hình của mỗi hình mẫu và hiểu thêm về ý nghĩa con rồng trong tâm thức người Việt với ý nghĩa ban đầu, rồng là biểu tượng nằm trong truyền thống chung của rồng phương Đông và cũng là văn hóa Việt, là tượng trưng cho nguồn nước, cuộc sống no đủ, mùa màng tươi tốt. Từ ý nghĩa đó khiến cho học sinh có hứng thú với môn học để tạo hình rồng vào tác phẩm của mình trở nên sinh động theo sức sáng tạo và tư duy thẩm mỹ của các em.

Trong kỹ thuật chạm khắc hình rồng dù trên gỗ, đá nhưng rồng vẫn được hiện lên với cái đẹp của lối tạo hình khối mập mạp, chắc khỏe. Giáo viên chỉ cho học sinh thấy được sự phong phú về kiểu dáng của hình rồng chạm trên hiện vật mỹ thuật thời Trần. Hình rồng như sự xuất hiện thường xuyên cùng các chủ đề trang trí làm đẹp và có ý nghĩa thêm cho công trình kiến trúc hay không gian thờ cúng.

Hình tượng rồng thời Trần được tạo dáng cơ bản vẫn giữ cấu trúc cơ bản của hình rồng thời Lý, với các đường cong tròn nối nhau, các khúc trước lớn, các khúc sau nhỏ dần và kết thúc như đuôi rắn nhưng ngắn quăng đột ngột hơn. Dù được tạo hình trong bố cục nào hay diễn biến không gian nào thì hình rồng thời Trần vẫn đảm bảo được đặc điểm riêng là khúc triết, cương hoạc, mạch lạc, khối chính phụ rõ ràng. Đó cũng chính là đặc điểm tạo hình của mỹ thuật thời Trần, một thời kỳ đã chiến thắng Nguyên – Mông và duy trì đạo Phật.

Khi triển khai hình tượng rồng vào dạy học cho học sinh trường THCS Lương Ngọc Quyến TP. Thái Nguyên thường sử dụng hình thức dạy vẽ theo hình thức hướng dẫn học sinh quan sát đối tượng như những hình ảnh mẫu có trước mặt hoặc mô tả, vẽ lại tùy theo cảm nhận, hiểu biết và cách nhìn, cách nghĩ của mỗi học sinh. Bởi vì nếu cho học sinh biết mô tả, mô phỏng kẻ lại theo mẫu thì các em sẽ tránh được sự lệ thuộc không phải sao chép, rập khuôn như mẫu khi thiết kế. Mong muốn của phương pháp vận dụng này là giúp các em có khả năng quan sát và sáng tạo ra cái đẹp theo trình độ, khả năng tư duy của mình từ những bước quan sát. Từ những gợi ý về hình tượng các con vật trong mỹ thuật thời Trần để áp dụng vào các đồ vật, con vật có ở xung quanh được chuyển tải bằng hình khối, đường nét, màu sắc, đậm nhạt... Từ sản phẩm của học sinh để có thể giúp các em tìm và biết khai thác được vẻ đẹp của đối tượng một cách phù hợp mang tính thẩm mỹ cao. Việc vận dụng hình tượng các con vật trong mỹ thuật thời Trần không chỉ giúp các em hiểu được dấu ấn mỹ thuật một thời kỳ chuyên chế phong kiến ở Việt Nam mà còn giúp các em có khả năng quan sát, nắm bắt thực tế để sáng tác thành bài học của học sinh. Có thể triển khai bằng sơ đồ tư duy như [H1.25; tr.108], hình rồng được đặt tương đương cùng các hình con vật khác như hổ... Cũng từ các bước lên lớp giúp học sinh vận dụng kiến thức vào bài học còn giúp cho giáo viên có thể nhận biết được

trình độ của từng học sinh cũng như lứa tuổi thông qua cả phương pháp giảng dạy và sự phân hóa, đánh giá học sinh.

Để áp dụng phương pháp dạy học mỹ thuật phù hợp với bối cảnh hiện nay mỗi bài học còn giúp học sinh tư duy phát triển riêng để khi thực hiện mỗi em sẽ có một cách tiếp cận đối tượng và các bài vẽ sẽ không giống nhau. Giáo viên có thể so sánh, phân tích, ước lượng, nhận xét về kích thước, tỉ lệ hay yêu cầu của bài học ở mỗi học sinh cũng sẽ có sản phẩm không giống nhau. Đó chính là phản ánh quá trình cảm thụ vẻ đẹp của đối tượng ở mỗi học sinh một khác nhau, từ đó thể hiện qua hình thức và kỹ thuật cũng khác nhau.

2.2.2. Ý nghĩa tạo hình phượng

Trong văn hóa Việt Nam hình tượng chim phượng xuất hiện từ lâu thông qua những câu chuyện thần thoại cổ, truyền thuyết, hình tượng chim phượng thấy xuất hiện phổ biến trong các công trình của mỹ thuật truyền thống Việt. Hình tượng chim phượng trải qua chiều dài lịch sử đã xây dựng hình tượng chim phượng theo quan niệm thẩm mỹ riêng. Đôi khi muốn đề cao ý nghĩa và biểu tượng cao đẹp cho hình tượng phượng nên nó được xem là sự kết tinh từ vẻ đẹp và sự mềm mại, uyển chuyển, thanh lịch duyên dáng của các loài chim như chim công, cẩm kê. Hình tượng chim phượng xuất hiện trong văn hóa Việt Nam như một điều tất yếu của lịch sử. Trong quá trình dạy học mỹ thuật đối với học sinh ở trình độ THCS giáo viên có thể truyền đạt kiến thức về hình tượng chim phượng trong mỹ thuật được tiếp thu từ thời Đinh - Tiền Lê chuyển đến các thời kỳ quân chủ chuyên chế Phật giáo, Nho giáo và cả các giai đoạn sau này. Có thể thấy hình tượng chim phượng không chỉ trở thành mô típ trang trí mang tính thẩm mỹ để học sinh có thể vận dụng vào bài sáng tác thực hiện mà nó còn mang những ý nghĩa sâu sắc, sự linh thiêng, cần thiết trong mỗi công trình kiến trúc tôn giáo cũng như đồ mỹ nghệ. Việc vận dụng hình chim phượng vào sản phẩm

mỹ thuật còn làm tăng thêm sự phong phú của nền văn hóa có bản sắc của dân tộc Việt. Cùng với hình rồng, hình tượng chim phượng là loài vật không có thật đã được thiêng hóa và tạo hình ở nhiều góc nhìn khác nhau và trở thành vật thiêng, là một trong 4 con vật thiêng (Tứ linh). Khi dạy học mỹ thuật, giáo viên có thể giúp học sinh hiểu thêm quan niệm về biểu tượng chim phượng ở nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng quan niệm chim phượng là loài chim không có thật nhưng đã được mỗi dân tộc thiêng hóa chúng để trở thành biểu tượng thẩm mỹ riêng. Cũng vì vậy mà chúng ta hoàn toàn có thể đứng ở lĩnh vực mỹ thuật mà cụ thể là dựa vào nền tảng của lịch sử và văn hóa Việt Nam để thấy rằng hình tượng chim phượng trong văn hóa, tín ngưỡng và mỹ thuật truyền thống Việt. Với ý nghĩa mà người xưa đã gán cho phượng những gì tốt đẹp, cao quý và đức hạnh nhất. Bởi vì, đối với người Việt dù ở thời đại nào con người luôn mong muốn hòa hợp, hòa bình, cho nên việc sử dụng mô típ chim phượng trang trí trên đồ vật, sản phẩm, tác phẩm mà các em vận dụng sẽ mang nhiều tính nhân văn.

Hình tượng chim phượng được thấy xuất hiện hầu khắp trong các di tích mỹ thuật truyền thống Việt Nam. Đồng thời, trong tư duy của người Việt hình tượng chim Phượng được xem là một trong bốn con vật linh (tứ linh bao gồm: Long, ly, quy, phượng). Hình tượng phượng còn được coi là chúa tể của 360 loài chim. Vì vậy, việc áp dụng hình chim phượng vào dạy học mỹ thuật có thể giúp học sinh hình dung vẽ đẹp màu sắc của chim phượng thông qua mô tả có bộ lông rực rỡ, đầu là đầu chim trĩ, mỏ là mỏ của gà trống khuôn theo hình mây có chùm lông dài xoắn, hình tròn ốc. Tạo hình chiếc mỏ chim phượng khá thống nhất trên các đồ án hơi nhọn và quặp vào, phần cổ có khác được ví như là cổ rùa. Lông của nó mượt như lụa, óng ánh rực lửa. Đó cũng là những gợi ý để giáo viên có thể giúp học sinh chủ động thực hiện hình chim phượng vào bài học của mình. Trong tư duy của người Việt thì hình chim phượng khi được sử dụng làm đồ án trang

trí thì ý nghĩa hình chim phượng tượng trưng cho năm đức tính: ngay thẳng, lương thiện, công bằng, chung thủy và lòng khoan đại. Phượng xuất hiện là báo hiệu điềm tốt lành, đó là lúc xã hội thái bình có thánh nhân hoặc hiền triết xuất hiện. Dưới thời chuyên chế phong kiến hình chim phượng được ví như lấy đức mà trị dân, ví chim phượng hoàng như những vị vua sáng. Điều này còn mang tính giáo dục giúp học sinh hiểu thêm về ý nghĩa biểu tượng của một mô típ trang trí.

Có thể lấy ví dụ hình chim phượng trên các di tích và hiện vật mỹ thuật: Hình *Tiên cưỡi phượng* (chùa Thái Lạc, Hưng Yên). Các tiên nữ nhạc công đang ngồi trên mình phượng, người quay ngang theo kiểu nhìn chính diện, mỗi nàng cầm một loại nhạc cụ: sáo, tiêu, đàn nguyệt, đàn tỳ bà, đàn tranh và nhị. Hình phượng dâng hoa và châu mặt trời, trang trí trên hai vòm cửa thượng điện chùa Bối Khê (Hà Nội). Hình hai chim phượng được chạm đăng đối trong vòng cung lá đề của ván bụng lợn ở vòm cửa gian giữa tòa thượng điện của chùa vừa cân xứng vừa sinh động.

Khi hướng dẫn học sinh vận dụng hình chim phượng vào vẽ tranh là thực hiện hình thức hướng dẫn vẽ về đề tài giống như các thể loại như tĩnh vật, chân dung, phong cảnh... trong đó: Vẽ tranh đề tài con vật là giúp học sinh thực hành bài vẽ theo một đề tài cho trước nhưng ở dạng vẽ tự do. Học sinh thực hiện bài vẽ theo đề tài mà giáo viên đã gợi ý từ hình tượng chim phượng trên trang trí mỹ thuật thời Trần. Ở lứa tuổi mà các em đã hình thành những gợi ý từ trong trí nhớ ở trong mỗi bài học, các em biết cảm nhận và hiểu biết về lịch sử mỹ thuật bằng những hình tượng khá cụ thể. Vì vậy, việc học vẽ tranh theo đề tài về hình tượng chim phượng với đặc điểm nổi bật là hồn nhiên, trong sáng thông qua màu sắc, bố cục [H.1.9; tr.100] là những hình chim phượng được cách điệu, trong bố cục tròn, đăng đối và gam màu xanh, vàng... Hầu hết học sinh đã biết cảm nhận về màu và tỷ lệ về hình khối, vì vậy khi các em hiểu biết về lịch sử và nắm được đặc điểm

tạo hình của hình chim phượng thời nhà Trần càng giúp học sinh biết cảm thụ để sáng tạo riêng cho mình những tác phẩm, sản phẩm mang tính sáng tạo. Qua thực nghiệm để thấy hầu hết các em đều biết thể hiện bằng các thao tác như: vẽ nhanh thông qua khả năng quan sát, nắm bắt hình tượng điển hình tốt. Từ đó chủ động thể hiện hoàn thiện tác phẩm của mình theo khả năng và theo hình thức thể hiện yêu thích. Từ những bài học vận dụng như vậy để thấy hầu hết học sinh ở trường THCS Lương Ngọc Quyến, Tp Thái Nguyên đã biết thể hiện bằng nhiều kỹ thuật và hình thức thể hiện khác nhau một cách sáng tạo. Qua quan sát và tìm hiểu nội dung chủ đề mỗi học sinh đã biết nhìn và cảm nhận tốt hơn, chủ động và sáng tạo.

2.2.3. Ý nghĩa tạo hình kỳ lân

Dưới thời Trần hình kỳ lân được tạo hình kiểu sừng, thân béo và đuôi dài hơn. Điều đó cho thấy tùy từng giai đoạn lịch sử mà người nghệ nhân chạm khắc hình kỳ lân theo sự biến đổi cho phù hợp với quan niệm và thẩm mỹ. Hình lân được chạm ở bệ đá hoa sen hình hộp chùa Tổng (thời Trần) có hình dáng dữ tợn và thân có nhiều vẩy là một đặc điểm khác hẳn sư tử. Tạo hình kỳ lân trong mỹ thuật thời Trần lại được thể hiện theo lối nhìn nghiêng, toàn thân đang chồm về phía trước, nhưng đầu quay như đang ngoảnh lại phía sau hai chân trước hạ thấp, hai chân sau đội cao, mồm há rộng với nhiều răng nhọn được khoe ra. Mặt kỳ lân lồ to, trái ngược với đôi tai bé nhỏ. Chân ngắn với 3 ngón có móng sắc nhọn. Đuôi và bờm đều ngắn bay lượn dài ra sau. Có lẽ bị khuất nên kỳ lân ở đây không thấy có sừng. Hình lân trang trí trên bệ đá lục giác chùa Dâu, thời Trần có bố cục trong một khung chữ nhật vào loại nhỏ và hiện nay đã bị mòn. Kỳ lân có hình dáng rất gần với hình dáng kỳ lân ở Chùa Tổng [PL4.H.4.14; tr.131]. Nghĩa là thân cũng chồm về phía trước đầu quay ngược lại phía sau. Nếu như mặt của kỳ lân ở chùa Tổng còn có nét của sư tử thì mặt kỳ lân ở đây

đã khác hẳn. Mõm của nó dài ra như hai gọng kìm với hai dây răng sắc nhọn. Thân đậm, đuôi ngắn, lông bờm không bay ra sau mà rủ xuống sau gáy. Trên bệ thờ chùa Xuân Lũng, Phú Thọ (thời Trần) có trang trí hình lân khếp mình trên một dải trang trí ở phía dưới, có thân thú đang bò ra phía trước, mặt được cường điệu đôi chút để nhấn mạnh sức thiêng và sức mạnh. Trước mặt là quả cầu có hai dải bay ra. Vào những giai đoạn sau này, trang trí trên bia, trên kiến trúc đá và gỗ thường cũng có hình lân, chủ yếu vẫn học hỏi từ phương Bắc, song vẻ đẹp của nó thực chất là ở động tác hồn nhiên ấm áp không xa cách. “Ở thời Trần đồ án hình lân còn được vẽ trên tờ giấy bạc có giá trị 3 tiền trong hệ thống tiền *Thông bảo hội sao* do Hồ Quý Ly chủ trương” [10, tr.145]. Trong văn hóa Việt khi kỳ lân xuất hiện là mang lại điều lành, và lân cũng được xếp trong bộ tứ linh như đã dẫn chứng về tạo hình lân hiện còn thấy lưu giữ tại chùa Tổng (Hưng Yên), trên bàn thờ Phật chùa Xuân Lũng (Phú Thọ).

2.2.4. Ý nghĩa tạo hình cá

Trong trang trí mỹ thuật thời Trần cho thấy hình cá đã xuất hiện dưới tạo hình đang hóa rồng. Thực tế cá là một con vật có thật, tượng trưng cho nét đẹp trong văn hóa Việt Nam. Cá chép còn có mặt trong các bố cục với hoa sen, sóng nước... Tại chùa Phổ Quang (Phú Thọ) còn có hai hình cá hóa rồng trang trí trên bàn thờ Phật bằng đá với bút pháp thô, mạnh. Trang trí hình cá hóa rồng trên bàn thờ Phật thời Trần đến nay chỉ tìm thấy ở chùa Phổ Quang (Phú Thọ) với hai hình trong quá trình đang hóa từ cá sang rồng. Mô típ trang trí hình tượng cá hóa rồng, với các tạo hình phần đầu đã là rồng, phần còn lại là thân và đuôi vẫn còn là cá đang trong quá trình chuyển hóa. Với kích thước khá nhỏ nằm lọt ở phần diềm dưới cùng của mặt ngoài nhang án nhưng các nét trang trí ấy cho thấy khá dễ nhận, mạch lạc trong từng chi tiết như thân cá to, bẹt, mắt lồi có hình đao lửa xuất hiện

trên lưng. Trên bàn thờ Phật chùa Phỏ Quang có hai mô típ trang trí cá hóa rồng, một hình ở chiều cạnh bên phải và một hình ở bề mặt ngoài của tổng thể bàn thờ Phật. Tuy nhiên hai hình cá hóa rồng này không thật giống nhau, hình ở đầu hồi bên phải bàn thờ Phật là sự thể hiện còn rõ đầu rồng đuôi cá, còn hình ở dưới diềm bàn thờ Phật là phần đuôi và đầu đã hóa thành rồng chỉ còn giữ lại một chút phần thân cá. Trên bàn thờ Phật bằng đá chùa Phỏ Quang (Phú Thọ) có chạm hai hình cá hóa rồng tuy có chi tiết hơi khác nhau nhưng đều thống nhất có kết cấu chung là nửa đầu đã hóa thành rồng còn nửa đuôi vẫn còn nguyên phần mình và đuôi cá. Điều đặc biệt có một con phần đuôi cá được trang trí bằng những vòng tròn nhỏ xinh mang dáng dấp của hình cá chép. Tất cả toát lên tinh thần của nghệ nhân dân gian đã chạm trên đá thể hiện trình độ xử lý chất liệu và khả năng tư duy thẩm mỹ hướng tới tư tưởng Phật - Triết. Với chất liệu đá được xem là một trong những chất liệu chứa đựng tính thiêng, bền vững, Bàn thờ Phật bằng đá chính là biểu tượng riêng trong mỹ thuật thời Trần. Tuy đề tài cá hóa rồng mang tính huyền thoại nhưng thực tế ở bàn thờ Phật chùa Phỏ Quang đã ghi dấu sự xuất hiện của loại đề tài này tham gia vào không gian nội thất chùa thờ Phật. Cùng với hình rồng, cá hóa rồng cũng mang theo biểu trưng Phật giáo với lối tạo hình tiêu biểu. Cùng nhiều các đồ án trang trí khác, hình cá hóa rồng đã tiếp thu và xuất hiện trên các di tích mỹ thuật của người Việt trong các giai đoạn sau.

Trong bài học vẽ hình cá sẽ là chủ đề mà giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh cách thể hiện một tác phẩm với hình tượng các vốn được giới thiệu từ hình các hóa long trang trí trên bàn thờ Phật chùa Xuân Lũng (Phú Thọ). Từ đó giúp học sinh hình thành trong tư duy các em khi muốn thực hiện vẽ trang trí một chủ đề cụ thể. Vẽ theo chủ đề hình các là cách sử dụng đường nét, hình mảng, đậm nhạt, màu sắc, hình khối... giàu tính trang trí để tạo nên sản phẩm phù hợp với nội dung, yêu cầu của từng dạng bài. [PL1. H.1.3; tr.92];

[PL1.H.1.4; tr.92]; [PL1.H.1.5; tr.93] là những bài tập vận dụng hình các trong mỹ thuật thời Trần vào sáng tác hình các đơn lẻ hoặc đăng đối bằng gam màu cam, xanh trong cấu trúc bố cục hình elip, đăng đối quan tâm đến mảng miếng. Với cách vận dụng này giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào bài vẽ theo cách nghĩ, cách cảm thụ riêng của mỗi học sinh theo sự hướng dẫn từ giáo viên trong nội dung bài giảng về nghệ thuật trang trí. Phương pháp vận dụng này có mục đích giúp học sinh có cơ hội được tiếp xúc, làm quen với tác phẩm mỹ thuật truyền thống thông qua phân tích, tìm hiểu để cảm nhận cái hay, cái đẹp cũng như thưởng thức tác phẩm bằng khả năng và ý thích của chính các em.

2.2.5. Ý nghĩa tạo hình hổ

Hình tượng hổ được người Việt từ xa xưa đã quan niệm rằng hổ biểu tượng cho quyền uy, sự dũng mãnh. Có lẽ chính vì vậy mà hình tượng con hổ chạm khắc trên bệ đá hoa sen thời Trần là mô típ được tạo hình đẹp mắt và biểu trưng cho sức mạnh rõ nét nhất. Bệ chùa Đại Bi (Hà Nội) ở phía sau chạm hình hổ kê bên hình sư tử, cách chạm khối nổi làm toát lên khuôn hình của một con hổ khỏe mạnh, dũng mãnh đang bước đi, mặt hướng phía trước, mắt tròn, tai to, mõm rộng đuôi dài lượn dọc theo sống lưng, thống nhất với lối tạo hình của tượng hổ ở lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình). Cũng trên bệ tượng chùa Đại Bi (Hà Nội) miêu tả hình sư tử với tư thế đang nhào lộn cùng quả cầu và như đang cùng vờn dải lụa, mô típ này cũng được liên hệ gần gũi với hình sư tử đang đuổi theo quả cầu ở bệ chùa Long Hoa (Hà Nam). Với hình tượng sư tử ta thấy sự phong phú về tạo dáng của các hình sư tử giữa các bệ như hình sư tử ở bệ chùa Long Hoa (Hà Nam) là phong cách mạnh mẽ, phóng khoáng; Sư tử ở bệ chùa Cát Quế (Hà Nội) lại tỏ ra chậm chạp, hiền lành; Với dáng vẻ đường bệ chứng chạc là hình sư tử ở bệ chùa Long Khánh (Hưng Yên); Tinh thần vui nhộn, tinh nghịch là sư tử ở bệ chùa Phổ Quang (Phú Thọ). Có lẽ vì sư tử còn biểu trưng cho sức mạnh biến hóa của đức Phật cho nên được chạm với nhiều dáng vẻ sinh động như đã thấy trong bệ đá hoa sen thờ Phật thời Trần.

Hồ đứng vào hàng đầu tượng trưng cho sức mạnh và uy quyền, hình tượng hồ chứa đựng nhiều sự ẩn dụ. Với quan niệm về màu sắc nên thường xuất hiện trong bàn thờ hoặc tại các phủ thờ nhằm đề cao vai trò và sự linh thiêng.

Khi vận dụng dạy học sinh cấp THCS nói chung tại trường Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên nói riêng để có thể vận dụng một cách linh hoạt các kỹ thuật và phương pháp dạy học sao cho phù hợp với khả năng tư duy của học sinh. Với hình tượng hồ hay sư tử trong mỹ thuật thời Trần đều đã xuất hiện với dạng phù điêu vậy nên khi vận dụng vào dạy học giáo viên có thể gợi ý cho học sinh hiểu biết về hình khối được tạo ra từ những vật tìm được như: dây thép, đất nặn, giấy bồi và được kết nối với nhau trong một không gian nhất định. [PL1.H.1.1; tr.91] là hình điêu khắc tượng tròn được làm bằng kỹ thuật giấy bồi đắp nổi và nhiều gợi ý từ cách nhìn hình 2,3D. Với quy trình này, có rất nhiều đề tài về hình tượng con vật hoặc kết hợp hình tượng con vật với bối cảnh được xây dựng như trò chơi, cuộc biểu diễn... Tùy mỗi chủ đề mà giáo viên có thể hướng dẫn, gợi ý cho học sinh học tập, khám phá và phản ánh cuộc sống bằng nghệ thuật.

Qua quá trình gợi ý và hướng dẫn học sinh viết thao tác trên kỹ thuật giấy bồi giúp học sinh hình thành, phát triển tư duy sáng tạo của học sinh về tạo hình trong không gian, bước đầu tiếp cận với nghệ thuật điêu khắc. Qua phần thực hành, mà học sinh được trải nghiệm dưới hình thức cá nhân, hay hợp tác nhóm cũng là cơ hội như khơi dậy trí sáng tạo và ý tưởng tạo hình bằng các kỹ thuật điêu khắc khác như: cách uốn dây thép, nặn đất, tạo hình từ phế liệu,... cách sắp đặt các sản phẩm đã thực hiện thông qua các hình thức kết hợp chất liệu và kỹ thuật sáng tạo vào sản phẩm chủ đề.

2.2.6. Ý nghĩa tạo hình hươu

Trong bước đi của tạo hình truyền thống Việt hươu là con vật được chạm hết sức hiện thực. Đặc biệt trong tạo hình thời Trần hình hươu xuất hiện khá đa dạng, trên bệ đá chùa Bối Khê, chùa Cát Quế, chùa Thắng

Phúc (Hà Tây cũ), mô tả hươu đang ngậm cành lá hoặc đang vờn đuôi, hươu sao... trang trí hình hươu có lẽ thấy xuất hiện bắt đầu từ thời Trần. Thời Trần có tới 5 bàn thờ Phật còn lưu giữ mô típ trang trí hình hươu. Thống nhất về phong cách nghệ thuật tạo dáng nhìn nghiêng, ngoái đầu lại nhưng lại có sự khác nhau chút ít về chi tiết. Hình hươu ngậm cành cây được chạm khá hiện thực, thon khỏe, bốn chân thanh thoát nhưng cũng rất hiền lành. Hai hình hươu đang ngậm cành cây được trang trí đan xen với hai hình rồng tại bàn thờ Phật chùa Bôi Khê. Cách bố cục thoáng, đều đặn và cách tạo hình sinh động, nắm bắt được ưu thế uyển chuyển của con hươu, đó là hai hươu chạy sang hai phía nhưng đầu lại ngoái nhìn vào giữa, hai chân sau co lại, hai chân trước hơi khuỵu xuống nhịp nhàng, có lẽ đó cũng là tư thế bất chợt hiếm có của tư thế sắp chuyển động. Hình hươu chạy trên đường gờ của bàn thờ Phật chùa Thắng Phúc có dáng hình tròn lẳn, trên mình hươu có điểm những đốm sao uyển chuyển giữa các hoa dây uốn lượn hình sin trông khá ngộ nghĩnh. Còn hình hươu ở bàn thờ Phật chùa Đại Bi lại là một chú hươu bé nhỏ, nhút nhát cuộn trong thế đứng tĩnh lặng ngoái đầu về phía sau e ấp bên cành cây không có lá mang tính ước lệ nhiều hơn hiện. Ở phía đầu hồi bên phải của bàn thờ Phật chùa Phổ Quang còn được trang trí hình hươu có sừng đang uốn mình như đang nhảy nhót, miệng ngậm cành cây có đủ hoa, lá khá hiện thực, tạo hình hươu khá thon thả, thanh thoát, nhanh nhẹn. Hình hươu đang dừng lại ngoái đầu về phía sau, đầu hướng lên nhìn mặt trăng lưỡi liềm tại bàn thờ Phật chùa Chân Nguyên (Hà Tây cũ). Mô tả dưới mặt trăng là cụm mây xoắn 2 đầu, xen giữa là luồng tóc chải mềm mại uốn lượn, chi tiết ấy chính là những gợi ý về vũ trụ, những năng lực của thiên nhiên được chọn lọc đặt trong bố cục hình hươu.

2.3. Giá trị nghệ thuật khi ứng dụng các con vật vào giảng dạy

Ứng dụng các con vật thuộc phong cách mỹ thuật thời Trần vào giảng dạy cho học sinh THCS còn được hiểu là việc hướng dẫn và giúp học sinh biết quan sát, mô tả, thực hiện, cũng như hiểu được những thông điệp gửi gắm qua sản phẩm khiến các em yêu thích môn học hơn. Giáo dục mỹ thuật truyền thống nói chung, hình tượng con vật thời Trần giúp học sinh có những suy nghĩ sáng tạo. Từ đó tạo nên phong cách và ứng xử như những di sản của dân tộc theo cách sáng tạo của mỗi học sinh. Giáo dục mỹ thuật từ các di sản truyền thống hay các con vật thời Trần còn mang đến cho học sinh những phương thức thể hiện cảm xúc của mình thông qua ngôn ngữ tạo hình và ý nghĩa biểu tượng của con vật. Như vậy, khi vận dụng những hình ảnh về con vật thời Trần vào giáo dục mỹ thuật trong nhà trường tại trường THCS Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên là nói đến những kiến thức, kĩ năng, giúp mỗi học sinh hình thành được năng lực thẩm mỹ, khả năng thực hành và thưởng thức mỹ thuật truyền thống theo đúng chiến lược đổi mới giáo dục, đồng thời giúp học sinh vận dụng được trong cuộc sống trở nên tươi đẹp, hấp dẫn hơn.

Như vậy, từ những vận dụng vào dạy mỹ thuật thông qua tư liệu về lịch sử mỹ thuật mà cụ thể là các con vật trong mỹ thuật thời Trần giáo viên còn có thể vận dụng cho học sinh làm việc nhóm bằng thao tác sơ đồ tư duy. Với ví dụ [PL1. H.1.25; tr.102] cho thấy qua sơ đồ tư duy sẽ giúp cho học sinh thuận tiện tìm hiểu về mỹ thuật thời Trần dưới các nội dung: tượng Phật, nghệ thuật gốm qua men, dáng gốm. Hoa văn trang trí hình hoa sen, hoa cúc. Hình tượng rồng, tượng lăng Trần Thủ Độ. Phần kiến trúc Phật giáo thời Trần gồm: Tháp Bình Sơn, tháp quần thể chùa Yên tử, chùa Thái Lạc. Kiến trúc cung đình gồm: Hoàng thành Thăng Long, Long điện Thiên Trường, khu lăng mộ An Sinh...

Tiểu kết

Nội dung chương 2, học viên đã trình bày rõ hơn về mô típ con vật trong trang trí thời Trần thông qua các đặc điểm/đặc trưng và ý nghĩa của từng con vật. Từ đó thấy tầm quan trọng của việc trang trí các hoa văn làm tăng thêm tính thẩm mỹ. Dưới thời Trần các con vật được chạm khắc, trưng bày dưới dạng phù điêu, hoặc tượng tròn cùng các chất liệu gỗ, đá... nhưng cùng thống nhất phong cách cương hoạc, chắc khỏe trong tạo khối, tăng cường tính hiện thực. Hình tượng, rồng, phượng, lân, hổ, cá... là những con vật đã được người xưa thiêng hóa mà gửi vào các công trình kiến trúc. Việc trang trí các con vật trên các hiện vật mỹ thuật ở thời Trần đã ghi dấu những nhu cầu thẩm mỹ và gửi vào đó những ước vọng của người xưa muốn truyền lại cho mai sau. Trang trí các con vật thời Trần là biểu tượng của Phật giáo, biểu tượng cho điềm lành, mang tính thiêng, là ước vọng của người dân Đại Việt. Khi vận dụng vào các kỹ thuật vẽ, xé dán, nặn, tạo hình 3D, 2D làm mô hình đã tận dụng được từ các phế liệu để sáng tạo nên sản phẩm. Không chỉ dừng lại như vậy mà việc vẽ, xây dựng các sản phẩm mỹ thuật từ các con vật trong mỹ thuật thời Trần giúp các em tư duy hình ảnh liên hệ thực tế, tăng khả năng tư duy lý luận. Tự tin thể hiện các ngôn ngữ nghệ thuật, giúp học sinh phát huy các khả năng giao tiếp và hợp tác... Vận dụng mỗi hình tượng con vật vào thực tế sáng tác các em thực sự được thỏa sức sáng tạo, từ những học sinh còn hạn chế trong quá trình hoàn thành sản phẩm ngay trên lớp đến những em có năng khiếu thực sự đều hào hứng hợp tác với nhau để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu bài học.

Chương 3

VẬN DỤNG MÔ TÍP CÁC CON VẬT TRONG TRANG TRÍ THỜI TRẦN VÀO DẠY HỌC BỘ MÔN MỸ THUẬT

TẠI TRƯỜNG THCS LƯƠNG NGỌC QUYẾN TP. THÁI NGUYÊN

3.1. Sử dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học mỹ thuật

3.1.1. Một số mô típ con vật có thể vận dụng vào dạy - học mỹ thuật

- Hình con Rồng:

Bảng 3.1. Vận dụng hình tượng con vật vào các bài học ở các khối lớp

Lớp	Bài	Nội dung bài học
6	1	Một số thể loại Mỹ thuật
	9	Sáng tạo mỹ thuật với trò chơi dân gian
	13	Sáng tạo mỹ thuật với hình ảnh trong cuộc sống
7	1	Thường thức Mỹ thuật: Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)
	5	Tạo dáng và trang trí lọ hoa
	10	Trang trí đồ vật có dạng Hình chữ nhật
	24	Trang trí đĩa tròn
8	2	Trang trí quạt giấy
	4	Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
9	14	Tạo dáng và trang trí thời trang

- Hình con Cá

Lớp	Bài	Nội dung bài học
6	6	Thiết kế đồ chơi
	9	Sáng tạo mỹ thuật với trò chơi dân gian
	13	Sáng tạo mỹ thuật với hình ảnh trong cuộc sống
7	1	Thường thức Mỹ thuật: Một số công trình mỹ thuật

		thời Trần (1226 - 1400)
	4	Tạo họa tiết trang trí
	5	Tạo dáng và trang trí lọ hoa
	10	Trang trí đồ vật có dạng Hình chữ nhật
	24	Trang trí đĩa tròn
8	2	Trang trí quạt giấy
	4	Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
	13	Trình bày bìa sách
9	4	Tạo dáng và trang trí túi sách
	14	Tạo dáng và trang trí thời trang

- Hình con Rùa

Lớp	Bài	Nội dung bài học
6	1	Một số thể loại Mỹ thuật
	6	Thiết kế đồ chơi
	9	Sáng tạo mỹ thuật với trò chơi dân gian
7	1	Thường thức Mỹ thuật: Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)
8	2	Trang trí quạt giấy
	4	Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
9	4	Tạo dáng và trang trí túi sách
	14	Tạo dáng và trang trí thời trang

- Hình con Ngựa

Lớp	Bài	Nội dung bài học
6	1	Một số thể loại Mỹ thuật
	6	Thiết kế đồ chơi
	9	Sáng tạo mỹ thuật với trò chơi dân gian
	10	Thiết kế thiệp chúc mừng

	13	Sáng tạo mỹ thuật với hình ảnh trong cuộc sống
7	1	Thường thức Mỹ thuật: Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)
	4	Tạo họa tiết trang trí
	5	Tạo dáng và trang trí lọ hoa
	24	Trang trí đĩa tròn
8	2	Trang trí quạt giấy
	4	Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
9	4	Tạo dáng và trang trí túi sách
	14	Tạo dáng và trang trí thời trang

- Hình chim Hạc

Lớp	Bài	Nội dung bài học
6	1	Một số thể loại Mỹ thuật
	9	Sáng tạo mỹ thuật với trò chơi dân gian
	10	Thiết kế thiệp chúc mừng
7	1	Thường thức Mỹ thuật: Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)
	5	Tạo dáng và trang trí lọ hoa
	10	Trang trí đồ vật có dạng Hình chữ nhật
	24	Trang trí đĩa tròn
8	2	Trang trí quạt giấy
	4	Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
9	4	Tạo dáng và trang trí túi sách
	14	Tạo dáng và trang trí thời trang

- Chim Phượng

Lớp	Bài	Nội dung bài học
6	1	Một số thể loại Mỹ thuật

	6	Thiết kế đồ chơi
	9	Sáng tạo mỹ thuật với trò chơi dân gian
	13	Sáng tạo mỹ thuật với hình ảnh trong cuộc sống
7	1	Thường thức Mỹ thuật: Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)
	10	Trang trí đồ vật có dạng Hình chữ nhật
	24	Trang trí đĩa tròn
8	2	Trang trí quạt giấy
	4	Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
9	4	Tạo dáng và trang trí túi sách
	14	Tạo dáng và trang trí thời trang

Nguồn: Tác giả

3.1.2. Một số kỹ thuật tổ chức dạy - học thông thường

Bên cạnh các phương pháp dạy học tích cực GV cần áp dụng các kỹ thuật dạy học gắn với thực tế và linh hoạt. Đó cũng là các phương pháp, kỹ thuật trong dạy học đạt hiệu quả, tích cực giúp người học lĩnh hội được kiến thức đúng và chuẩn nhất. Ngoài việc tuân thủ các quy trình mang tính đặc trưng của phương pháp, kỹ thuật dạy học, việc lựa chọn phương pháp dạy học tích cực còn đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo và nghệ thuật sư phạm của GV.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi

Trong dạy học, kỹ thuật đặt câu hỏi cho mỗi nội dung bài học trở thành hệ thống câu hỏi mà GV cần trang bị cho mình. Trước khi lên lớp GV cần chuẩn bị hệ thống các câu hỏi liên quan đến bài học để HS suy nghĩ tham gia phát biểu. Qua đó cung cấp cho HS có kiến thức, chủ động phát triển sự hiểu biết từ bài học, đồng thời giúp HS tư duy, chủ động tham gia thảo luận tập trung những ý tưởng/nội dung trọng tâm của bài học theo trật tự logic. Vì thế trong kỹ năng đặt câu hỏi, GV nên lưu ý triển khai các

dạng câu hỏi như: Câu hỏi đóng, câu hỏi mở, câu hỏi theo cấp độ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, phụ thuộc vào sự nhận biết của HS.

- Kỹ thuật khăn trải bàn

Trong dạy học mĩ thuật đã có nhiều GV sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn thực hiện tổ chức hoạt động dạy học mang tính kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. Ưu điểm của kỹ thuật dạy học này nhằm kích thích và thúc đẩy sự tham gia tích cực của HS và tăng cường tính độc lập cũng như trách nhiệm của từng cá nhân HS. Tạo diễn đàn tích cực cho HS tương tác giữa GV và HS, giữa HS với HS. Thông qua việc áp dụng kỹ thuật này vào dạy học mĩ thuật HS hiểu được, nắm được kỹ năng thực hành và cách tiếp cận với nhiều phương pháp khác nhau. Giúp HS cũng biết cảm nhận về nội dung bài học, HS chủ động trong việc phối hợp giữa thực hiện bài học của mình và kỹ năng làm việc nhóm. Biết tăng cường sự hợp tác, giao tiếp, học cách chia sẻ kinh nghiệm và biết tôn trọng ý kiến lẫn nhau nhằm nâng cao hiệu quả học tập.

Những ưu điểm khi tổ chức dạy học áp dụng kỹ thuật khăn trải bàn: Có thể thấy cần vận dụng phương pháp GV đặt câu hỏi giúp HS nắm được nội dung. Bên cạnh đó GV cũng cần linh hoạt khi xử lý tình huống như lớp đông HS, trong lớp có HS cá biệt... Có thể lựa vào tình hình thực tế để xử lý tình huống một cách tốt nhất.

- Kỹ thuật mảnh ghép

Đối với mỗi khối lớp, mỗi chủ đề bài học cần lựa chọn kỹ thuật dạy học, trong đó kỹ thuật mảnh ghép là kỹ thuật tổ chức các hoạt động học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm với nhau.

Kỹ thuật học mang tên kỹ thuật mảnh ghép tạo ra hoạt động dạy học đa dạng và phong phú. Từ phương pháp này GV giúp cho HS được tham gia vào các hoạt động với các nhiệm vụ khác nhau và các mức độ yêu cầu khác nhau. Thông qua kỹ thuật mảnh ghép nhằm tạo cơ hội cho nhiều HS

tham gia trong hoạt động nhóm, đồng thời nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác. Kỹ thuật này cũng góp phần giúp HS thêm hứng thú và yêu thích môn học.

Tuy nhiên, từ những kinh nghiệm thực tế cho thấy để hoạt động đạt được hiệu quả dạy học môn mỹ thuật đạt kết quả cao GV cần xây dựng chiến lược bài học logic. Giúp HS thói quen học tập hợp tác và những kỹ năng hiểu biết và linh hoạt chủ động khi thực hiện các công việc thể hiện bài học. Lúc đó GV cần theo dõi quá trình thực hiện của từng HS hoặc các nhóm để chắc chắn tất cả HS đều hiểu bài và thực hiện tốt nhiệm vụ đã được phân công.

- Sơ đồ tư duy

Trong số các phương pháp và kỹ thuật dạy học thì vận dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy được khá nhiều giáo viên mỹ thuật lựa chọn. Bởi vì đây cũng là sự vận dụng, kết hợp các công cụ tổ chức mang tính chất tư duy trong quá trình dạy học, phương pháp này cũng là cách dễ nhất để chuyển tải thông tin. Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học mỹ thuật còn là một phương tiện ghi chép đầy sáng tạo và rất hiệu quả khi triển khai trong từng bước lên lớp và tùy thuộc vào đặc thù của từng chủ đề bài học.

Nếu áp dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy vào dạy học sẽ thuận lợi khi vận dụng cách ghi chép nội dung bài học một cách logic. Tuy nhiên, cũng có thể sử dụng hình ảnh và màu sắc để mở rộng, đào sâu và triển khai các ý tưởng cho nội dung bài học. Nhờ sự liên kết giữa cấu trúc các nhánh của nội dung bài học mà các ý tưởng được liên kết với nhau làm cho sơ đồ tư duy có thể bao quát được các ý tưởng trong cùng một phạm vi nhất định. Ưu điểm của vận dụng kỹ thuật này là có thể kết hợp các yếu tố khác như âm thanh, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học sẽ tạo sự chú ý và hứng thú cho não của người học, giúp cho việc ghi nhớ nhanh và lâu hơn. Bên cạnh đó việc dạy học có kết hợp kỹ thuật dạy học tích cực còn tạo ra những

điều kiện thuận lợi để học sinh có thể xử lý, phân tích, rút ra ý nghĩa bổ ích từ bài học để chủ động ứng dụng vào cuộc sống thực tế.

- Kỹ thuật học tập hợp tác

Kỹ thuật dạy học này nhằm chuẩn bị cho HS hướng tới duy trì phương pháp học tập tốt hơn. Khi kỹ thuật hợp tác được sử dụng trong môi trường giáo dục nói chung, giáo dục mỹ thuật nói riêng. Tuy nhiên kỹ thuật học tập hợp tác được xem như sự tiến bộ mang đến nhiệm vụ học tập cần phải đạt được mức độ thành thạo nhất định khi làm việc nhóm.

- Lắng nghe và phản hồi tích cực

Đây cũng là những kỹ thuật và phương pháp dạy học cần được tích hợp cùng nhiều kỹ thuật dạy học tích cực khác. Việc biết lắng nghe và phản hồi tích cực là một kỹ năng rất cần thiết trong dạy học, đào tạo dạy học mỹ thuật. GV sẽ đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp thường ngày của cuộc sống.

Lắng nghe tích cực: Trong quá trình trao đổi, dạy học việc giúp người học có kỹ năng lắng nghe cũng sẽ mang lại hiệu quả thành công cho bài học. Từ nội dung, chủ đề bài học sẽ giúp người học có khả năng tóm tắt lại những gì mình vừa nghe được. Việc tóm tắt bài học cũng là một bước cơ bản trong quá trình giao tiếp. Tóm tắt là một công cụ cho phép người lắng nghe đánh giá và kiểm tra lại những gì họ nghe được, hiểu được một cách tốt nhất từ người truyền thụ. Tóm tắt cũng là một công cụ giúp những người nói lắng nghe những suy nghĩ và lời lẽ của mình theo cách riêng nhất.

Phản hồi tích cực: Từ quá trình lắng nghe tích cực thì khả năng phản hồi của người nghe, người học là quá trình cần được diễn ra theo phản xạ tự nhiên. Trong dạy học, mục đích của phản hồi là đưa ra nhận xét, đánh giá hoặc lời giải thích cho người khác về ý kiến của mình. Sau khi trao đổi nội dung bài học thì phản hồi cần thiết được tương tác bằng cách đưa ra ý kiến. Kỹ năng phản hồi cũng cần được hình thành trang bị cho HS, khi đưa ra

nhận xét về kết quả hoặc khuyết điểm, hành vi chưa tốt của bạn. Quá trình áp dụng kỹ thuật dạy học này giáo viên có thể phân hóa học sinh bằng cách nhận xét, đánh giá để người học có hứng thú hơn.

3.1.3. Một số loại hình trang trí truyền thống

Trong quá trình hoạt động, lao động và sáng tạo xây dựng cuộc sống, con người đã tích cực vận dụng mọi khả năng để cảm nhận khám phá thế giới với tất cả sức mạnh của ý thức. Cùng với sức lực, ý chí của mình, con người cải tạo hiện thực, đồng hóa thẩm mỹ chung quanh mình. Xuất phát từ thực tiễn, năng lực sáng tạo và nhu cầu hưởng thụ cái đẹp đã làm nảy nở các yếu tố trang trí. Các yếu tố trang trí xuất hiện trong mọi dạng thức hoạt động thực tiễn, hoạt động nhận thức và sáng tạo của con người. Trong đó sự tiếp cận các yếu tố trang trí được biểu lộ qua quan hệ người với người và nhờ vậy con người có thể trao đổi thông tin thẩm mỹ và có được sự thỏa mãn thẩm mỹ nhất định. Trong sáng tạo, các yếu tố trang trí được biểu lộ như một nguyên tắc nhất thiết phải có khi xây dựng những giá trị của hình tượng nghệ thuật. Xét một cách toàn diện, có thể nói các yếu tố trang trí không thể tách rời khỏi quá trình hoạt động mọi mặt của con người, nó vừa là kết quả của hoạt động thực tiễn, hoạt động nhận thức, là phương thức nhận thức, phương tiện phản ánh thế giới và có ý nghĩa tác động trở lại nâng cao cuộc sống vật chất và tinh thần của con người. Trong vô số giá trị vật chất, tinh thần được con người sáng tạo nên, có những giá trị thẩm mỹ mà các yếu tố trang trí được xem là kết quả của hoạt động sáng tạo thẩm mỹ của con người xã hội.

Mỹ thuật là nghệ thuật của cái đẹp và nghệ sĩ là người sáng tạo ra thế giới thẩm mỹ tạo hình với vô số yếu tố trang trí, thuộc tính thẩm mỹ từ tượng trưng cho đến hiện thực. Mỗi tác phẩm mỹ thuật như một vũ trụ thu nhỏ và là một phần tâm hồn của nghệ sĩ, nên nó vừa chứa đựng các yếu tố trang trí mang tính khách quan của thế giới hình tượng và tính chủ quan

sáng tạo của người họa sĩ. Các yếu tố trang trí trong tác phẩm nghệ thuật sẽ được nhận diện với những giá trị của nó đối với cuộc sống. Cái đẹp nghệ thuật có thể được diễn hình hóa, được nâng cao, nhưng đều bắt nguồn và kết tinh từ các yếu tố trang trí. Khi thuộc tính thẩm mỹ hiện hữu trong đồ vật, cảnh vật, hành động một cách khách quan, được cảm nhận, khám phá bởi chủ thể thẩm mỹ thì mặc nhiên các yếu tố trang trí đã tồn tại trong đó: Trang trí thủ công, mỹ nghệ, trang trí phục trang, trang trí công nghiệp (Design), trang trí sân khấu, điện ảnh, trang trí đồ họa, ấn phẩm.

- Trang trí thủ công, mỹ nghệ

Thường được hiểu như sử dụng đôi tay để tạo ra các sản phẩm phục vụ đời sống. Từ hai bàn tay con người đã tạo ra vô vàn dụng cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt và các tác phẩm nghệ thuật... Không chỉ là tác phẩm nghệ thuật mà còn là đồ gia dụng từ nhiều chất liệu như gỗ, gốm sứ, kim loại phục vụ cuộc sống con người.

Ngày nay, nghệ thuật trang trí, nghệ thuật thủ công vẫn luôn được duy trì, phát triển kết nối và tiếp thu từ nghệ thuật trang trí truyền thống. Ví dụ như sự tồn tại và phát huy của một số nghề: Làm gốm; đan dệt thủ công; chạm khắc, chế tác đồ trang sức hay các tác phẩm nghệ thuật từ các chất liệu vàng bạc, đá quý, các vật liệu khác... đó là hình thức lao động được duy trì đến ngày nay, dù nó được xuất hiện từ sớm gắn liền lịch sử phát triển của văn minh nhân loại.

- Trang trí phục trang

Trang phục là thứ gắn liền với con người, con người càng văn minh thì trang trí trang phục càng trở nên cần thiết (áo quần, kính, mũ, giày, dép, túi). Ngày nay thiết kế trang phục trở thành nhu cầu thẩm mỹ của con người và sử dụng có thẩm mỹ sẽ làm tăng vẻ đẹp của mỗi người. Việc quan tâm đến trang phục, hình thức, kiểu dáng và những yếu tố trang trí sẽ giúp cho con người thấy tự tin hơn. Ở mỗi lứa tuổi, mỗi môi trường, hoàn cảnh sống

con người thường muốn mình có được những bộ trang phục đẹp, trẻ trung, phong cách... Bởi vì vẻ đẹp hình thức cũng gây ấn tượng tốt dẫn đến thành công trong công việc.

Những năm gần đây đánh dấu giai đoạn xã hội càng phát triển, thời trang càng được chú trọng. Ngành thiết kế thời trang gắn liền với nền công nghiệp thời trang, cũng là một ngành công nghiệp phát triển của đời sống đương đại. Thiết kế thời trang phục vụ chính nhu cầu ăn mặc của con người trong xã hội đương đại, cũng là hình thức thông qua thời trang mà phản ánh tính dân tộc, tính thời đại. Trang trí thời trang là một nghệ thuật luôn luôn vận động phát triển đã được đưa vào thành ngành học cho một số cơ sở đào tạo về nghệ thuật.

- *Trang trí công nghiệp (Design)*

Trang trí công nghiệp là một ngành tạo dáng, nhằm cung cấp cho xã hội những tiện ích thẩm mỹ bằng các sản phẩm công nghiệp. Trong đó, yếu tố thẩm mỹ là một phần thống nhất gắn bó hữu cơ với các thành phần khác như khoa học, công nghiệp thiết kế nhằm tối ưu hóa về giá trị sử dụng, thỏa mãn các nhu cầu về văn hóa thẩm mỹ của các chế độ xã hội, thích hợp với những điều kiện của nền sản xuất công nghiệp. Nền sản xuất công nghiệp bị chi phối bởi khoa học kỹ thuật và công nghệ do đó Thiết kế mỹ thuật hay trang trí công nghiệp phụ thuộc vào điều kiện nền sản xuất công nghiệp, chính yếu tố thẩm mỹ gắn bó hữu cơ với khoa học kỹ thuật và công nghệ. Bằng phương thức sản xuất, kỹ thuật và công nghệ, chất liệu, vật liệu là các vấn đề thuộc khoa học kỹ thuật và công nghệ. Ngày nay đã định hình những tiêu chuẩn được quốc tế hóa bằng các hệ thống ký hiệu, công thức, số liệu, quy cách ... Tuy là lĩnh vực của người kỹ sư nhưng người thiết kế mỹ thuật nên nắm vững và hiểu được nguyên lý vận hành để phục vụ thực tiễn cho công việc thiết kế tạo mẫu. VD: Thiết kế thời trang có quy chuẩn size L, M, S, free size,... sử dụng máy cắt may công nghiệp, thiết kế nhà

cửa, nội ngoại thất có những tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định về độ cao, ánh sáng, độ an toàn... công nghệ in 6-7 màu, chỉ số màu sắc CMYK và nhiều bảng mã màu pha sẵn, giấy in có tên gọi riêng, có định lượng và vô vàn chủng loại khác nhau,... Design có một ý nghĩa quan trọng và có vai trò mới trong thực tiễn văn hóa, nền kỹ thuật phát triển nhanh của những năm cuối đã làm thay đổi hẳn tính năng của nhiều thiết bị và đồ dùng quen thuộc. Yêu cầu của ngành Design phải đáp ứng được trên nhiều lĩnh vực và nhiều cách thức sử dụng mới mẻ. Sự phát triển của nền kỹ thuật đã tác động mạnh mẽ, một cách thường xuyên tới nền thẩm mỹ. Trang trí công nghiệp hay thiết kế công nghiệp chính là tạo mẫu kiểu dáng và trang trí bề ngoài cho các sản phẩm công nghiệp như: Máy móc, phương tiện giao thông, đồ dùng gia đình... Trong thiết kế công nghiệp, trang trí công nghiệp người ta còn chú ý về hình thức thẩm mỹ và chú trọng công năng sử dụng cũng như sự tiện ích.

- Trang trí sân khấu, điện ảnh

Nghệ thuật được dùng để chỉ hoạt động sáng tạo mang tính đặc thù, chuyên biệt với mục đích sáng tạo ra cái đẹp làm thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ cho con người. Trang trí sân khấu điện ảnh cũng được xem là nghệ thuật. Đây là lĩnh vực hoạt động sáng tạo rất đa dạng biểu hiện qua các lĩnh vực khác nhau, trong đó có sân khấu, điện ảnh. Nghệ thuật điện ảnh ra đời muộn hơn nghệ thuật sân khấu. Tuy nhiên cả hai ngành nghệ thuật này có ngôn ngữ khá tương đồng. Mỗi loại hình nghệ thuật đòi hỏi sự biểu diễn - diễn xuất của diễn viên khác nhau. Nếu xem sân khấu, điện ảnh là một trong những loại hình nằm trong môi tổng hợp của các loại hình nghệ thuật như: thơ ca, văn học, âm nhạc, múa, nghệ thuật tạo hình... thì nó sẽ đóng vai trò không thể thiếu trong đời sống nghệ thuật hiện nay. Thành công của các tác phẩm sân khấu, điện ảnh cũng là do có sự xuất hiện của nhiều yếu tố khác nhau, trong đó sự hình thành, đóng góp của họa sĩ trang trí là rất

quan trọng. Cũng như các ngành nghệ thuật khác, sân khấu, điện ảnh gắn liền với nghệ thuật trang trí, ngày nay lĩnh vực sân khấu điện ảnh đang chiếm vị trí quan trọng mang lại tính cực cho đời sống văn hoá xã hội.

- Trang trí đồ họa, ấn phẩm

Nằm trong lĩnh vực thiết kế nói chung, thiết kế đồ họa nói riêng các ấn phẩm đồ họa bao gồm việc trang trí những sản phẩm của công nghiệp ấn loát như: sách báo, tem thư, tranh cổ động, tờ rơi, quảng cáo. Trong đó, việc trình bày, dàn trang sách báo còn có tác dụng định hướng thẩm mỹ cho người đọc, nó tham gia vào quá trình giáo dục tính thẩm mỹ cho con người. Ngày nay những cuốn sách được trang trí về hình thức ngày càng có chất lượng và đẹp hơn, qua đó khiến người thưởng thức có thái độ trân trọng, đó cũng là biểu tượng cho nền kinh tế tri thức và văn minh nhân loại. Hiện nay, việc thiết kế các tác phẩm sách báo, tem thư, tranh cổ động luôn được quan tâm, đôi khi được phát hành với quy mô sản xuất lớn, mang tính tuyên truyền và in với khối lượng sản phẩm lớn.

Ở các nhà trường, đặc biệt là các cơ sở đào tạo về thiết kế và nghệ thuật thiết kế thường chú trọng đến dạy trang trí cơ bản nhằm hướng tới khả năng về thiết kế thẩm mỹ. Đó là cơ sở ban đầu giúp người học có được những kiến thức về trang trí, về thiết kế trong bối cảnh hiện nay. Những bài học về trang trí cơ bản còn có tác dụng giáo dục thị hiếu thẩm mỹ, giúp người học nâng cao trình độ hiểu biết, làm quen các thể loại trang trí nằm trong không gian hoặc bố cục nhất định (hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật và đường diềm) với những nguyên tắc cần phải tuân thủ khi thực hiện. Qua quá trình hiểu biết đó, người học còn phải biết áp dụng các nguyên tắc của nghệ thuật để xử lý một cách linh hoạt hoặc biết tìm tòi và sáng tạo theo khả năng của mình và nhu cầu của đời sống xã hội. Về nguyên lý của tạo hình người học còn nắm và hiểu được kỹ thuật, thủ pháp sắp xếp, bố cục các họa tiết trang trí trong các dạng bố cục: hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật và đường diềm. Nắm vững và biết cách phân bố một cách phù hợp

cho các mảng họa tiết lớn, nhỏ để tạo thành một tổng thể hài hòa, cân đối và đẹp mắt. Cách bố cục có trọng tâm, phân bố màu hợp lý, biết tạo một gam màu chung một cách có chủ định. Thể hiện được kỹ năng trong cách thiết kế một bài trang trí với hình thức phù hợp theo tiêu chí cái đẹp, chuẩn xác về hình và màu. Thông qua kiến thức về mỹ thuật biết nắm bắt và biết vận dụng các họa tiết trang trí đẹp, phù hợp với nội dung vận dụng sáng tạo vừa mang tính dân tộc vừa mang tính hiện đại.

Trong dạy học mỹ thuật để tạo được những sản phẩm trang trí ứng dụng (như trang trí cái quạt giấy, trang trí thời trang quần áo giày mũ, trang trí lọ hoa/chậu cảnh hay bìa sách bưu thiếp...), trước tiên cần được thực hiện các bước dạy học cơ bản.

3.1.4. Định hướng hình thức bài tập thực hành vận dụng

- *Loại bài tập tạo dáng và trang trí:* Loại bài tập với hình thức này thì HS dựa vào yêu cầu bài học mà GV định hướng mà hoàn toàn chủ động sáng tạo. Đây là hình thức mở đã khơi gợi được ý tưởng sáng tạo của HS.

Bảng 3.2. Định hướng hình thức bài tập thực hành vận dụng

Lớp	Bài	Nội dung
6	6	Thiết kế đồ chơi
	10	Thiết kế thiệp chúc mừng
7	5	Tạo dáng và trang trí lọ hoa
8	4	Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
9	4	Tạo dáng và trang trí túi sách
	14	Tạo dáng và trang trí thời trang

- *Loại bài tập trang trí trên đồ vật có sẵn:*

Loại bài giúp HS vận dụng vốn hiểu biết về trang trí để trang trí một vật cụ thể, trên tinh thần hình thức trang trí đã có từ trước; HS tìm cách thay đổi hình trang trí để tạo ra sản phẩm phù hợp mà vẫn giữ được dáng vẻ ban đầu của đồ vật.

Lớp	Bài	Nội dung
6	13	Sáng tạo mỹ thuật với hình ảnh trong cuộc sống
7	10	Trang trí đồ vật có dạng hình chữ nhật
	24	Trang trí đĩa tròn
8	2-3	Trang trí quạt giấy
	24-25	Trang trí lều trại
9	11-12	Trang trí hội trường

Nguồn: Tác giả

3.2. Hình thức tổ chức vận dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào dạy học môn Mỹ thuật

3.2.1. Hình thức tổ chức hoạt động tiếp cận tìm hiểu mô típ các con vật trong trang trí thời Trần

GV dựa vào kiến thức lịch sử - địa lý và lịch sử mỹ thuật để dẫn dắt HS tiếp cận với nội dung bài học. Tổ chức cho HS tiếp cận khai thác kiến thức theo các hướng sau:

a) Tổ chức cho HS xem, nghiên cứu các hình ảnh các mô típ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần.

Để thực hiện nội dung tổ chức dạy học cho HS GV cần xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học (theo khối lớp). Bài nào học trước, bài học nào có kiến thức liên quan đến con vật mà có thể vận dụng hình dạng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần.

b) Tổ chức cho HS tìm hiểu về các mô típ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần

GV giao nhiệm vụ cho HS tìm nguồn tư liệu trên cơ sở GV gợi ý:

- Nguồn thực tế: Bảo tàng lịch sử và Văn miếu Quốc tử giám (Hà Nội), đền/chùa (các địa phương).

- Nguồn SGK: Sách lịch sử, sách địa lý, sách Lịch sử mỹ thuật, sách Mỹ thuật từ tiểu học đến THCS.

- Nguồn từ internet: Lựa chọn những kênh chính thống, độ tin cậy lớn.

c) Tổ chức cho HS chép - tạo hình các mô típ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần.

Khi đã có hình ảnh các con vật, GV tổ chức cho HS chép/vẽ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần.

d) Tổ chức cho HS vận dụng các mô típ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần vào học mỹ thuật (Phần trang trí).

Ví dụ1: Bài 6 *Thiết kế đồ chơi* (chương trình Mỹ thuật 6).

GV tổ chức cho HS xem các loại đồ chơi dân gian qua ảnh hoặc video; sau đó HS lựa chọn trong số đó có con vật nào liên quan đến đồ chơi như con Rồng, con Rùa, con Cá...).

Chẳng hạn khi cho HS xem khai thác hình ảnh con Rùa. GV gợi ý ngay đến đồ chơi con Rùa/bộ cánh cứng.

Từ ý tưởng đó GV gợi ý HS tìm chất liệu, rồi tính đến kết cấu, tạo hình như thế nào? Có thể dựa trên tinh thần các con Rùa ở bia đá thời Trần được không?

Như hình ảnh [H.1.15; H.1.16] con Rùa làm đồ chơi, HS có thể tạo hình từ vỏ dừa, vỏ quả dưa hấu; bốn chân làm rời có thể lắp bánh xe để dễ dàng di chuyển; đầu có đinh chốt để cử động được...

Tiếp theo vẫn từ hình ảnh Rùa, GV gợi ý để HS có thể trang trí mâm hoặc khay đựng quả tươi cho buổi tiệc nào đó.

3.2.2. Hình thức thực hành vận dụng các mô típ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần vào học mỹ thuật

3.2.2.1. Vận dụng vào bài vẽ Trang trí cơ bản

Đối với dạy học mỹ thuật việc giới thiệu hoặc trao đổi về nghệ thuật trang trí, bố cục hình cơ bản, nghệ thuật bố cục là những kiến thức cơ bản giúp người học yêu thích và hiểu biết chuyên sâu. Họ sinh khi học tập, sáng tác mỹ thuật được hiểu nhiều hơn từ những bố cục hình vuông, hình chữ

nhật, hình tròn còn được xem là tiền đề, là cơ sở cho việc sáng tạo từ các bài học trang trí với những khuôn khổ, kích thước, hình dạng khác nhau. Từ đó người học có thể hiểu hơn nữa về các nguyên lý của nghệ thuật tạo hình.

Dạy học bài vẽ Trang trí hình cơ bản cho học sinh cấp THCS là phương pháp sắp xếp các yếu tố trang trí như: đường nét, hình mảng, màu sắc, theo các nguyên tắc trang trí để tạo nên một bố cục hợp lý, thống nhất về nguyên tắc, trong một hình cơ bản có giới hạn cụ thể về bề mặt không gian.

Trang trí cơ bản ở cấp phổ thông thông thường là các loại bài: Trang trí hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, thậm chí có cả trang trí đường diềm. Thực chất đường diềm không phải là hình cơ bản. Nếu trang trí cơ bản có cả đường diềm là không đúng.

Bài trang trí cơ bản ở các trường phổ thông thường sử dụng các mảng họa tiết đối xứng. Nhìn rộng ra còn rất nhiều hình thức sắp xếp trang trí cơ bản. Để thành thạo trang trí cơ bản người học cần nắm được đặc điểm bố cục trang trí hình cơ bản. Với bài trang trí đường diềm, trang trí nền hoa là trang trí mở, cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu hơn. Cách sắp xếp bố cục trong trang trí hình cơ bản hay trang trí đường diềm là dạng bố cục khép kín. Cách sắp xếp yếu tố tạo hình (hình mảng, họa tiết) tạo cảm giác khép kín, trọn vẹn trong phạm vi hình trang trí (vuông, tròn, hay chữ nhật...). Việc sắp xếp, bố cục các yếu tố tạo hình cần phải dựa theo tính chất, yêu cầu, đặc điểm cấu trúc của dạng khác nhau.

Vậy để đưa mô típ các con vật vào trang trí cơ bản sẽ là khó hơn hoa, lá. Vì vậy, muốn trang trí tốt hình cơ bản ta cần nắm vững đặc điểm bố cục các dạng hình cơ bản.

Tìm hiểu đặc điểm bố cục ba dạng hình cơ bản:

- Với dạng bố cục hình vuông: Hình vuông hay là tứ giác thường có các cạnh bằng nhau, song song từng cặp một và có bốn góc vuông, nên

mang nét đặc thù và tính chất riêng. Khoảng cách từ tâm tới bốn góc và khoảng cách từ tâm tới trung điểm của cạnh không bằng nhau.

Với bố cục trong hình vuông là đồng đều, khu vực trung tâm xoay quanh tâm điểm là giao điểm của hai đường chéo. Khi triển khai dưới dạng bố cục cần phụ thuộc 4 cạnh, 4 góc và chú ý trọng tâm của hình. Như vậy mới tạo ra bố cục hình vuông có cảm giác chắc chắn và ổn định.

- Đặc điểm bố cục trang trí hình chữ nhật: Hình chữ nhật có hai cặp cạnh song song, khác nhau về độ dài, có bốn góc vuông. Trọng tâm của hình vẫn là khu vực giữa hình có tâm điểm là giao của hai đường chéo. Khi bố cục cần chú ý cạnh có độ dài, sự chênh lệch giữa hai cạnh.

Nhờ sự phát triển theo chiều dài có tính định hướng mà bố cục chữ nhật linh hoạt hơn hình vuông. Có nhiều cách giải quyết bố cục để nhấn mạnh đặc điểm hình chữ nhật.

- Đặc điểm bố cục trang trí hình tròn: Hình tròn được tạo nên bởi một đường cong khép kín. Khoảng cách từ tâm tới các điểm trên đường tròn luôn bằng nhau. Sự phân bố luôn dẫn mắt nhìn vào tâm hình tròn, tạo ra các vòng tròn đồng tâm trên diện tích hình tròn. Một hình tròn có thể chia ra thành nhiều cung hình quạt. Số lượng các cung này có thể là một số lẻ hoặc số chẵn.

Vậy khi trang trí cơ bản dù sắp xếp các mảng hình/họa tiết đối xứng hay không đối xứng đều cần tính đến tâm điểm của hình.

Vận dụng mảng họa tiết là con vật thời Trần vận dụng nguyên tắc đối xứng sẽ rất hạn chế sáng tạo. Vì vậy ta cần vận dụng nguyên tắc phá thế sẽ hiệu quả hơn. Tuy nhiên, dạng bài tập trang trí cơ bản chỉ có ở chương trình Tiểu học (dĩ nhiên đầu bài trong chương trình sgk mới đã “mê” đi rất nhiều); đối với trường THCS không còn nữa, chủ yếu vẫn là trang trí ứng dụng.

3.2.2.2. Vận dụng vào bài trang trí ứng dụng

Chúng ta nhận thấy mọi vật trong tự nhiên các biến thể từ hình cơ bản có rất nhiều (từ hình lá cây, cánh hoa, đến các đồ vật...). Mỗi hình có thể là một phần của kiến thức mỹ thuật cơ bản, hoặc là sự phối hợp nhiều hình mang lại vẻ đẹp cho sản phẩm.

Trong cuộc sống hằng ngày trên rất nhiều đồ dùng, vật dụng đều có sự xuất hiện của hình thức trang trí được ứng dụng từ trang trí cơ bản. Những dạng trang trí được sáng tạo đôi khi là những biến thể từ trang trí hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn và được áp dụng vào đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ, đồ trang trí nội thất, trong kiến trúc hay trong ngành thời trang.

Đúng vậy, như đã nói ở trên trang trí ứng dụng có 2 mức độ: Trang trí trên đồ vật có sẵn và tạo dáng - trang trí. Các dạng bài tập kiểu như vậy có tính chất mở. Không bị o ép quá nhiều bởi các nguyên tắc trang trí. Mục tiêu cuối cùng là giúp người xem cảm thấy thuận mắt và ưng ý - như vậy đã đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của người xem.

Ta đến xưởng gốm - sứ thì thấy các nghệ nhân/họa sĩ hoàn toàn vẽ ngẫu hứng trên mặt gốm - sứ, mỗi sản phẩm mang tính chất riêng biệt rất ít những sản phẩm có hình vẽ giống nhau. Tuy nhiên họ vẫn làm theo mô típ quen thuộc (đôi công, đôi phượng, đôi rồng... là những hình dễ nhận ra và quen thuộc). Đa đa số họ không có bản sao/mẫu cố định. Mỗi hình họa trên bề mặt gốm - sứ có thể coi là một tác phẩm hội họa. Bởi vẫn mô típ đó khi vẽ sang sản phẩm mới họ lại thay đổi, họ lại thổi hồn cho tác phẩm mới tinh khôi với những sáng tạo mới, với một cảm xúc riêng mới, rõ những nét độc đáo.

Việc vận dụng các mô típ con vật vào trang trí ứng dụng sẽ mang lại hứng thú cho người học. Những bài tập trước đây khi chưa thực hiện đổi

mới (dạy học mỹ thuật theo phương pháp mới), thì các bài tập trang trí ứng dụng hoàn toàn vẽ trên giấy, HS dễ nhầm chán.

Trước sự thay đổi nhận thức về dạy - học mỹ thuật, đã có nhiều giáo viên sáng tạo trong dạy mỹ thuật nói chung, phần trang trí nói riêng.

Ví dụ: (*Bài 24 lớp 7 trang trí đĩa tròn*) - GV dạy thần túy theo SGK thì sản phẩm của HS na ná giống nhau, giống cả bài trang trí cơ bản. Khi dạy đổi mới GV đã cho HS mang đến lớp những chiếc đĩa giấy, đĩa nhựa, đĩa men và thỏa sức cắt dán, vẽ, đắp (đất nặn) để trang trí. Giờ học sôi động hơn, HS hứng thú hơn chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả cao cho giờ học.

Đặc biệt một số trường gần vùng có lò nung gốm họ đã mạnh dạn đặt những chiếc đĩa mộc cho HS vẽ trang trí bằng màu men gốm lên sản phẩm sau đó gửi đến lò nung. Cuối cùng thu về vô vàn sản phẩm gốm mà chính tay HS làm.

Hoặc (*Bài 24 lớp 9 tạo dáng trang trí trang phục*) có GV đã mua những chiếc áo phông trắng trơn (chưa có hình tranh trí) về tặng HS để các em tự vẽ trang trí cho chiếc áo của mình. Vậy dạy học mang tính ứng dụng đã đáp ứng được nhu cầu xã hội, xu hướng đổi mới ngày nay.

Sự đổi mới về chương trình - SGK, đã tạo cho hướng dạy học sáng tạo cho GV. Tuy nhiên, điều kiện và phương tiện dạy học, ở đâu cũng còn những hạn chế nhất định; từ việc lên thời khóa biểu, phòng học chuyên biệt... Vì vậy, khi tiến hành giờ dạy giáo viên cũng cần linh hoạt không quá máy móc, lệ thuộc vào SGK (nhất là những bộ sách cũ).

3.2.2.3. Vận dụng vào bài học thường thức mỹ thuật

Thông thường giờ học thường thức mỹ thuật GV chỉ nêu vấn đề HS tìm hiểu sau báo cáo/trình bày, sau HS/GV cùng góp ý sửa chữa - bổ sung...kết thúc là GV tổng hợp và giới thiệu hình ảnh, chốt lại kiến thức. Hoặc ngay từ đầu giờ GV giới thiệu một số hình ảnh, công trình kiến trúc - nghệ thuật, sau đó HS tìm hiểu thông tin về những vấn đề đó, sau đó trình

bày...Nhu vậy giờ học đã khác nhiều so với hình thức thuyết trình/đọc chép. Thiết nghĩ, dạy - học không dừng ở một phương pháp nào cả, không có phương pháp hay hình thức nào tối ưu tuyệt đối. Từ trước đến nay dạy - học luôn được đổi mới ở trong mỗi GV.

Tuy nhiên không phải đổi mới là đạt hiệu quả ngay. Dạy - học giờ thường thức mỹ thuật rất dễ buồn tẻ/nhàm chán không những cho người học mà ngay cả GV cũng thấy điều đó (khi dạy 3 lớp cùng 1 bài/cùng cách thức...). Do vậy, dạy học giờ thường thức mỹ thuật ở nội dung nào GV cần nghiên cứu để thời gian cho HS được tạo hình, mô phỏng lại dấu ấn lịch sử kiến trúc - mỹ thuật ở thời kỳ đó.

Ví dụ (Bài 1 lớp 7): *Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)*. Thay vì việc HS xem hình ảnh/đọc thông tin trong SGK, GV nên cho HS tạo hình những công trình kiến trúc - Điêu khắc thời Trần, kết hợp với những lời thuyết trình thì giờ học sẽ tốt hơn rất nhiều.

Trong lớp học nên chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm có một hình thức sáng tạo riêng (mô hình 3D, vẽ, sơ đồ tư duy...) theo nội dung nhiệm vụ được GV giao.

3.3. Thực nghiệm

3.3.1. Địa điểm và đối tượng dạy thực nghiệm

- Tổ chức dạy thực nghiệm tại trường THCS Lương Ngọc Quyến TP. Thái Nguyên.

- Đối tượng: khối 7 (4 lớp 7A, 7B, 7C, 7D).

3.3.2. Thời gian tiến hành

Dự kiến tuần 1 - tuần 2 tháng 9/ 2021

3.3.3. Nội dung dạy thực nghiệm

a) Chuẩn bị:

- Kế hoạch dạy học:

+ Tiết 1: Bài 1 - Sơ lược mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)

- + Tiết 2: Bài 2 - Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)
- + Tiết 4: Bài 3 - Tạo họa tiết trang trí
- Đồ dùng trực quan là hình ảnh các công trình Mỹ thuật thời Trần:
- + Tháp chùa Phổ Minh,
- + Hình Rồng và hoa trên viên gạch - Gốm men - Chùa Hoa Yên - Quảng Ninh;
- + Hình bát, đĩa, thạp gốm;
- + Hình thạp bình sơn, Hồ đá, Người quỳ đỡ tòa sen, tiên nữ đầu người mình chim đang dâng hoa,)
- + Ảnh mô hình của HS lớp trước đã làm
- + Video về hình ảnh Kiến trúc thời Trần

b) Thực hiện

Tiết 1 (Lớp 7): Bài 1 - Sơ lược mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)

- * Hoạt động 1: Xem một phần Video giới thiệu về một số chùa, tháp, tượng có trong SGK (Mục tiêu là gây hứng thú và hướng nội dung bài học).
- * Hoạt động 2: GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm/tổ
- + *Tìm hiểu vài nét về bối cảnh lịch sử thời Trần*
- + *Báo cáo khái quát bối cảnh lịch sử thời Trần*
- * Hoạt động 3: GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm/tổ
- + *Thảo luận về các công trình mỹ thuật thời Trần:*
- + *Trình bày kể tên các công trình mỹ thuật thời Trần:*
- + *Thảo luận về đặc điểm mỹ thuật thời Trần:*
- * Hoạt động 4: GV Nêu nội dung chính HS đã thảo luận, dặn HS chuẩn bị nội dung báo cáo -tạo hình các công trình kiến trúc - điêu khắc trang trí tiêu biểu (tháp chùa, tượng hổ, rồng...)

Tiết 2 (lớp 7): Bài 2 - Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)

- * Hoạt động 1: Xem một phần Video hình ảnh hoạt động của HS tạo hình và giới thiệu các công trình mỹ thuật thời Trần SGK (Mục tiêu là gây hứng thú và hướng nội dung bài học).

* Hoạt động 2 và 3: GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm (từ 5-7 phút) và đặc điểm công trình mỹ thuật thời Trần do nhóm tạo hình (chất liệu tạo hình, tên công trình, ý nghĩa, đặc điểm...)

- Nhóm 1: Mô hình tháp chùa Phỏ Minh (Nam Định)
- Nhóm 2: Khu Lăng mộ An Sinh (Quảng Ninh)
- Nhóm 3: Tượng Hồ (Lăng Trần Thủ Độ - Thái Bình)
- Nhóm 4: Sơ đồ tư duy Tổng quan mỹ thuật thời Trần.

* Hoạt động 4:

- HS nhận xét chéo về nội dung báo cáo của nhóm.
- GV nêu ưu điểm hình thức tạo hình và trình bày của các nhóm. Rút kinh nghiệm những tồn tại và gợi ý cách khắc phục về các mặt cụ thể như sau:

- Kết cấu các hình
- Kích thước
- Tô màu vào sản phẩm
- Trình bày ngắn gọn và đủ ý.

Tiết 4 (Lớp 8): Bài 4 - Tạo dáng trang trí chậu cảnh

* Hoạt động 1: Xem một phần qua Video/ảnh chụp giới thiệu về một số cây cảnh có trong SGK (Mục tiêu là gây hứng thú và hướng nội dung bài học).

* Hoạt động 2: GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm/tổ

- + *Tìm hiểu vài nét về chậu cảnh*
- + *Mô tả về đặc điểm chậu cảnh*

* Hoạt động 3: GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm/tổ:

- Hình thức: Tạo hình chậu cảnh bằng các hình thức: Vẽ, cắt, nặn
- Đặc trưng:
 - + *Tạo hình chậu cảnh đối xứng*
 - + *Tạo hình chậu cảnh không đối xứng*
 - + *Tạo hình chậu cảnh cao, thấp, đặt trên đôn...*

- Đối tượng tạo hình họa tiết trang trí cho chậu cảnh: hình hoa lá, con rồng, con rùa, con cá, con hổ...

* Hoạt động 4:

- HS trưng bày sản phẩm và nói về ý tưởng, căn cứ để tạo hình họa tiết.

- GV nhắc lại nội dung yêu cầu bài tập. Nhận xét về sản phẩm của các nhóm, dặn dò HS hoàn thiện bài tập sau khi đã được nhận xét.

Tiết 4 (Lớp 7): Bài 4 - Tạo dáng họa tiết trang trí

* Hoạt động 1: Xem một phần qua Video/ảnh chụp giới thiệu về một số họa tiết có trong SGK (Mục tiêu là gây hứng thú và hướng nội dung bài học).

* Hoạt động 2: GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm/tổ

+ *Tìm hiểu vài nét về họa tiết trang trí*

+ *Mô tả về đặc điểm họa tiết trang trí*

* Hoạt động 3: GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm/tổ:

- Hình thức: Tạo hình họa tiết bằng các hình thức: Vẽ, cắt, nặn

- Đặc trưng:

+ *Tạo hình họa tiết đối xứng*

+ *Tạo hình họa tiết không đối xứng*

- Đối tượng tạo hình họa tiết: hình hoa lá, con rồng, con rùa, con cá, con hổ...

* Hoạt động 4:

- HS trưng bày sản phẩm và nói về ý tưởng, căn cứ để tạo hình họa tiết.

- GV nhắc lại nội dung yêu cầu bài tập. Nhận xét về sản phẩm của các nhóm, dặn dò HS hoàn thiện bài tập sau khi đã được nhận xét.

3.4. Đánh giá, nhận xét kết quả thực nghiệm

- Quá trình dạy thực nghiệm diễn ra theo tiến độ, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh nên số HS đến lớp không đầy đủ và vật liệu HS chuẩn bị cũng không được theo ý đồ.

- Quy trình thực hiện bài bản đảm bảo thời gian

- HS hào hứng phấn khởi, hăng hái làm việc, không còn hiện tượng HS làm việc riêng hay không hợp tác.

Qua phiếu thăm dò học sinh cho thấy 1.380 phiếu HS rất hài lòng với việc thay đổi hình thức học mới chiếm 9.6%; 1.430 phiếu HS hài lòng với việc thay đổi hình thức học mới chiếm 4.0%; 0% HS không hài lòng với việc thay đổi hình thức học mới.

Tiểu kết chương 3

Trong quá trình tổ chức triển khai thực nghiệm vận dụng họa tiết mô típ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần vào dạy mỹ thuật ở trường THCS Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên; đã giúp HS biết vận dụng mô típ các con vật thời Trần để xây dựng họa tiết; làm bài trang trí ứng dụng và trang trí cơ bản.

Qua hình thức tổ chức dạy - học kết hợp lý thuyết và thực hành đã phát huy năng lực, sở trường, phát triển tư duy, sáng tạo cho HS; trong không gian học tập thoải mái nhằm góp phần bảo tồn và phát huy vẻ đẹp vốn có của cha ông ta để lại.

Qua quá trình vận dụng, thực nghiệm, bản thân tôi đã áp dụng một số PPDH, và các kỹ thuật dạy học tích cực một cách linh hoạt và phù hợp tùy theo từng mục tiêu nội dung bài học và đặc điểm của HS mỗi lớp. Với sự hỗ trợ nhà trường, với cộng sự - giúp đỡ của GV chủ nhiệm, các GV trong tổ bộ môn và đặc biệt là sự nỗ lực, tích cực, hứng thú của HS..., bước đầu việc sử dụng ứng dụng mô típ các con vật được sử dụng trong trang trí thời Trần vào dạy - học Mỹ thuật đã bước đầu mang lại hiệu quả đáng khích lệ.

Với hình thức tổ chức dạy - học mỹ thuật hiện nay và chương trình sách giáo khoa mới, thì việc dùng mô típ các con sử dụng trong trang trí thời Trần trong dạy - học một số bài mỹ thuật đã thực sự tạo được không khí học tập tích cực. Qua đó đã tăng cường hứng thú học tập, khả năng khám phá vốn cổ dân tộc trong mỗi HS. Các em đã được nâng cao nhận

thức, đã chủ động và mạnh dạn hơn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập - ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Thiết nghĩ, giờ học mỹ thuật vô hình chung đã góp phần hình thành ý thức bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vốn có của dân tộc nói chung của thời nhà Trần nói riêng. Đây cũng là một trong những yếu tố giúp HS sẵn sàng thích ứng với nhiệm vụ học tập của mình và nâng cao chất lượng môn Mỹ thuật trong nhà trường.

Kết quả thực nghiệm đã cho thấy việc sử dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần và sự kết hợp một số kĩ thuật/phương pháp dạy học tích cực trong môn Mỹ thuật tại trường THCS Lương Ngọc Quyến - TP. Thái Nguyên mà luận văn đã đề xuất đều có tính cấp thiết và tính khả thi, tính khoa học, tính kế thừa, phát triển và hiệu quả.

Từ kết quả bước đầu này, hy vọng việc vận dụng các họa tiết việc sử dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần được ứng dụng rộng rãi và thường xuyên hơn trong dạy học môn Mỹ thuật tại trường THCS trong tỉnh Thái Nguyên.

KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu học viên xin được tóm tắt một số nội dung chính trong kết luận của luận văn gồm:

Nội dung luận văn đã nêu, phân loại được mô típ các con vật trong trang trí mỹ thuật thời Trần, chỉ ra những đặc điểm nghệ thuật thông qua diễn biến tạo hình các con vật: rồng, phượng, hổ, sư tử, long mã... dù được thể hiện dưới chất liệu đá, gỗ dưới dạng bố cục phù điêu hay tượng tròn thì các con vật mang phong cách tạo hình thời Trần đó là: Cương hoạch trong tạo khối, khoáng đạt trong kỹ thuật trang trí làm cho mỗi tác phẩm toát lên tinh thần của triều đại nhà Trần với hào khí Đông A. Những biểu tượng trang trí con vật trong mỹ thuật thời Trần mang màu sắc Phật giáo đương thời. Mỗi không gian trang trí hình con vật trong mỹ thuật thời Trần đều có sự tham gia của các mô típ trang trí khác nhau như: mây, song, nước, núi, hoa lá... tạo ra những đồ án trang trí mang ý nghĩa biểu tượng linh thiêng, tôn kính.

Luận văn đặt vấn đề bàn luận về giá trị ứng dụng của các mô típ các con vật trong đời sống cũng như trong dạy học mỹ thuật hiện nay, cụ thể là những vận dụng triển khai vào dạy mỹ thuật cấp THCS tại trường Lương Ngọc Quyến Tp Thái Nguyên. Từ đó đề cao vai trò của việc dạy học mỹ thuật cũng như sự cần thiết phải gắn kết các hoạt động dạy học lý thuyết với gắn liền với thực hành. Đặc biệt đối với môn Mỹ thuật cần coi trọng cho học sinh tìm hiểu nhằm giữ gìn vốn cổ dân tộc, kết nối di sản thông qua môn học mỹ thuật. Qua phân tích bước đầu luận văn đã chỉ ra hiệu quả nhiều mặt trong việc vận dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần vào giảng dạy mỹ thuật. Sự thay đổi hình thức tổ chức dạy - học cũng như sắp xếp nội dung học tập đã góp tạo hứng thú - nâng cao chất lượng học tập; bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước và ý thức bảo tồn, phát huy, gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

Luận văn đã phân tích tính khả thi của hệ thống tư liệu hết sức đa dạng của mô típ các con vật trong trang trí mỹ thuật thời Trần và thực nghiệm. Các phương án mà luận văn đề cập là những trải nghiệm và những kết quả đánh giá sau mỗi quá trình thực nghiệm. Vì thế, mỗi lớp thực nghiệm giúp học sinh biết chủ động, sử dụng mô típ các con vật trong trang trí thời Trần để sáng tạo trong một số bài học mỹ thuật mang lại kết quả tích cực, tạo sự phong phú cho môn học cũng như sự yêu thích mỹ thuật với học sinh.

Thông qua nghiên cứu này, bản thân học viên cũng mong muốn đưa môn Mỹ thuật gần hơn nữa với các lứa tuổi học sinh, phụ huynh học sinh. Việc vận dụng mô típ các con vật trong mỹ thuật thời Trần vào dạy học tại trường THCS Lương Ngọc Quyến TP Thái Nguyên cũng là mong muốn giáo dục lịch sử di sản của cha ông một cách ý nghĩa và tích cực đến với học sinh nơi đây. Qua đó giúp cho các thế hệ học sinh ngày càng quan tâm, chú trọng đến việc gìn giữ, bảo tồn, ứng dụng và kế thừa vốn cổ dân tộc gắn kết với thời đại và phát triển cùng thời đại, tự hào về vốn dân tộc mình. Học viên cho rằng, là giáo viên ngoài việc dạy học theo sách giáo khoa việc tiếp cận với vốn văn hóa dân tộc ở các vùng miền, các thời đại tạo điều kiện cho người dạy và người học biết trân trọng và thêm yêu quê hương đất nước. Vận dụng những kiến thức đó vào sáng tạo ứng dụng thông qua các phương pháp dạy học tích cực để giờ dạy và học có thêm nhiều hứng thú nhằm nâng cao và phát triển toàn diện năng lực cho học sinh. Nâng cao chất lượng dạy học, để người dạy và người học cùng hướng tới tự phát triển toàn cầu hóa đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Trần Lâm Biền (2001), *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
3. Trần Lâm Biền (2003), *Đồ thờ trong di tích của người Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Trần Thị Biền (2019), *Nghệ thuật trang trí trên bàn thờ Phật bằng đá trong chùa của người Việt*, Nxb Đại học Quốc gia.
5. Trần Thị Biền (2019), “Bước đầu tìm hiểu về hệ thống tiêu chí trong việc xây dựng dữ liệu hình ảnh giảng dạy môn mỹ thuật ở cấp trung học cơ sở”, *Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật*, số 31, tr.69 - 74.
6. Nguyễn Du Chi (2003), *Hoa văn Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
7. Trần Duy (2002), *Cảm luận nghệ thuật*, Nxb Mỹ thuật Hà Nội.
8. Phạm Thị Chinh, *Lịch Sử Mỹ Thuật Việt Nam*, Nxb Đại Học
9. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân (1999), *Giáo trình Mỹ học đại cương*, Nxb Giáo dục.
10. Lê Thanh Đức (1996), *Nghệ thuật Môđéc và hậu Môđéc*, Nxb Mỹ thuật Hà Nội.
11. Lê Thanh Đức (2000), *Đồ đồng văn hoá Đông Sơn, Chạm khắc cổ dân gian Việt*, Nxb Giáo dục.
12. Lê Thanh Đức (2001), *Nét đẹp đình làng*, Nxb Mỹ thuật.
13. Nguyễn Văn Đức (2009), *Những yếu tố cụ thể và trùu tượng trong tranh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội.
14. Thái Hanh (1996), *Tê Bạch Thạch*, Nxb Văn hóa - Thông Tin.
15. Nguyễn Phi Hoanh (1970), *Lược sử Mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Nguyễn Phi Hoanh (1978), *Một số nền mỹ thuật thế giới*, Nxb Văn hoá.

17. Nguyễn Phi Hoanh (1993), *Mỹ thuật và nghệ sỹ*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
18. Đoàn Thị Thu Hương (2005), *Hiệu quả trên mặt tranh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.
19. Đỗ Văn Khang (2002), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
20. Phạm Việt Hồng Lam, *Tập bài giảng bộ môn trang trí trường Cao đẳng sư phạm nhạc họa trung ương*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
21. Nguyễn Duy Lãm, Đặng Thị Bích Ngân(2001), *Màu sắc và phương pháp vẽ màu*, Nxb Văn hoá Thông tin.
22. Hoàng Công Luận - Lưu Yên (1997) *Hội họa cổ Trung Hoa, Nhật Bản*, Nxb Mỹ thuật Hà Nội.
23. Lê Thanh Lộc (1998) *Từ điển mỹ thuật*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
24. Đàm Luyện, Nguyễn Quốc Toàn, Triệu Khắc Lễ, Phạm Ngọc Tới, Đỗ Thuật (2005), SGK Mỹ thuật 6, 7, 8, Nxb Giáo dục.
25. Đặng Thị Bích Ngân (2012), *Từ điển mỹ thuật phổ thông*, Nxb Mỹ thuật Hà Nội.
26. Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thê Hùng, Phạm ngọc Tới (1998), *Giáo trình Trang trí*, Nxb Giáo dục.
27. Hoàng Minh (2000), *Hoa văn trang trí thông dụng*, Nxb Văn hoá Thông tin.
28. Khải Phạm - Phạm Cao Hoàn (1999), *70 danh họa bậc thầy thế giới*, Nxb Mỹ thuật Hà Nội.
29. Quang Phòng - Quang Việt (2000), *Mỹ thuật thủ đô Hà Nội thế kỷ XX*, Nxb Mỹ thuật Hà Nội.
30. Nguyễn Quân (1986), *Tiếng nói của hình và sắc*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội.
31. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1991) *Mỹ thuật ở làng*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
32. Nguyễn Quân, *Con mắt nhìn cái đẹp* (2005), Nxb Mỹ thuật Hà Nội.
33. Vũ Minh Tâm (2000), *Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

34. Phạm Công Thành (2002), *Luận xa gần*, Nxb Văn hoá thông tin.
35. Tạ Phương Thảo - Nguyễn Lăng Bình (2000), *Kí họa và bố cục*. Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
36. Tạ Phương Thảo (2003), *Giáo trình Trang trí*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội
37. Ngô Đức Trí (2002), *Các hình thái biểu đạt và sự phát triển của quy luật nhịp điệu trong nghệ thuật hội họa*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.
38. Chu Quang Trứ - Phạm Thị Chinh - Nguyễn Thái Lai (1998), *Lược sử mỹ thuật và mỹ thuật học*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
39. Chu Quang Trứ (1998), *Mỹ thuật Lý Trần mỹ thuật Phật giáo*, Nxb Thuận Hóa.
40. Trần Hữu Tư, Nguyễn Thu Uyên (2000), *Các tập mẫu trang trí hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật, Đường diềm*, Nxb Giáo dục.
41. Tống Trung Tín (1997), *Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý và thời Trần (thế kỷ XI - XIV)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Vũ Anh Tuấn (2006), *Biểu đạt trừu tượng bằng yếu tố tạo hình*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.
43. Phạm Ngọc Tuấn (2009), *Yếu tố đường nét - hình thể- nhịp điệu- khoảng trống - không gian trong hội họa*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Hà Nội.
44. Nguyễn Thu Tuấn (2011), *Phương pháp dạy học Mĩ thuật (Tập 1 + Tập 2)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
45. Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Giáo trình phương pháp dạy - học Mĩ thuật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
46. Trung tâm từ điển học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
47. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam (1985), *Một số vấn đề mỹ thuật*, Nxb Văn hoá thông tin.

48. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam (1993), *Mối quan hệ giữa động và tĩnh trong nghệ thuật tạo hình*, Nxb Mỹ thuật Hà Nội.
49. Phạm Hoàng Văn (2007), *Chất bi tráng trong nghệ thuật tạo hình*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Hà Nội.
50. Viện Nghệ thuật (1977), *Mỹ thuật thời Trần*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
51. Viện Mỹ thuật Năm (1979), *Bản rập những con vật trong nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

Internet

52. Wikipedia: <https://vi.m.wikipedia.org> – truy cập ngày 26 tháng 10 năm 2022
53. Tuidienwiki.com tiếng Việt <https://vi.m.wikipedia.org> truy cập ngày 26 tháng 10 năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN VĂN BÌNH

VẬN DỤNG MÔ TÍP CÁC CON VẬT
TRONG TRANG TRÍ THỜI TRẦN VÀO DẠY HỌC MĨ THUẬT
TẠI TRƯỜNG THCS LƯƠNG NGỌC QUYÊN TP. THÁI NGUYÊN

PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC

Phụ lục 1. SẢN PHẨM ỨNG DỤNG.....	91
Phụ lục 2. CẤU TRÚC CHỦ ĐỀ TRONG SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC VẬN DỤNG.....	10808
Phụ lục 3. KẾT QUẢ QUA PHIẾU THĂM DÒ THEO TỪNG LỚP	121
Phụ lục 4. MỘT SỐ HÌNH ẢNH CON VẬT TRONG MỸ THUẬT THỜI TRẦN	126

Phụ lục 1
SẢN PHẨM ỨNG DỤNG



H. 1.1. Sản phẩm tạo hình của HS lớp 6 trường THCS Lương Ngọc Quyển

Nguồn: Tác giả (2022)



H. 1.2. Sản phẩm tạo hình của HS lớp 6 trường THCS Lương Ngọc Quyển

Nguồn: Tác giả (2022)



H. 1.3. Sản phẩm tạo hình của HS lớp 6 trường THCS Lương Ngọc Quyến
Nguồn: Tác giả (2022)



H. 1.4. Sản phẩm tạo hình của HS lớp 6 trường THCS Lương Ngọc Quyến
Nguồn: Tác giả (2022)



H. 1.5. Sản phẩm tạo hình của HS lớp 6 trường THCS Lương Ngọc Quyên
Nguồn: Tác giả (2022)



H. 1.6. Sản phẩm tạo hình của HS lớp 6 trường THCS Lương Ngọc Quyên
Nguồn: Tác giả (2022)



H. 1.7. Sản phẩm tạo hình của HS lớp 6 trường THCS Lương Ngọc Quyến
Nguồn: [52]



H. 1.8. Sản phẩm tạo hình trên gốm
Nguồn: [52]



H. 1.9. Vận dụng hình con vật vào vẽ hình tròn

Nguồn: [52]



H. 1.10. Sản phẩm MTUD

Nguồn: [52]



H. 1.11. Vận dụng hình con vật vào trang trí lọ cắm hoa

Nguồn: Tác giả (2022)



H. 1.12. Tạo hình con vật của HS khối 6 trường THCS Lương Ngọc

Quyển, Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H. 1.13. Làm mô hình có trang trí hình con vật của HS trường THCS

Lương Ngọc Quyến, Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.14. Ghép giấy hình con vật của HS trường THCS Lương Ngọc Quyến,

Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.15. Tạo hình con vật của HS trường THCS Lương Ngọc Quyến, Tp
Thái Nguyên
Nguồn: Tác giả (2022)

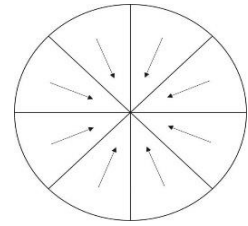
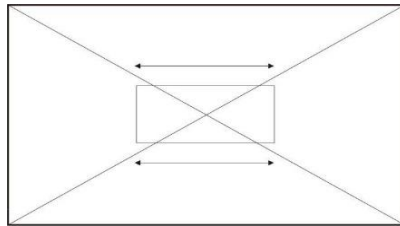
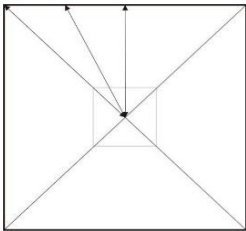


H.1.16. Tạo hình con vật
Nguồn: [52]



H.1.17. Tạo hình con vật

Nguồn: [52]



H.1.18. Các dạng bài cơ bản

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.19. Bài tập minh họa

Nguồn: [52]



H.1.20. Vận dụng Trang trí hình vuông/hình chữ nhật vào trang trí thời trang

Nguồn: [52]



H.1.21. Vận dụng trang trí hình tròn vào trang trí quạt giấy

Nguồn: [52]



H.1.22. Bài tập minh họa

Nguồn: Tác giả



Tiên nữ đầu người mình chim
đang dâng hoa (Chạm khắc - Chùa Thái Lạc)

H.1.23. Sản phẩm của học sinh trong giờ TTMT

Nguồn: Tác giả



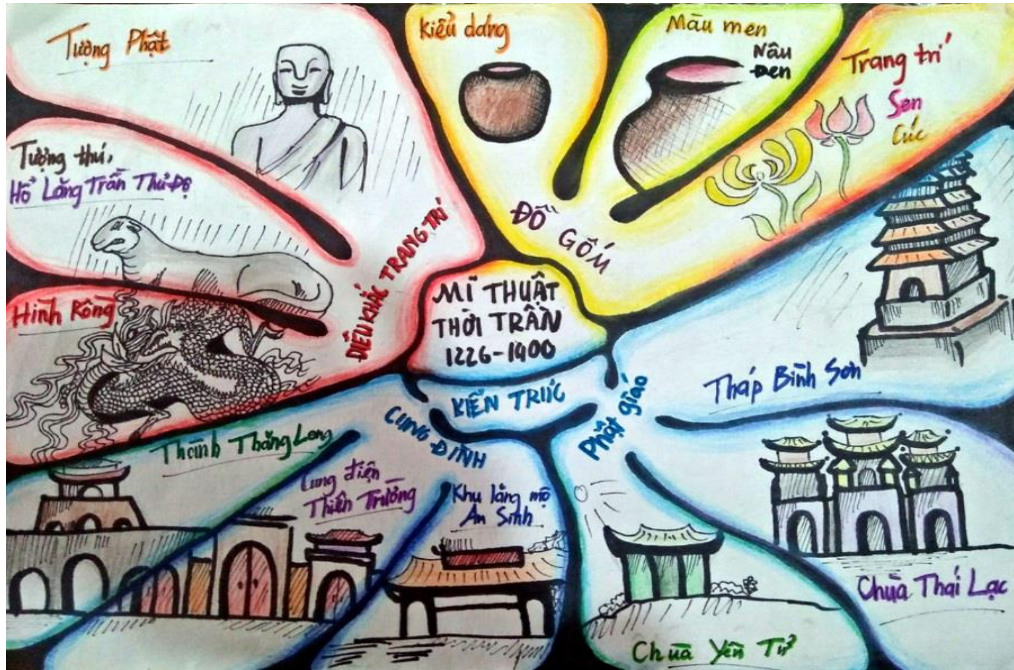
H.1.24. Sản phẩm của học sinh trong giờ TTMT

Nguồn: Tác giả



H.1.25. Sản phẩm của học sinh trong giờ TTMT

Nguồn: Tác giả



H.1.26. Sơ đồ tư duy: Mĩ thuật thời Trần của nhóm HS

Nguồn: Tác giả



H.1.27. Voi mẹ voi con

Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyến, Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.28. Voi, Cắt dán

Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyên, Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.29. Voi, vẽ nét

Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyên, Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.30. Con vật

Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyên, Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.31. Hình rồng vẽ trên nón

Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyên, Tp Thái Nguyên

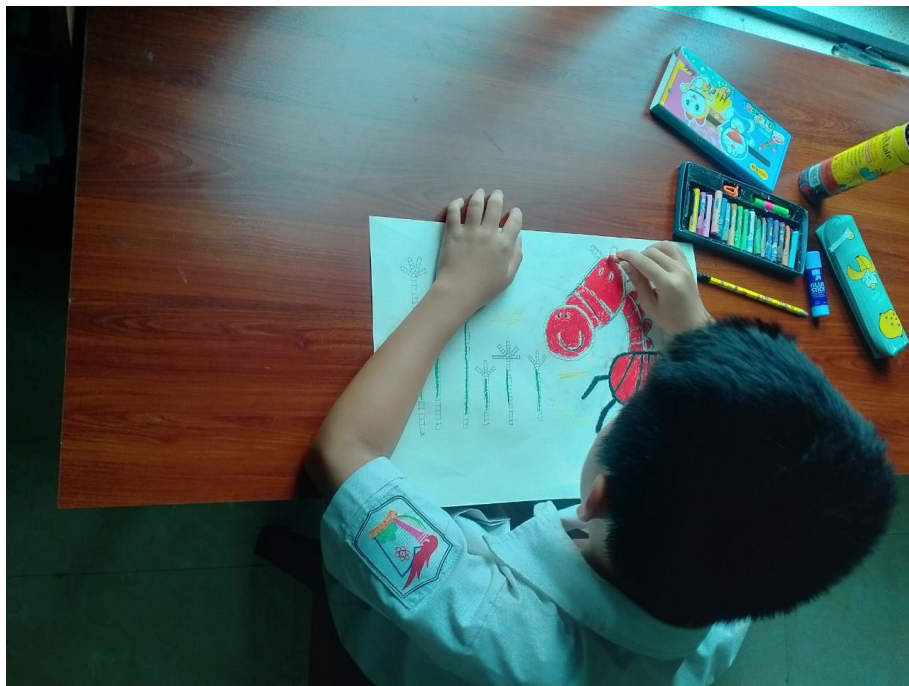
Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.32. *Thực hành vẽ tranh về chủ đề con vật*

Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyên, Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.33. *Thực hành vẽ tranh về chủ đề con vật*

Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyên, Tp Thái Nguyên

Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.34. *Thực hành vẽ tranh về chủ đề con vật*
Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyên, Tp Thái Nguyên
Nguồn: Tác giả (2022)



H.1.35. *Thực hành vẽ tranh về chủ đề con vật*
Sản phẩm của HS trường THCS Lương Ngọc Quyên, Tp Thái Nguyên
Nguồn: Tác giả (2022)

Phụ lục 2
CẤU TRÚC CHỦ ĐỀ TRONG SÁCH GIÁO KHOA
ĐƯỢC VẬN DỤNG

BÀI 1 (LỚP 7):

SƠ LƯỢC VỀ MĨ THUẬT THỜI TRẦN (1226 - 1400)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh hiểu và nắm được một số kiến thức chung về mỹ thuật thời Trần.
2. Kỹ năng: Học sinh nhận thức đúng đắn về truyền thống nghệ thuật dân tộc.
3. Thái độ: Biết trân trọng, yêu quý vốn cổ của cha ông để lại.
4. Năng lực: Tư duy, đánh giá, cảm thụ thẩm mỹ, hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên. Đồ dùng mỹ thuật 7, một số tài liệu có liên quan đến mỹ thuật thời Trần.
2. Học sinh: Vở ghi, SGK, bút.

III. PHƯƠNG PHÁP: Vấn đáp, quan sát, thuyết trình.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức: (1')
2. Kiểm tra đồ dùng:
3. Bài mới

Nội dung	Hoạt động của GV	HD CỦA HS
Hoạt động 1: Khởi động (3')		
Tiếp cận nội dung chính bài học	GV chỉ HS xem VIDEO tư liệu hình ảnh về Mỹ thuật Trần.	Xem một phần Video hình ảnh: chùa, tháp,

		tượng có trong SGK - Phát biểu
Hoạt động 2: Tìm hiểu vài nét về bối cảnh lịch sử (12')		
<p><i>I. Vài nét về bối cảnh xã hội.</i></p> <p>- Vào đầu thế kỉ XIII có những biến động quyền trị vì đất nước từ Lý - Trần.</p> <p>- Chế độ trung ương tập quyền được củng cố</p> <p>- Ba lần chiến thắng quân Mông Nguyên.</p> <p>*Tích hợp môn lịch sử: Thời Trần có những đóng góp gì cho đất nước ?</p>	<p>- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm/tổ</p> <p>+ Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử thời Trần</p> <p>+ Vào thời Trần có nét gì đặc biệt về xã hội?</p> <p>- GV: Kết luận.</p>	<p>- HS hoạt động theo nhóm/tổ</p> <p>- Báo cáo khái quát bối cảnh lịch sử thời Trần</p> <p>+<i>Thảo luận về các công trình mỹ thuật thời Trần</i></p>
Hoạt động 3: Tìm hiểu vài nét khái quát về mỹ thuật thời Trần (20')		
<p><i>II. Vài nét về mỹ thuật.</i></p> <p>1. Kiến trúc.</p> <p>a. Kiến trúc cung đình.</p> <p>- Cơ bản tiếp thu toàn bộ di sản mỹ thuật thời Lý</p> <p>- Sau chiến thắng giặc ngoại xâm, Thăng Long được xây dựng lại nhưng đơn giản hơn.</p> <p>b. Kiến trúc Phật giáo:</p> <p>Nhà Trần đã xây dựng những ngôi chùa, tháp nổi tiếng.</p>	<p>- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm/tổ</p> <p>- GV yêu cầu học sinh tìm hiểu về:</p> <p>+Kiến trúc thời Trần gồm những thể loại nào?</p> <p>+Điều khác thời Trần có đặc điểm gì?</p>	<p>-HS hoạt động theo nhóm/tổ</p> <p>-Trình bày kể tên các công trình mỹ thuật thời Trần:</p>

<p>2. Điều khắc - trang trí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều khắc: phát triển về tượng tròn, hình rồng mập mập, uốn khúc hơn mỹ thuật thời Lý. - Trang trí chạm khắc: Chạm khắc chủ yếu để trang trí, làm cho các công trình kiến trúc đẹp hơn. Chạm khắc trang trí bệ đá hoa sen rất phổ biến ở thời Trần. <p>3. Đồ gốm</p> <p>So với thời Lý, bên cạnh việc phát huy được truyền thống trước đây, gốm thời Trần đã có một số nét nổi bật.</p> <p><i>III. Đặc điểm của MT thời Trần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỹ thuật thời Trần mang hào khí thượng võ của dân tộc với ba lần chiến thắng quân Mông Nguyên, thể hiện được vẻ đẹp ở sự khoáng đạt và khỏe mạnh. - Tuy thừa kế mỹ thuật thời Lý nhưng mỹ thuật thời Trần hiện thực, giản dị và đôn hậu hơn 	<p>Phát triển về tượng tròn, hình rồng mập mập, uốn khúc</p> <p>+So sánh điều khắc của mỹ thuật thời Trần Và thời Lý có gì khác nhau?</p> <p>+Chạm khắc ở đâu là phổ biến ? nêu tên công trình tiêu biểu</p> <p>+Đặc điểm của gốm thời Trần.</p> <p>Xương gốm như thế nào ? họa tiết trang trí chủ yếu là gì?</p> <p>GV: nhận xét, bổ sung và chốt lại</p> <p>GV: Cho một vài em nêu đặc điểm chung của mỹ thuật thời Trần?</p>	
Hoạt động 4: Đánh giá kết quả học tập(7')		
<ul style="list-style-type: none"> - Chốt kiến thức cần ghi nhớ - Làm bài nếu chưa xong. 	Gv yêu cầu hs nhận xét về mỹ thuật thời	HS chuẩn bị nội dung

<p>- Chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo</p>	<p>Trần có những nét gì nổi bật và kế thừa các triều đại trước : (Phát triển về tượng tròn, hình rồng mập mập, uốn khúc; Xương góm dày, họa tiết trang trí chủ yếu là hoa sen). GV: nhận xét, bổ sung và chốt lại GV Nêu nội dung chính HS đã thảo luận</p>	<p>báo cáo -tạo hình các công trình kiến trúc - điêu khắc trang trí tiêu biểu (tháp chùa, tượng hổ, rồng...) Trả lời Chú ý lắng nghe</p>
--	---	--

IV. HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ(3)

- Học thuộc bài
- Sưu tầm thêm nhiều tranh ảnh bài viết thời Trần
- Chuẩn bị bài 2.

BÀI 2 (lớp 7):
MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU CỦA MĨ THUẬT THỜI TRẦN (1226 - 1400)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: củng cố và cung cấp thêm cho học sinh một số kiến thức chung về mỹ thuật thời Trần.

2. Kỹ năng: Học sinh hiểu giá trị các công trình MT thời Trần.

3. Thái độ: Học sinh trân trọng và yêu thích nền mỹ thuật thời Trần nói riêng, nghệ thuật dân tộc nói chung.

4. Năng lực: Tư duy, đánh giá, cảm thụ thẩm mỹ, hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Đồ dùng mỹ thuật 7, một số tài liệu có liên quan đến mỹ thuật thời Trần

2. Học sinh: Vở ghi, SGK

III. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, vấn đáp gợi mở, thuyết trình

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức (1')

2. Kiểm tra bài cũ: Em hãy nêu vài nét sơ lược về mỹ thuật thời Trần?

3. Bài mới

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Khởi động (2')		
Xem một phần Video hình ảnh hoạt động của HS tạo hình và giới thiệu các công trình mỹ thuật thời Trần SG	GV trình chiếu hình ảnh	- HS theo dõi - Nhận xét
Hoạt động 2: Tìm hiểu vài nét về công trình kiến trúc thời Trần(20')		

<p><i>I. Kiến trúc.</i></p> <p>1. Tháp Bình Sơn</p> <p>- Là một công trình kiến trúc bằng đất nung khá lớn nằm giữa sân trước chùa Vĩnh Khánh, xã Lập Thạch - Vĩnh Phúc, hiện chỉ còn 11 tầng cao hơn 15m.</p> <p>- Về hình dáng: Tháp có mặt bằng hình vuông, càng lên cao càng thu nhỏ dần.</p> <p>+ Các tầng trên đều trở cửa bốn mặt, mái các tầng hẹp.</p> <p>+ Tầng dưới cao hơn các tầng trên cao</p> <p>- Về trang trí: Bên ngoài tháp, các tầng được trang trí bằng các hoa văn khá phong phú.</p> <p>2. Khu lăng mộ An Sinh (Quảng Ninh)</p> <p>- Đây là khu lăng mộ lớn của các vua Trần được xây dựng ở sát rìa các chân núi.</p> <p>-Bố cục các lăng mộ thường đăng đối, quy tụ vào một điểm ở giữa...</p>	<p>GV phân chia nhóm</p> <p>Nêu yêu cầu của từng nhóm</p> <p>Hình thức: Cắt dán</p> <p>Chất liệu: Tùy chọn</p> <p>GV: Đánh giá sản phẩm kết quả thảo luận của học sinh</p> <p>Hình thức: Tạo hình 3D</p> <p>Chất liệu: Tùy chọn</p>	<p>Nhóm 1: Tháp bình sơn</p> <p>Chuẩn bị nguyên vật liệu, keo, băng dính, thước</p> <p>Nhóm 2: Lăng mộ an sinh.</p> <p>Chuẩn bị nguyên vật liệu, hình hộp, kéo, băng dính, thước</p> <p>Trung bày sản phẩm và thuyết trình</p> <p>Các nhóm khác bổ sung.</p>
<p>Hoạt động 3: Giới thiệu một vài tác phẩm điêu khắc và trang trí (18')</p>		

<p><i>II. Điều khắc.</i></p> <p><i>1. Tượng Hồ ở lăng Trần Thủ Độ.</i></p> <p>- Khu lăng mộ của Trần Thủ Độ được xây dựng vào năm 1264 tại Thái Bình, ở lăng có tạc một con hồ.</p> <p>- Tượng có kích thước gần như thật, thân hình thon, bộ ức nở nang và những bắp vế căng tròn.</p> <p>* Thông qua hình tượng con hồ các nghệ sĩ điêu khắc thời xưa đã nắm bắt và lột tả được tính cách, vẽ đường bệ, lẫm liệt của thái sư Trần Thủ Độ.</p> <p><i>2. Chạm khắc gỗ ở chùa Thái Lạc.</i></p> <p>- Nội dung diễn tả chủ yếu là cảnh dâng hoa, tấu nhạc với những nhân vật trung tâm là vũ nữ, nhạc công hay những con chim thần thoại Ki-na-ri (nửa trên là người, nửa dưới là chim) Được sắp xếp cân đối, không đơn điệu, buồn tẻ với đội nông sâu khác nhau</p>	<p>Hình thức: Nặn</p> <p>Chất liệu: Đất nặn</p> <p>Hình thức: vẽ</p> <p>Chất liệu: giấy</p>	<p>Nhóm 3: Tượng hồ ở lăng Trần Thủ Độ</p> <p>Chuẩn bị đất nặn</p> <p>Trung bày sản phẩm và thuyết trình</p> <p>Các nhóm khác bổ sung.</p> <p>Nhóm 4: Chạm khắc gỗ ở chùa Thái lạc</p> <p>Chuẩn bị nguyên vật liệu, Giấy, bút chì, tẩy, thước</p> <p>Đại diện nhóm trung bày sản phẩm và thuyết trình</p> <p>Các nhóm khác bổ sung.</p> <p>.</p>
--	--	---

Hoạt động 4: Đánh giá kết quả học tập (4')		
-Chốt nội dung cần nắm -Chuẩn bị bài học lần sau	GV đánh giá nhận xét Ưu điểm - hạn chế các nhóm Tuyên dương các nhóm hoạt động tích cực và hiệu quả. Động viên khích lệ học sinh làm bài tốt.	Các nhóm trưng bày sản phẩm

IV. HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ (1')

- Suu tầm thêm nhiều tranh ảnh bài viết về MT thời Trần
- Chuẩn bị bài 3.

Tiết 4 (Lớp 8):**TẠO DÁNG VÀ TRANG TRÍ CHẬU CẢNH****I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức: HS nắm được cách tạo dáng và trang trí chậu cảnh.
2. Kỹ năng: Biết cách tạo dáng và trang trí được một chậu cảnh theo ý thích..

3. Thái độ: Thấy được vẻ đẹp của chậu cảnh thông qua bài vẽ

4. Năng lực: Tư duy, đánh giá, cảm thụ thẩm mỹ, sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng dạy - học

Giáo viên:

- Ảnh, hình vẽ chậu cảnh phóng to

- Bài trang trí chậu cảnh của HS, hình hướng dẫn các bước vẽ.

Học sinh:

Vở vẽ, bút chì, tẩy, màu,...

2. Phương pháp dạy - học:

- Phương pháp vấn đáp, trực quan, liên hệ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức(1')

2. Kiểm tra bài cũ

Câu hỏi: Em hãy nêu công trình kiến trúc tiêu biểu của thời Lê?

3. Bài mới

GV đặt vấn đề giới thiệu bài:

Trong cuộc sống các đồ vật bên cạnh chức năng sử dụng còn chức năng thẩm mỹ. Giờ học hôm nay có sẽ hướng dẫn các em tạo dáng và trang trí chậu cảnh.

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Hoạt động 1: Khởi động (3')		
<p>Sự đa dạng phong phú của cây cảnh dẫn đến chậu cảnh cũng có nhiều hình dạng khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu một số hình ảnh về cây cảnh. - GV nêu vấn đề: Cây trồng trong chậu, cây ngoài tự nhiên khác nhau thế nào? - GV giới thiệu mục tiêu của bài học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát - Suy nghĩ, trao đổi
Hoạt động 2: Hướng dẫn HS quan sát nhận xét (3')		
<p><i>I. Quan sát nhận xét:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình dáng. - Cấu tạo. - Tỷ lệ, kích thước. - Bố cục họa tiết. - Màu sắc. 	<p>GV Nêu câu hỏi</p> <p>Nhận xét về hình dáng, kích thước, họa tiết màu sắc những chậu cảnh trên ?</p> <p>Tỷ lệ, kích thước của chậu có giống nhau không?</p> <p>Chậu cảnh được trang trí ở những phần nào?</p> <p>Hình thức trang trí trên chậu cảnh Họa tiết được trang trí trên chậu là những hình ảnh gì?</p> <p>Chậu cảnh làm bằng chất liệu gì ?</p> <p>Màu sắc như thế nào ?</p> <p>GV nhận xét bổ xung</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và suy luận, trao đổi - Trả lời

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS cách trang trí (7')		
<p><i>II. Cách vẽ:</i></p> <p>1. Tạo dáng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phác khung hình chung. - Kẻ trục, chia tỉ lệ. - Phác nét chính. - Vẽ hình. <p>2. Trang trí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục, phác mảng chính, phụ. - Vẽ các nét chính họa tiết. - Vẽ chi tiết. - Vẽ màu. 	<p>GV hướng dẫn cánh tạo dáng qua hình minh họa :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phác khung hình (cao, rộng, thấp, hẹp). + Kẻ các đường trục tìm tỉ lệ các phần: Miệng, thân, đáy chậu như thế nào ? <p>Gv gợi ý Hs tìm tỷ lệ các phần sao cho cân đối hài hoà.</p> <p>Vẽ các nét chính bằng các đường thẳng.</p> <p>-Tìm bố cục</p> <p>Mảng chính, mảng phụ ở đâu của chậu ?</p> <p>GV gợi ý HS tìm và vẽ họa tiết</p> <p>Gợi Hs nhắc lại các hình thức trang trí đã học</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sắp xếp họa tiết xen kẽ, nhắc lại đối xứng, mảng không đều. <p>Họa tiết chính vẽ ở đâu?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Áp dụng trang trí đường diềm vào trong trang trí chậu cảnh. + Vẽ màu. Màu sắc nhẹ nhàng, hài hoà, sử dụng ít màu, chú ý màu sắc thể hiện chất men. 	<p>Quan sát</p> <p>Trả lời</p> <p>Ghi bài</p>

	GV hướng dẫn từng bước trực tiếp trên bảng cho học sinh quan sát.	
Hoạt động 4: Hướng dẫn HS thực hành(25')		
<p><i>III. Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo dáng và trang trí một chậu cảnh mà em thích - Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + Vẽ, + Cắt dán, + Tạo hình 3D + Chất liệu tùy chọn 	<p>GV hướng dẫn HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn dáng chậu - Hình thức trong trang trí - Hoa tiết là những hình gì? - Màu sắc ra sao? <p>GV quan sát hướng dẫn HS làm bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn đặt giấy - Bộ cụng - Tạo hình từ khái quát đến chi tiết - Chọn họa tiết phù hợp với hình dáng chậu 	HS làm bài
Hoạt động 5: Nhận xét đánh giá (5')		
<ul style="list-style-type: none"> - Chốt nội dung cần nắm - Chuẩn bị bài học lần sau 	<p>GV chọn một số bài đạt và chưa đạt để học sinh nhận xét:</p> <p>Hình dáng chậu ntn?</p> <p>Họa tiết đã đẹp và phù hợp chưa?</p> <p>Màu sắc như thế nào ?</p>	<p>HS quan sát.</p> <p>HS làm bài</p>

	<ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét, củng cố lại- Về nhà hoàn thành tiếp bài vẽ.- Chuẩn bị cho bài sau (bài 5)	
--	--	--

Nguồn: HV

IV. HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ (2’):

- Hoàn thành bài trên lớp

Phụ lục 3**KẾT QUẢ QUA PHIẾU THĂM DÒ THEO TỪNG LỚP**

(143/146 học sinh được trả lời)

ST T	TIÊU CHÍ	LỚP	SỐ HS CÓ Ý KIẾN		
			KHÔ NG HÀI LÒN G	HÀI LÒN G	RẤT HÀI LÒN G
1	Tổ chức dạy học hấp dẫn hơn.	7A1	0	3	33
		7A2	0	4	32
		7A3	0	2	34
		7A4	0	1	34
2	Hoạt động nhóm chất lượng hơn.	7A1	0	1	35
		7A2	0	2	34
		7A3	0	1	35
		7A4	0	0	35
3	Các nhóm làm việc sôi nổi, chủ động hơn.	7A1	0	0	36
		7A2	0	0	36
		7A3	0	0	36
		7A4	0	0	36
4	Nội dung phù hợp với HS hơn.	7A1	0	1	35
		7A2	0	1	35
		7A3	0	0	36
		7A4	0	0	36
5	Kiến thức được mở rộng hơn.	7A1	0	5	31
		7A2	0	4	32

		7A3	0	2	34
		7A4	0	2	33
6	Bài học kết hợp hài hòa giữa lý thuyết với thực hành.	7A1	0	0	36
		7A2	0	0	36
		7A3	0	0	36
		7A4	0	0	35
7	Ghi nhớ nội dung bài học tốt hơn; Nhận thức nhanh hơn.	7A1	0	2	34
		7A2	0	1	35
		7A3	0	1	35
		7A4	0	1	34
8	Vận dụng vào các bài trang trí tốt hơn.	7A1	0	2	34
		7A2	0	2	34
		7A3	0	1	35
		7A4	0	2	33
9	Ứng dụng trang trí góc học tập dễ dàng hơn.	7A1	0	2	34
		7A2	0	1	35
		7A3	0	1	35
		7A4	0	1	34
10	Ứng dụng vào thời trang linh hoạt hơn.	7A1	0	2	34
		7A2	0	2	34
		7A3	0	3	33
		7A4	0	2	33

Nguồn: Tác giả

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM DÒ 143/146 HS

ST T	TIÊU CHÍ	SỐ HS CÓ Ý KIẾN				
		KHÔ NG HÀI LÒNG G	HÀI LÒNG G	TỶ LỆ %	RẤT HÀI LÒNG	TỶ LỆ %
1	Tổ chức dạy học hấp dẫn hơn	0	10	7.0%	133/143	93.0 %
2	Hoạt động nhóm chất lượng hơn	0	4	2.8%	139/143	97.2 %
3	Các nhóm làm việc sôi nổi, chủ động hơn	0	0	0%	143/143	100 %
4	Nội dung phù hợp với HS hơn	0	2	1.4%	141/143	98.6 %
5	Kiến thức được mở rộng hơn	0	13	0.1%	130/143	90.9 %
6	Bài học kết hợp hài hòa giữa lý thuyết với thực hành	0	0	0%	143/143	100 %
7	Ghi nhớ nội dung bài học tốt hơn; Nhận thức nhanh hơn	0	0	0%	143/143	100 %
8	Vận dụng vào các bài trang trí tốt hơn.	0	7	4.9%	136/143	95.1 %
9	Ứng dụng trang trí góc học tập dễ dàng	0	5	3.5%	138/143	96.5 %

	hơn.					
10	Ứng dụng vào thời trang linh hoạt hơn.	0	9	2.3%	134/143	93.7 %
Tổng cộng		0	50	4.0%	1.380/143 0	96%

Nguồn: Tác giả (2022)

CÁC TIÊU CHÍ THĂM DÒ Ý KIẾN HỌC SINH VỀ GIỜ HỌC

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG HÀI LÒNG	HÀI LÒNG	RẤT HÀI LÒNG
Hình thức tổ chức				
1	Tổ chức dạy học hấp dẫn hơn.			
2	Hoạt động nhóm chất lượng hơn..			
3	Các nhóm làm việc sôi nổi, chủ động hơn			
Nội dung bài học				
4	Nội dung phù hợp với HS hơn.			
5	Kiến thức được mở rộng hơn.			
6	Bài học kết hợp hài hòa giữa lý thuyết với thực hành.			
7	Ghi nhớ nội dung bài học tốt hơn. Nhận thức nhanh hơn.			
Vận dụng vào thực tiễn				
8	Vận dụng vào các bài trang trí tốt hơn.			
9	Ứng dụng trang trí góc học tập dễ dàng hơn.			
10	Ứng dụng vào thời trang linh hoạt hơn.			
Tổng				

Nguồn: Tác giả (2022)

Phụ lục 4

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CON VẬT TRONG MỸ THUẬT THỜI TRẦN



H 4.1. Rồng trên bàn thờ Phật chùa Hương Trại

Nguồn: [4]



H 4.2. Rồng trên bàn thờ Phật chùa Hương Trại

Nguồn: [4]



H 4.3. Rồng trên nhang án đá chùa Phổ Quang

Nguồn: [4]



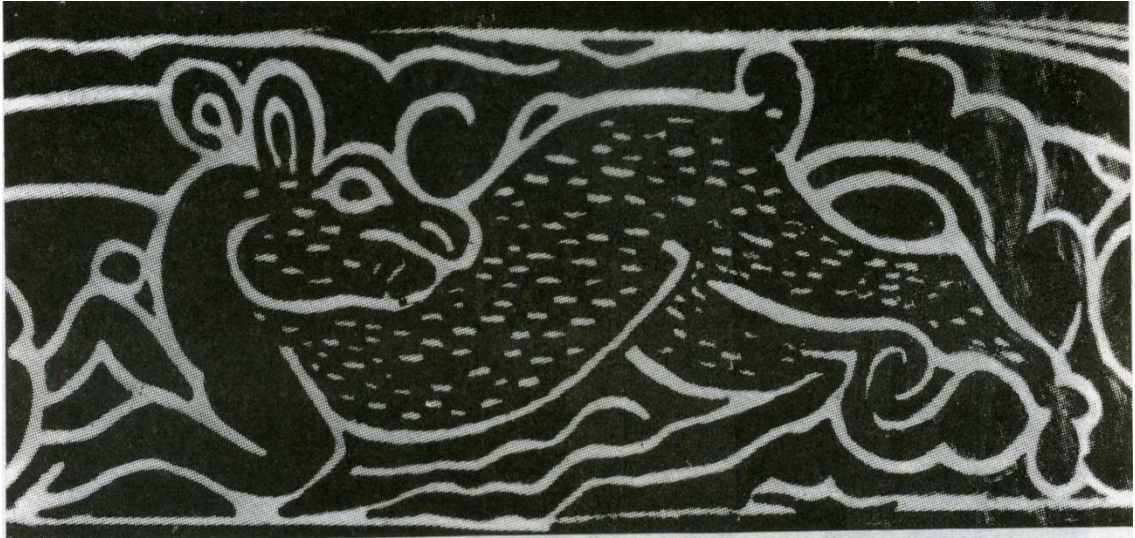
H 4.4. Sư tử trang trí trên nhang án đá chùa Đại Bi/ Quế Dương
Nguồn: [4]



H 4.5. Sư tử trên nhang án đá chùa Phổ Quang
Nguồn: [4]



H 4.6. Hồ chạm trên nhang án đá chùa Đại Bi
Nguồn: [4]



H 4.7. Hươu trên nhang án chùa Ngọc Đình/Thắng Phúc

Nguồn: [4]



H 4.8. Hươu trang trí trên nhang án đá chùa Bối Khê

Nguồn: [4]



H 4.9. Hình cá hóa long - Chùa Phổ Quang

Nguồn: [4]



H 4.10. Hươu trên nhang án chùa Chân Nguyên

Nguồn: [4]



H 4.11. Hình rồng, bậc cửa chùa Phở Minh (Nam Định)

Nguồn: HV



H 4.12. Cánh cửa chạm rồng chùa Phở Minh (Nam Định)

Nguồn: [52]



H 4.13. Rỗng trang trí trong long tháp chùa Phổ Minh (Nam Định)

Nguồn: [52]



H 4.14. Hình lân trên bệ đá chùa Tổng, Hưng Yên, thời Trần TK 14.

Nguồn: [6]